



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

PHM CHÍ SN

Digitally signed by PHM CHÍ SN
DN: C=VN, S=Hà Ni, L=Đống Đa, O=TNG CÔNG TY
C PHN XUT NHP KHU VÀ XÂY DNG VIT NAM
(VINACONEX), OU=Ban Giám Đc, T=Giám Đc Ban
Đi Ngoi - Pháp Ch, CN=PHM CHÍ SN,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=CMND:011761326
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2014/04/21 09:58:35 +07'00'

BÁO

CÁO

THƯỜNG

NIÊN

2013



MỤC LỤC

GIỚI THIỆU CHUNG	1
<i>THƯ NGỎ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</i>	2
I. THÔNG TIN CHUNG	3
1. Thông tin khái quát	3
II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	4
III. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH	5
A. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	5
B. ĐỊA BÀN KINH DOANH	6
C. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ	6
D. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	7
1. Sứ mệnh	7
2. Mục tiêu chiến lược	7
IV. CÁC RỦI RO	8
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2013	9
I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	10
II. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	11
1. Thành viên Ban Tổng giám đốc	11
2. Những thay đổi trong ban điều hành	13
3. Chính sách đối với người lao động	13
V. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN	14
1. Các khoản đầu tư lớn	14
2. Các công ty con, công ty liên kết: (Xem phụ lục 2)	14
VI. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	15
1. Tình hình tài chính	15
2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	16
VII. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU	17
1. Cổ phần	17
2. Cơ cấu cổ đông	18

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	19
I. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	19
1. Đánh giá chung về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013 của Công ty Mẹ	20
2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2013 của Công ty Mẹ	21
3. Kết quả kinh doanh năm 2013 của Công ty Mẹ	22
4. Kết quả kinh doanh hợp nhất Tổng Công ty	23
II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	24
A. CÔNG TY MẸ	24
B. HỢP NHẤT	26
III. MỤC TIÊU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG NĂM 2014	28
IV. GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN	28
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	29
I. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY	30
II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC	30
1. Về công tác nhân sự Ban điều hành	30
2. Về công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng công ty	30
III. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TỒN TẠI	32
IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2014	33
QUẢN TRỊ CÔNG TY	35
I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	36
1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị	36
2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	39
3. Hoạt động của Hội đồng quản trị	39
4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành:	47
5. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:	48
II. BAN KIỂM SOÁT	49
1. Thành viên Ban kiểm soát	49
2. Hoạt động của Ban kiểm soát	50
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	55
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	58

Đại lộ Thăng Long



GIỚI THIỆU CHUNG



Cầu Bãi Cháy – Quảng Ninh

THƯ NGỎ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý cổ đông,

Năm 2013, nền kinh tế nước ta đã ổn định hơn và bắt đầu hồi phục với nhiều ghi nhận tích cực về các chỉ số kinh tế vĩ mô, tuy nhiên lĩnh vực hoạt động chính của Tổng công ty vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Tình hình thị trường bất động sản tiếp tục trầm lắng, các doanh nghiệp bất động sản tiếp tục phải đối mặt với nhiều thách thức, khó khăn trong việc huy động nguồn vốn. Lĩnh vực xây lắp tiếp tục có sự cạnh tranh quyết liệt, đặc biệt là sự vươn lên mạnh mẽ của các nhà thầu tư nhân trong nước và nhà thầu nước ngoài. Trước những thách thức, khó khăn nêu trên, VINACONEX đã nỗ lực, phấn đấu và đạt kết quả doanh thu – lợi nhuận ở mức tích cực so với các doanh nghiệp trong ngành, các hoạt động kinh doanh cốt lõi ổn định, từng bước thực hiện các giải pháp ổn định tình hình tài chính, tích tụ nguồn lực, phục vụ cho giai đoạn phát triển mới.

Trong lĩnh vực xây lắp, ngoài việc hoàn thành hoặc triển khai đúng tiến một số dự án lớn chuyển tiếp từ các năm trước (như Dự án T2 Nội Bài, giai đoạn 1 - Splendor...), trong những tháng cuối năm 2013, VINACONEX đã trúng thầu nhiều dự án xây lắp với giá trị lớn như Gói thầu số 7 – Dự án lọc dầu Nghi Sơn, dự án cấp nước thô cho điện lực duyên hải miền Trung, dự án đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi. Điều này tiếp tục khẳng định uy tín, vị thế hàng đầu của Tổng công ty trên lĩnh vực xây lắp, đồng thời góp phần đảm bảo nguồn việc làm, doanh thu, lợi nhuận cho năm 2014 và các năm tiếp theo. Trong lĩnh vực đầu tư kinh doanh bất động sản, VINACONEX tiếp tục tập trung hoàn thiện cơ chế quản lý, khai thác các dự án sau đầu tư theo hướng chuyên nghiệp hóa nhằm tăng cường hiệu quả kinh tế cho Tổng công ty cũng như tối đa hóa sự hài lòng của các khách hàng. Bên cạnh việc khai thác các dự án cũ, VINACONEX đã tăng cường công tác chuẩn bị đầu tư các dự án mới mới thông qua việc chủ động tìm kiếm dự án hoặc hợp tác với các đối tác có sẵn quỹ đất/dự án đã và đang hoàn thiện thủ tục đầu tư để cùng tham gia triển khai đầu tư dự án, sẵn sàng nắm bắt cơ hội khi thị trường bất động sản đã có những dấu hiệu tích cực trở lại. Trong công tác tái cấu trúc, VINACONEX đã tiếp tục củng cố, kiện toàn công tác quản trị điều hành doanh nghiệp, xây dựng và triển khai thực hiện việc tái cấu trúc vốn tại các Công ty thành viên để tăng cường hiệu quả hoạt động đầu tư vốn. Việc hoàn thành tái cấu trúc Công ty cổ phần xi măng Cẩm Phả sau một thời gian dài kiên trì đàm phán với các đối đã giúp VINACONEX vượt qua được những khó khăn tài chính, dần ổn định dòng tiền để tiếp tục triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh trong tương lai.

Đạt được kết quả nêu trên phải kể đến sự hỗ trợ của các cơ quan ban ngành Trung ương và địa phương, sự đoàn kết, nhất trí của tập thể Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát, sự quyết tâm của toàn thể cán bộ công nhân viên Tổng công ty và sự ủng hộ, tin tưởng, chia sẻ khó khăn của Quý cổ đông, các tổ chức tài chính, các đối tác trong và ngoài nước.

Thay mặt HĐQT, tôi xin bày tỏ lòng cảm ơn sâu sắc tới Quý cổ đông, các đối tác và đặc biệt là sự tận tâm, năng nổ của Ban điều hành và tập thể cán bộ công nhân viên Tổng công ty đã đoàn kết, nhất trí để đưa VINACONEX vững bước vượt qua những khó khăn thử thách, tạo tiền đề cho giai đoạn phát triển mới.

Trân trọng.



Nguyễn Thành Phương

Chủ tịch HĐQT Tổng công ty cổ phần VINACONEX



Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Thành Phương

I. THÔNG TIN CHUNG



1. Thông tin khái quát

- ✓ Tên giao dịch: Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam
- ✓ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100105616 do Sở Kế hoạch đầu tư T.p Hà Nội cấp ngày 01/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 17/4/2012
- ✓ Vốn điều lệ: 4.417.106.730.000 đồng
- ✓ Vốn chủ sở hữu: 5.321.739.459.515 đồng (tại ngày 31/12/2013)
- ✓ Địa chỉ: Tòa nhà VINACONEX, 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
- ✓ Số điện thoại: 046.2849.234
- ✓ Số fax: 046.2849.208
- ✓ Website: www.vinaconex.com.vn
- ✓ Mã cổ phiếu: VCG



II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2012

Tháng 03/2012 – Tổng công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu và Xây dựng Việt Nam phát hành thành công cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 4.417 tỷ đồng.

2010

Tháng 11/2010 - Tổng công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu và Xây dựng Việt Nam phát hành thành công cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng.

2008

Ngày 05/09/2008 Cổ phiếu của Tổng công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu và Xây dựng Việt Nam (mã VCG) chính thức giao dịch trên sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

2006

Ngày 01/12/2006 Đổi tên thành Tổng công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu và Xây dựng Việt Nam và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.

1995

Ngày 20/11/1995 Tổng công ty Xuất Nhập Khẩu Xây dựng Việt Nam được thành lập theo mô hình Tổng công ty 90. Theo đó, Tổng công ty Xuất Nhập Khẩu Xây dựng Việt Nam được Bộ Xây dựng cho phép tiếp nhận một số công ty xây dựng trực thuộc Bộ về Tổng công ty.

1991

Ngày 10/08/1991 Công ty Dịch vụ và Xây dựng nước ngoài đổi tên thành Tổng công ty Xuất Nhập Khẩu Xây dựng Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, xuất nhập khẩu và xuất khẩu lao động.

1988

Ngày 27/09/1988 Công ty Dịch vụ và Xây dựng nước ngoài, tiền thân của Tổng công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu và Xây dựng Việt Nam được thành lập.

III. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

A. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

1. Kinh doanh Bất động sản



Kinh doanh bất động sản là một lĩnh vực có nhiều tiềm năng mang lại hiệu quả cao và được Vinaconex xác định là lĩnh vực

kinh doanh trọng yếu, nhất là đối với một doanh nghiệp có năng lực về xây lắp, sản xuất vật liệu xây dựng. Hiện nay Vinaconex đang tập trung hoàn thành thủ tục để chuẩn bị triển khai một số dự án bất động sản tại Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh thành phố khác...

2. Xây lắp công trình



VINACONEX đang được biết đến là một nhà thầu xây lắp hàng đầu của ngành xây dựng Việt Nam với năng lực thực hiện các dự án lớn như xây dựng dân dụng,

công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị, giao thông, thủy lợi ... dưới các hình thức nhận thầu, tổng thầu xây lắp, tổng thầu EPC. Đây là lĩnh vực hoạt động then chốt được VINACONEX tăng cường về nguồn lực, đổi mới công nghệ, thiết bị để nâng cao năng lực thực hiện các dự án quy mô lớn và phức tạp hơn..

3. Sản xuất công nghiệp



Gắn kết giữa kinh doanh bất động sản, tư vấn thiết kế và xây lắp, sản xuất công nghiệp và vật

liệu xây dựng là một trong số các lĩnh vực trọng tâm trong hoạt động SXKD của VINACONEX. Các sản phẩm sản xuất công nghiệp và vật liệu xây dựng của VINACONEX là những sản phẩm thiết yếu đối với đời sống xã hội, được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại và mang tính cạnh tranh trên thị trường

4. Tư vấn thiết kế



Các giải pháp về quy hoạch, kiến trúc, kết cấu ... do VINACONEX đề xuất đều hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, đáp ứng tốt nhất nhu cầu của cuộc sống, mang hơi thở thời đại



cũng như đậm đà bản sắc dân tộc.

5. Các lĩnh vực khác

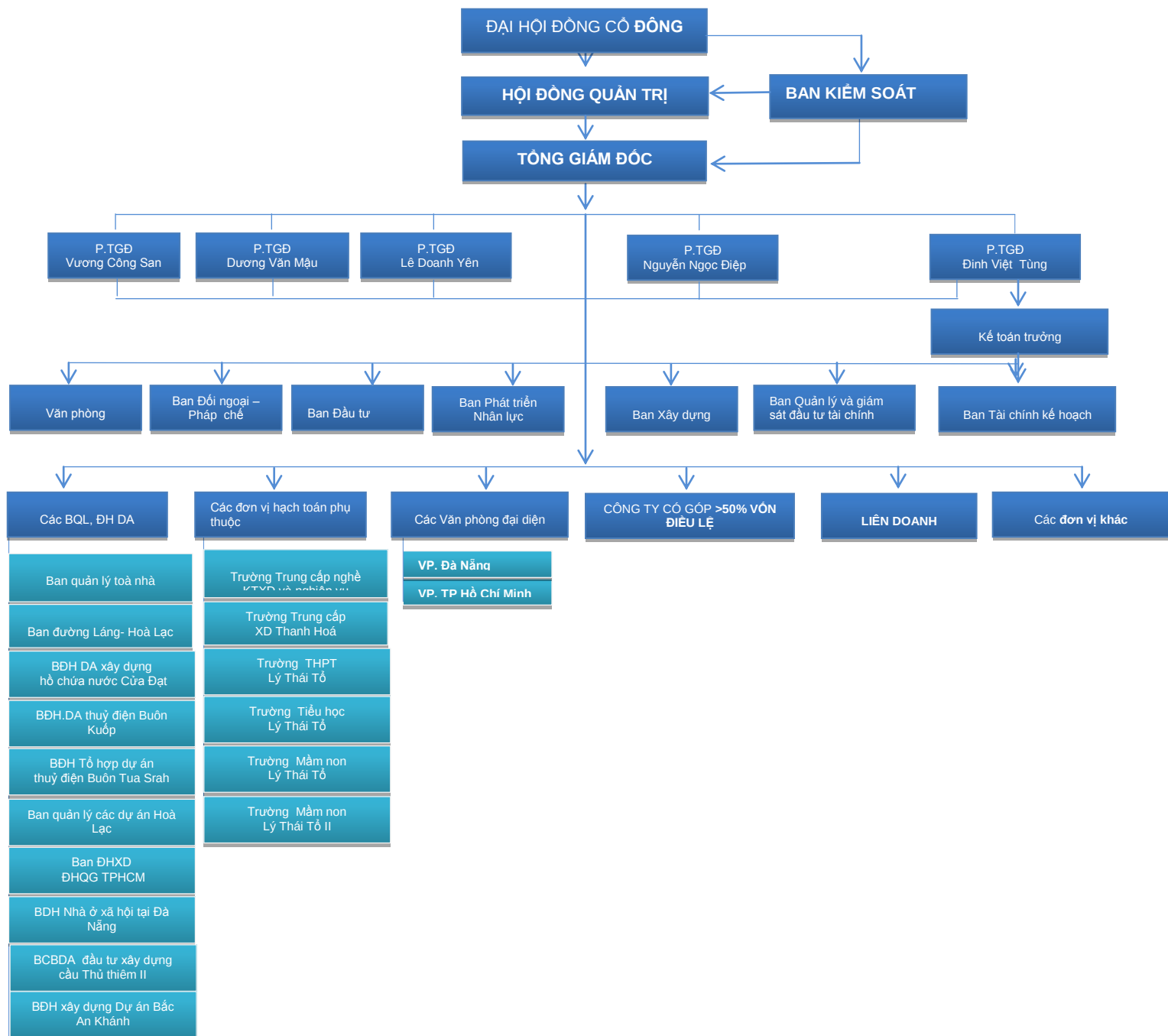
Kinh doanh xuất nhập khẩu, kinh doanh thương mại, du lịch, khách sạn, giáo dục đào tạo ...

B. ĐỊA BÀN KINH DOANH

Hà Nội - Đà Nẵng – Thành phố Hồ Chí Minh và một số các tỉnh thành khác trong cả nước.

C. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Sơ đồ tổ chức Tổng công ty cổ phần VINACONEX (đến 31/12/2013)



D. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Sứ mệnh

- *Đối với lĩnh vực xây lắp:* cung cấp dịch vụ xây lắp đối với các loại công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình cơ sở hạ tầng với chất lượng tốt, áp dụng công nghệ tiên tiến và đảm bảo thời hạn bàn giao với giá thành hợp lý.
- *Đối với lĩnh vực đầu tư, kinh doanh bất động sản và hạ tầng cơ sở:* cung cấp cho xã hội và khách hàng các sản phẩm đảm bảo (i) chất lượng cao, (ii) thân thiện với người sử dụng, (iii) thực hiện đúng cam kết, và (iv) phù hợp với nhu cầu thị trường và xã hội.

2. Mục tiêu chiến lược

❖ Đối với lĩnh vực xây lắp:

✓ Dẫn đầu trong lĩnh vực xây lắp các loại công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình cơ sở hạ tầng với các tiêu chí: (i) đảm bảo chất lượng, (ii) áp dụng công nghệ tiên tiến và thân thiện với môi trường, (iii) đúng thời hạn bàn giao, và (iv) giá thành phù hợp, cạnh tranh;



✓ Tìm kiếm các công trình xây dựng quy mô lớn, đòi hỏi quy trình công nghệ cao để phát huy thế mạnh của Tổng Công ty;

✓ Hình thành đội ngũ nhân lực đầu thầu và quản lý dự án chuyên nghiệp; hoàn thiện mô hình nhà thầu quản lý EPC tại Tổng Công ty;

✓ Tổng Công ty là nhà thầu quản lý, trực tiếp quản lý tất cả các hoạt động xây lắp, đấu thầu thi công của Tổng Công ty (bao gồm cả các đơn vị thành viên);

✓ Chuyên nghiệp hóa hoạt động các doanh nghiệp thành viên trong lĩnh vực xây dựng bằng cách chuyên môn hóa hoạt động các doanh nghiệp này theo từng lĩnh vực chuyên ngành;

✓ Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ mới, thân thiện với môi trường trong lĩnh vực xây dựng

❖ Đối với lĩnh vực đầu tư, kinh doanh bất động sản:

✓ Dẫn đầu trong lĩnh vực đầu tư bất động sản (khu nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật) đảm bảo (i) chất lượng, (ii) thân thiện với người sử dụng, (iii) thực hiện đúng cam kết, và (iv) giá cả hợp lý, phù hợp với thị trường và xã hội;



✓ Hình thành đội ngũ phát triển bất động sản và hoàn thiện mô hình quản lý bất động sản chuyên nghiệp tại Tổng Công ty;

✓ Phát huy thế mạnh của Tổng Công ty vừa là nhà đầu tư vừa là đơn vị trực tiếp triển khai thi công dự án đầu tư để tìm kiếm và tham gia đầu tư các dự án cơ sở hạ tầng xã hội mà các doanh nghiệp khác chưa thể hoặc chưa sẵn sàng tham gia đầu tư như dự án sản xuất và phân phối nước sạch, sản xuất và phân phối điện, dự án giao thông (đường, cầu);

IV. CÁC RỦI RO

Tình hình kinh tế Việt Nam tuy đã có những dấu hiệu cải thiện (kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát về cơ bản được kiểm chế...) nhưng vẫn đang phải đối diện với những thách thức ngắn hạn như: nợ xấu của hệ thống ngân hàng, số doanh nghiệp ngừng hoạt động, sự trì trệ của thị trường và đặc biệt là tổng nguồn vốn đầu tư xã hội vẫn còn bị suy giảm, các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng của nhà nước triển khai ngày thì cạn kiệt trong khi cạnh tranh trong cùng ngành ngày càng gay gắt. Thị trường bất động sản vẫn còn trầm lắng, tỷ lệ hàng tồn kho cao,

chi phí lãi vay gia tăng do tổng giá trị khoản vay tồn kho lớn khiến cho giá vốn bán hàng trên tổng doanh thu tăng, tạo sức ép lớn cho doanh nghiệp để đảm bảo bảo hiệu quả SXKD và có cổ tức cho cổ đông. Ngoài ra, do đầu tư dàn trải, vốn hoạt động đầu tư phần lớn nằm ở các công ty con và công ty liên kết khiến cho Tổng công ty thiếu vốn cho đầu tư phát triển. Việc thực hiện chiến lược tái cấu trúc và thu hồi vốn tại các khoản đầu tư từ các đơn vị ngoài ngành còn chậm do thị trường chứng khoán vẫn còn chưa hồi phục.





CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN NGÒI PHÁT

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2013



Dự án Splendor

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TT	Chỉ tiêu	Công ty Mẹ			
		Kế hoạch 2013 (tỷ đồng)	Thực hiện 2013	Tỷ lệ % TH/KH	Tỷ lệ % so TH 2012
I	Tổng doanh thu	5.401,2	4.916,0	91,0%	96,1%
1	Hoạt động xây lắp	4.557,0	4.003,0	87,8%	108,5%
2	Hoạt động kinh doanh bất động sản	407,1	373,8	91,8%	57,1%
3	Hoạt động đầu tư vốn vào các công ty	134,6	129,8	96,5%	94,0%
4	Hoạt động cho vay và tiền gửi	136,3	282,3	207,2%	59,6%
5	Hoạt động tái cấu trúc	92,6	7,5	8,0%	9,5%
6	Hoạt động kinh doanh khác (giáo dục, dịch vụ)	73,6	119,6	162,4%	156,5%
II	Lợi nhuận trước thuế	477,6	302,6	63,4%	
III	Lợi nhuận sau thuế	452,3	284,5	62,9%	
IV	Tỷ lệ cổ tức	8,0%	4,0%	50,0%	



II. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Thành viên Ban Tổng giám đốc



THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



1) Ông Vũ Quý Hà – Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc

Kỹ sư Điện, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Được bầu là Ủy viên HĐQT và Tổng giám đốc Tổng công ty Vinaconex từ tháng 12 năm 2011, Ông Hà đã có hơn 32 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xây lắp và kinh nghiệm trong việc đấu thầu các dự án có nguồn vốn trong và ngoài nước. Hiện nay ông còn là Chủ tịch HĐQT của Công ty CP nước sạch Vinaconex, Công ty Vimenco và là thành viên HĐQT ở nhiều công ty khác.



2) Ông Đinh Việt Tùng - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc

Thạc sĩ Kinh tế

Ông Tùng được bổ nhiệm làm PTGD phụ trách tài chính của Vinaconex từ tháng 3 năm 2012. Trước đó, ông từng có kinh nghiệm nhiều năm công tác tại Tổng cục quản lý vốn và tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp, cục tài chính doanh nghiệp Bộ Tài chính, Trưởng Ban đầu tư 2, Tổng công ty SCIC, và tham gia HĐQT tại Công ty Vinaconex Chợ Mơ, Vinaconex 25.



3) Ông Nguyễn Ngọc Diệp - Phó Tổng giám đốc

Kỹ sư Xây dựng, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Với bề dày kinh nghiệm 33 năm công tác, là một trong những cán bộ đầu tiên của Vinaconex, ông Diệp đã có nhiều năm là đại diện của Vinaconex ở nước ngoài để chỉ đạo công tác xuất khẩu lao động và chuyên gia kỹ thuật, ông am hiểu sâu sắc về kỹ thuật trong ngành xây dựng cũng như quản trị doanh nghiệp trong và ngoài nước. Ngoài việc làm PTGD ở Vinaconex, ông còn là chủ tịch HĐQT của các trường Lý Thái Tổ, Công ty Nedi2, Công ty Vinavico và là thành viên HĐQT ở các công ty khác



4) Ông Vương Công San - Phó Tổng giám đốc

Kỹ sư Máy Xây dựng

Với hơn 30 năm công tác trong nghề, ông San có nhiều kinh nghiệm trong ngành xây lắp, đặc biệt đặc thù ngành ở khu vực miền Trung và miền Nam. Ông hiện là chủ tịch HĐQT của Công ty Vinaconex 25, Vinaconex 17, Vinaconex Dung Quất v.v



5) Ông Lê Doanh Yên – Phó Tổng giám đốc

Kỹ sư chế tạo máy

Gia nhập Tổng công ty Vinaconex ngay từ những ngày đầu (1992), ông Yên từng trải qua nhiều vị trí như Phó phòng kế hoạch, thống kê và tổng hợp Tổng công ty, Phó Tổng giám đốc thứ nhất Công ty liên doanh Vinata, Giám đốc Ban điều hành dự án xây dựng nhà ga T2 sân bay quốc tế Nội Bài, trước khi được bổ nhiệm làm PTGD Tổng công ty từ tháng 8 năm 2013. Ngoài ra, ông còn là Chủ tịch HĐQT tại Công ty Vinaconex 15 và là thành viên HĐQT ở các công ty khác.



6) Ông Dương Văn Mậu – Phó Tổng giám đốc

Kỹ sư xây dựng

Ông Mậu được bổ nhiệm làm PTGD Tổng công ty từ tháng 10 năm 2013. Ông là người có hiểu biết rất sâu sắc về lĩnh vực khoa học công nghệ, tư vấn thiết kế, ứng dụng vào thực tế mang lại hiệu quả cao. Ngoài nhiệm vụ tại TCT, ông còn là thành viên HĐQT tại Công ty Vinaconsult.

2. Những thay đổi trong ban điều hành

TT	Tên cá nhân	Thời điểm thay đổi	Thay đổi
1	Ông Đoàn Châu Phong	18/4/2013	Không bổ nhiệm lại chức vụ PTGD theo nguyện vọng cá nhân
2	Ông Nguyễn Đình Thiết	26/7/2013	Không bổ nhiệm lại chức vụ PTGD theo nguyện vọng cá nhân
3	Ông Lê Doanh Yên	26/8/2013	Được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc
4	Ông Dương Văn Mậu	14/10/2013	Được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc

3. Chính sách đối với người lao động

a) Số lượng cán bộ nhân viên

Tổng số lao động của Công ty mẹ và các đơn vị hạch toán phụ thuộc tính đến thời điểm 31/12/2013 là 727 người, trong đó:

- ✓ Trình độ trên Đại học: 51 người
- ✓ Trình độ Đại học: 440 người
- ✓ Trình độ Cao đẳng: 68 người
- ✓ Trình độ Trung cấp và sơ cấp: 53 người
- ✓ Công nhân kỹ thuật: 49 người
- ✓ Lao động phổ thông: 66 người.

b) Chính sách đối với người lao động

Năm 2013, trước tình hình kinh tế khó khăn chung, Tổng công ty vẫn đảm bảo chi trả lương đầy đủ, kịp thời cho người lao động tại Công ty Mẹ, không để xảy ra tình trạng nợ lương, nợ tiền BHXH; đồng thời phối hợp với các Phòng, Ban nghiệp vụ thuộc Tổng công ty để hỗ trợ các đơn vị phụ thuộc và các đơn vị thành viên trong công tác xây dựng cơ chế tiền lương, tiền thưởng trong năm và phương án xây dựng kế hoạch quỹ lương các năm tiếp theo, đảm bảo phù hợp với kết quả sản xuất, kinh doanh của đơn vị và đúng quy định pháp

luật về tiền lương; Rà soát công tác xếp lương, điều chỉnh tiền lương cho cán bộ khối văn phòng Tổng công ty, đảm bảo phù hợp, đúng với hiệu quả công tác của mỗi CBNV, mang lại hiệu quả cao trong công tác sử dụng cán bộ.

Chú trọng đến việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, Tổng công ty cũng tổ chức nhiều khóa đào tạo nhằm bồi dưỡng nâng cao trình độ, nghiệp vụ cho CBCNV, cũng như cử cán bộ tham gia các khóa học cập nhật những thay đổi về cơ chế chính sách

,những quy định mới. Để đảm bảo cho quyền lợi của người lao động, Tổng công ty chấp hành đầy đủ và nghiêm túc chế độ thu của cơ quan Bảo hiểm xã hội, thực hiện công tác trích nộp BHXH hàng tháng, tuyệt đối không nợ tiền BHXH; Giải quyết các chế độ BHXH ngắn hạn như ốm đau, thai sản... cho người lao động, đảm bảo thời gian chi trả sớm hơn quy định; Phối hợp với cơ quan

BHXH để giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình giải quyết chế độ hưu trí và các chế độ khác đối với cán bộ như quá trình công tác, tiền lương vì lợi ích người lao động, trong đó xây dựng hồ sơ hợp lý nhằm bảo lưu mức lương đã hưởng cho cán bộ, làm căn cứ hiệu quả để tính lương hưu bình quân cho cán bộ.

V. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

1. Các khoản đầu tư lớn

Tình hình đầu tư tài chính năm 2013

Trong năm 2013 Tổng công ty chưa thực hiện tăng vốn vào các công ty theo kế hoạch tái cấu trúc mà chỉ tăng và đầu tư vốn theo yêu cầu cấp bách tại các đơn vị sau:

TT	Tên công ty, đơn vị góp vốn	Giá trị đầu tư
1	Công ty CP Đầu tư & Phát triển Điện Miền Bắc 2 (NEDI 2)	123,000,000,000
2	Công ty CP VIPACO	5,312,500,000
3	Công ty CP Vận Tải Vinaconex	12,666,520,900
	Cộng	140,979,020,900

Tình hình đầu tư dự án năm 2013

TT	Nội dung	Số lượng dự án	Kế hoạch 2013	Tổng mức đầu tư	Thực hiện năm 2013
1	Các dự án do TCT làm chủ đầu tư	18	583,3	24.667,33	287,3
2	Các dự án Tổng công ty góp vốn chi phối vào đơn vị thành viên để thực hiện dự án	2	123	4.957,29	479,73
3	Các dự án thuộc các đơn vị thành viên	62	5.927,25	37.600,13	1.746,41

Thông tin các dự án tiêu biểu của Tổng công ty (xem phụ lục 1)

2. Các công ty con, công ty liên kết: (Xem phụ lục 2).

VI. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính

Tình hình tài chính Công ty mẹ 2013

Chỉ tiêu	Năm 2012 (vnd)	Năm 2013 (vnd)	% tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	14.043.130.106.929	11.283.388.825.642	-20%
Doanh thu thuần	4.418.510.497.028	4.320.900.772.102	-2%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(624.426.352.103)	258.548.902.880	141%
Lợi nhuận khác	4.525.250.068	44.057.398.680	874%
Lợi nhuận trước thuế	(619.901.102.035)	302.606.301.560	149%
Lợi nhuận sau thuế	(646.287.228.610)	284.537.508.256	144%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	-	62	100%

Tình hình tài chính hợp nhất 2013

Chỉ tiêu	Năm 2012 (vnd)	Năm 2013 (vnd)	% tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	28.416.845.979.882	22.953.150.462,409	-19,23%
Doanh thu thuần	12.665.432.427.424	11.104.148,484,921	-12,33%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	154.456.654.574	309.127,942,580	100,14%
Lợi nhuận khác	38.103.754.480	373.531.573.580	880,30%
Lợi nhuận trước thuế	193.663.896.280	713.013.411.885	268,17%
Lợi nhuận sau thuế	80.443.306.076	522.921.081.746	550,05%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)		-	

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ

Các chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,17	1,33
Hệ số thanh toán nhanh	0,99	1,08
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,62	0,51
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,63	1,02
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho	4,69	4,42
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,31	0,38
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(0,15)	0,07
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	(0,05)	0,03
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	(0,14)	0,06

Chỉ tiêu tài chính hợp nhất

Các chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,00	1,21
Hệ số thanh toán nhanh	0,52	0,70
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		

Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,76	0,69
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	4,14	2,80
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho	1,44	1,52
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,45	0,48
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,01	0,05
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,003	0,02
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,01	0,03

VII. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

1. Cổ phần

(Nguồn: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (danh sách chốt ngày 01/4/2014))

STT	Nội dung	Chi tiết	Tỷ lệ
1	Mã giao dịch:	VCG	
2	Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần	
3	Thị trường niêm yết:	Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội	
4	Người chịu trách nhiệm CBTT:	Ông Phạm Chí Sơn Giám đốc Ban Đối ngoại – Pháp chế	
5	Tổng số cổ phần đang lưu hành	441.710.673	100%
6	Loại cổ phần:	Phổ thông	

2. Cơ cấu cổ đông

7	Cơ cấu cổ đông:	Cổ phần	Tỷ lệ
7.1	Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước SCIC:	255.251.153	57,79%
	Tập đoàn viễn thông quân đội Viettel:	94.010.175	21,28%
7.2	Cổ đông tổ chức:	383.198.233	86,75%
	Cổ đông cá nhân:	58.512.440	13,25%
7.3	Cổ đông trong nước:	410.251.752	92,88%
	Cổ đông nước ngoài:	31.458.921	7,12%
7.4	Cổ đông nhà nước:	349.261.328	79,07%
	Cổ đông khác:	92.449.345	20,93%
7.5	Chứng khoán loại 1:	346.654.916	78,48%
	Chứng khoán loại 2:	95.055.757	21,52%

3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch trong năm

5. Các chứng khoán khác: Không có



Khu đô thị Trung Hòa – Nhân Chính

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Visualization Media
Architecture visualization
Núi Bài Airport - Hanoi - Vietnam

www.e5-jsc.vn

1. Đánh giá chung về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013 của Công ty Mẹ

Năm 2013, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty cổ phần Vinaconex tiếp tục gặp nhiều khó khăn:

- Nguồn công việc từ các dự án xây lắp hạn chế, giá trị hợp đồng xây lắp tìm kiếm mới thấp, Công ty Mẹ chủ yếu tiếp tục triển khai thực hiện các công trình chuyển tiếp.
- Các dự án đầu tư đang ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư, chưa thể tạo ra doanh thu và lợi nhuận trong thời gian gần.
- Thiếu nguồn vốn hoạt động do phải tập trung cho thanh toán các khoản nợ đầu tư đến hạn.
- Khó khăn chung của nền kinh tế tác động làm bùng phát khó khăn ở hầu hết các đơn vị thành viên.

Mặc dù vậy, bằng sự nỗ lực vượt bậc, Tổng Công ty đã triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh và đạt được những bước tiến khả quan để tạo tiền đề thuận lợi cho năm 2014, thể hiện ở những điểm chính như:

1) Đã hoàn thành việc thoái 70% vốn góp của Tổng Công ty tại Công ty cổ phần xi măng Cẩm Phả sau một thời gian dài kiên trì đàm phán với các đối tác trong và ngoài nước. Việc tái cấu trúc thành công có ý nghĩa to lớn, giúp Tổng Công ty vượt qua

được những khó khăn về tài chính, dần ổn định dòng tiền để tiếp tục triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh trong tương lai.

2) Tình hình tài chính của Tổng Công ty được củng cố, ổn định và lành mạnh. Cùng với kết quả hoàn thành tái cấu trúc Công ty cổ phần xi măng Cẩm Phả, Tổng Công ty đã hoàn thành việc cơ cấu các chỉ tiêu tài chính trọng yếu, giảm nợ vay, giảm nợ phải thu. Ngoài ra, kết quả thu hồi nợ ở các đơn vị thành viên, các công trình, dự án tồn đọng, xử lý những khoản nợ khó đòi... đã góp phần làm giảm gánh nặng tài chính cho Tổng Công ty. Tại thời điểm 31/12/2013, các khoản phải thu giảm 629 tỷ đồng, tổng nợ phải trả giảm 2.990 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2012 (*trong đó, nợ ngắn hạn giảm 775 tỷ đồng, nợ dài hạn giảm 2.215 tỷ đồng*). Chỉ số nợ/Vốn chủ sở hữu của VCG giảm xuống còn 1,02 lần trong khi ở thời điểm đầu năm chỉ số này là 1,62 lần. Bức tranh tài chính chung của Tổng Công ty khi bước vào năm 2014 đã được cân đối.

3) Đã giải quyết được dứt điểm một số tồn tại kéo dài từ những năm trước:

- Xây dựng phương án tài chính; khơi thông nguồn vốn để tái khởi động lại thi

công dự án Thủy điện Ngòi Phát (tổng mức đầu tư 2.068 tỷ đồng). Dự kiến dự án sẽ hoàn tất và phát điện trong tháng 6/2014.

- Giải quyết cơ bản các tồn tại sau đầu tư và các thủ tục pháp lý tại các dự án 34 Láng Hạ, Khu văn phòng – thương mại N05, Tòa nhà Trung tâm thời trang Trung Hòa – Nhân Chính...
- Đã hoàn tất các thủ tục với Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội và Công ty cổ phần đầu tư Đại dương Thăng Long để hợp tác đầu tư dự án HH Khu Đông Nam Trần Duy Hưng.

4) Công tác tìm kiếm thị trường xây lắp và đấu thầu thi công tiếp tục được phát huy và nâng cao. Trong những tháng cuối

năm 2013, Công ty Mẹ đã trúng thầu những công trình xây lắp có giá trị lớn (*Gói thầu số 7 dự án Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn, trị giá 898,7 tỷ đồng; Dự án cấp nước Tho cho điện lực duyên hải Miền Trung trị giá 305,994 tỷ đồng; Trục sở Cục thuế Thành phố Đà Nẵng trị giá 93,1 tỷ đồng, đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Nam trị giá 1.350 tỷ đồng; Hợp đồng EPC Golf-Club Ninh Bình trị giá 93 tỷ đồng, trường Devyt Hà Nội trị giá 50 tỷ đồng ...*), tạo tiền đề ổn định nguồn công việc cho năm 2014. Điều này đã thể hiện sự quyết tâm của Ban điều hành và được ghi nhận như một kết quả tốt cho Tổng Công ty trong hoạt động tìm kiếm và triển khai thi công xây lắp.

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính so với Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2013 của Công ty Mẹ

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Các chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2013	Thực hiện năm 2013	Tỷ lệ % so KH 2013
1	Tổng doanh thu	5.401,2	4.916,0	91,0%
2	Lợi nhuận trước thuế	477,6	302,6	63,4%
3	Lợi nhuận sau thuế	452,3	284,5	62,9%
4	Tỷ lệ cổ tức	8,0%	4,0%	50,0%

3. Những nét chính về kết quả kinh doanh năm 2013 của Công ty Mẹ ở các lĩnh vực

Mặc dù thị trường không thuận lợi, nhưng Ban điều hành đã hết sức nỗ lực trong chỉ đạo điều hành để duy trì các hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên của Tổng Công ty được ổn định và theo sát kế hoạch đã đặt ra. Điều này thể hiện rất rõ ở kết quả các chỉ tiêu chủ yếu mà Công ty Mẹ đạt được trong năm, cụ thể:

- *Hoạt động xây lắp:* Trong điều kiện nguồn công việc hạn chế, các đơn vị thắt chặt đầu tư xây dựng, nhiều công ty hoạt động trong cùng lĩnh vực có kết quả kinh doanh kém thì hoạt động xây lắp của Công ty Mẹ có kết quả khá khả quan. Kết quả doanh thu và lợi nhuận đạt được xấp xỉ mức kế hoạch và tăng trưởng so với mức thực hiện năm 2012:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2013	Thực hiện năm 2013	Tỷ lệ % so KH 2013	% tăng trưởng so TH 2012
1	Doanh thu từ hoạt động xây lắp	Tỷ đồng	4.557,0	4.003,0	87,8%	8,9%
2	Lợi nhuận gộp từ hoạt động xây lắp	Tỷ đồng	100,9	83,3	82,6%	22,0%

Doanh thu và lợi nhuận xây lắp chưa đạt được như kế hoạch do ở một số dự án lớn mà Tổng Công ty có kế hoạch ghi nhận doanh thu, lợi nhuận nhưng không đạt được như: dự án mở rộng đường Láng Hòa Lạc, dự án Bắc An Khánh giai đoạn 2 (chủ đầu tư chưa bố trí được nguồn vốn thanh toán)...

- *Hoạt động kinh doanh bất động sản* đã ghi nhận được kết quả theo sát kế hoạch, bao gồm cho thuê văn phòng, diện tích thương mại, phần kết quả còn lại của dự án N05 và dự án HH (hợp tác với Công ty cổ phần đầu tư Đại dương Thăng Long):

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2013	Thực hiện năm 2013	Tỷ lệ % so KH 2013
1	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản	Tỷ đồng	407,1	373,8	91,8%
2	Lợi nhuận gộp từ kinh doanh bất động sản	Tỷ đồng	177,5	201,5	113,5%

Công tác quản lý sau đầu tư đã được nâng cao, đặc biệt năm 2013 đã xử lý cơ bản các tồn tại sau đầu tư tại các dự án: 34 Láng Hạ, khu văn phòng, diện tích thương mại thuộc dự án N05, Tòa nhà thời trang...

- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các Công ty cổ phần, liên doanh liên kết đạt 129,8 tỷ đồng, bằng 96,5% so với kế hoạch.
- Hoạt động kinh doanh giáo dục đạt 107,5% doanh thu và 97,4% lợi nhuận so với kế hoạch.
- Chi phí quản lý của Văn phòng Tổng Công ty: Tổng Công ty đã nghiêm túc thực hiện tiết kiệm, kiểm soát chặt các khoản chi phí quản lý nên chi phí quản lý của văn phòng chỉ bằng 74,2% so với kế hoạch năm.
- ❖ Tuy nhiên, kết quả chung Công ty Mẹ chưa hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận và tỷ lệ chi trả cổ tức theo kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 phê duyệt bởi những nguyên nhân chính sau:
 - ✓ Công tác tái cấu trúc chưa hoàn thành kế hoạch về danh mục tái cấu trúc (chưa thoái được vốn ở Công ty tài chính cổ phần Vinaconex Viettel, Công ty cổ phần đầu tư và phát triển thương mại Vinaconex) và chỉ tiêu doanh thu – lợi nhuận (chỉ đạt 8% so với kế hoạch).
 - ✓ Chi phí trích lập dự phòng lớn hơn so với kế hoạch: Kết quả kinh doanh năm 2013 của Công ty Mẹ bị ảnh hưởng bởi tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị có vốn góp của Tổng Công ty. Khó khăn chung của nền kinh tế trong giai đoạn này đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của hầu hết các đơn vị. Một số đơn vị đã không đạt được mục tiêu đề ra từ đầu năm, tiếp tục có kết quả kinh doanh lỗ mặc dù xây dựng kế hoạch là lãi và tiềm ẩn nhiều rủi ro dẫn đến việc Công ty Mẹ phải trích lập dự phòng đầu tư tài chính với giá trị lớn (*chi phí trích lập ghi nhận vào kết quả kinh doanh của Công ty Mẹ năm 2013 tăng 268,78 tỷ đồng so với kế hoạch*).

4. Kết quả hợp nhất Tổng Công ty

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Tỷ lệ % so thực hiện năm 2012
1	DT thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.104,148	87,67%
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	713,013	368,17%
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	522,921	650,05%
4	Thu nhập/(lỗ) sau thuế của Tổng Công ty	496,015	567,61%

- Lợi nhuận hợp nhất Tổng Công ty năm 2013 vượt cao so với năm 2012 chủ yếu từ việc ghi nhận kết quả thoái vốn tại Công ty cổ phần Xi măng Cẩm Phả (383,8 tỷ đồng), cùng với hoàn nhập khoản chênh lệch tỷ giá của Công ty cổ phần Xi măng Cẩm Phả.
- Ngoài ra, trong năm 2013, 02 Công ty liên quan đến dự án nước Sông Đà là Công ty Viwasupco và Viwaco đã bước vào giai đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả và hứa hẹn mang lại nguồn lợi nhuận ổn định cho Tổng Công ty trong những năm tới.

II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

A. CÔNG TY MẸ

1. Tình hình tài sản

Kết thúc năm tài chính 2013, tổng tài sản của Công ty mẹ đạt 11.283 tỷ đồng, giảm 2.760 tỷ đồng so với năm 2012. Trong đó, các chỉ tiêu tài sản có sự biến động lớn trong năm 2013 gồm:

Nhóm các tài sản giảm dẫn đến tổng tài sản giảm:

- Các khoản phải thu ngắn hạn: là khoản có số liệu giảm lớn gần 629 tỷ đồng. Nguyên nhân là do Tổng công ty đã cơ cấu lại khoản nợ phải thu tại công ty Xi măng Cẩm Phả từ ngắn hạn sang dài hạn đồng thời đẩy mạnh công tác nghiệm thu thanh, quyết toán và thu hồi khoản ứng trước cho nhà cung cấp.
- Trong năm 2013, Tổng công ty thực hiện trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi là 59,2 tỷ đồng, hoàn nhập do xử lý nợ và thu nợ là 13,6 tỷ đồng dẫn đến số lũy kế trích lập dự phòng đến cuối năm 2013 là 272.1 tỷ đồng. Số trích lập dự phòng phải thu khó đòi tăng làm tăng chi phí quản lý doanh nghiệp, giảm kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty số tương ứng.

Từ những chi tiết tăng giảm các khoản thuộc tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn nêu trên đã làm thay đổi cơ cấu của tài sản như sau:

- Các khoản phải thu dài hạn giảm mạnh nhất 2.275 tỷ đồng. Nguyên nhân chính do Công ty CP Xi măng Cẩm Phả đã trả một phần nợ cho Tổng công ty trong tháng 11/2013.
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn giảm 183 tỷ đồng do Tổng công ty đã tái cơ cấu 70% giá trị cổ phần của Tổng công ty tại Công ty CP xi măng Cẩm Phả, đồng thời hoàn nhập khoản trích lập dự phòng đã trích trước đây theo tỷ lệ sở hữu.

Nhóm các tài sản tăng trong khi tổng tài sản giảm:

- Tiền và các khoản tương đương tiền tăng 148 tỷ đồng.
- Hàng tồn kho tăng 170 tỷ đồng chủ yếu là do khối lượng dở dang từ các công trình: nhà ga T2 Nội Bài, gói thầu A8 đường cao tốc Nội Bài-Lào Cai, Nhà ở Kim Chung-Đông Anh-Hà Nội,...

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2012
Cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	45,93	41,55
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	54,07	58,45

Cơ cấu tài sản thay đổi theo hướng tỷ trọng Tài sản ngắn hạn tăng, tỷ trọng Tài sản dài hạn giảm trong Tổng tài sản. Việc tăng tỷ trọng của tài sản ngắn hạn trong cơ cấu Tổng tài sản như vậy được đánh giá là hợp lý và tăng tính thanh khoản của Tổng Công ty.

2. Tình hình nợ phải trả

Trong năm 2013, toàn bộ các khoản nợ của Tổng công ty được thanh toán đúng hạn, cho đến nay, tại Tổng công ty không có nợ quá hạn, nợ xấu. Kết thúc năm tài chính 2013, nợ phải trả của Tổng công ty là 5.710 tỷ đồng giảm 2.990 tỷ đồng. Các yếu tố làm cho nợ phải trả giảm gồm:

- Nợ ngắn hạn giảm 775 tỷ đồng do:
 - Vay và nợ vay ngắn hạn giảm 516 tỷ đồng vì trong năm 2013, Tổng công ty đã trả nợ trước hạn Ngân hàng toàn bộ các khoản vay dùng để đầu tư dự án Xi măng Cẩm Phả dẫn đến nợ dài hạn đến hạn trả giảm 482 tỷ đồng. Thêm vào đó việc thu hồi tiền của Tổng Công ty trong những tháng cuối năm tốt nên đã giảm khoản vay vốn lưu động từ 460 tỷ đồng còn 426 tỷ đồng.
 - Người mua trả tiền trước giảm 603 tỷ đồng do Tổng Công ty đẩy mạnh việc thanh, quyết toán giá trị dở dang các công trình và xuất hóa đơn cho chủ đầu tư. Việc này cũng làm tăng giá trị các khoản phải trả nhà thầu thi công của Tổng công ty.
- Nợ dài hạn giảm 2.215 tỷ đồng trong đó nợ dài hạn vay đầu tư dự án Xi măng Cẩm Phả giảm 2.026 tỷ đồng do Tổng công ty trả nợ trước hạn.

Sự biến động về cơ cấu vốn thể hiện ở các chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2012
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	50,61	61,93
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	49,39	38,07

Nợ phải trả giảm cả về số tuyệt đối và số tương đối cho thấy Tổng công ty đang nỗ lực cơ cấu lại các khoản nợ và kết quả đã nâng khả năng thanh toán hiện thời từ 1,25 lần lên 1,33 lần.

* Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty:

Năm 2013, tỷ giá hạch toán đối với đồng USD tăng 1,2%, tỷ giá JPY giảm 17,5%, tỷ giá EUR tăng 5,2%. Tỷ giá thay đổi gây ra lỗ tỷ giá là 40 tỷ đồng.

B. HỢP NHẤT

1. Tình hình tài sản

Năm 2013, giá trị Tổng tài sản hợp nhất của Tổng công ty là 22.953,2 tỷ đồng giảm 5.463,7 tỷ đồng tương đương 19,2%. Nguyên nhân chính là do kết quả của tái cơ cấu vốn, giảm số lượng các Công ty trong diện hợp nhất báo cáo tài chính, cụ thể, Tổng Công ty hoàn thành việc tái cơ cấu vốn tại một số các Công ty thành viên lớn, từ Công ty con sang Công ty liên kết như: Công ty cổ phần Xi măng Cẩm Phả, Công ty cổ phần xây dựng số 11 và thoái 100% vốn tại Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai. Các chỉ tiêu tài sản có sự biến động lớn trong năm gồm:

Nhóm các tài sản giảm dẫn đến tổng tài sản giảm:

- Các khoản phải thu ngắn hạn giảm 269,8 tỷ đồng, từ mức 5.892,7 tỷ đồng xuống 5.712,9 tỷ đồng, trong đó, Tổng Công ty tập trung đẩy mạnh nghiệm thu, thanh quyết toán và thu hồi các khoản đã ứng trước cho nhà cung cấp (khoản trả trước cho người bán giảm 617,9 tỷ đồng).
- Hàng tồn kho giảm mạnh (1.818,7 tỷ đồng) từ 7.249,9 tỷ đồng xuống 5.431,3 tỷ đồng. Giá trị Tài sản cố định giảm 4.895,7 tỷ đồng, từ 9.920,5 tỷ đồng xuống 5.024,8 tỷ đồng. Nguyên nhân chính là Tổng Công ty hoàn thành việc tái cấu trúc Công ty cổ phần xây dựng số 11, Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai, Công ty cổ phần Xi măng Cẩm Phả.

- Tài sản ngắn hạn khác giảm 181,6 tỷ đồng, từ 813,8 tỷ đồng xuống 632,2 tỷ đồng nguyên nhân do giá trị tạm ứng tiền thi công cho các tổ, đội giảm 181,0 tỷ đồng.

- Giá trị Bất động sản đầu tư giảm 117,9 tỷ đồng tương đương với 10,65% do giá trị khấu hao tài sản và chuyển nhượng các bất động sản đầu tư.

- Tài sản dài hạn khác giảm 196,2 tỷ đồng tương đương với 41,9%, nguyên nhân chính do Tổng Công ty ghi nhận lợi nhuận thực hiện đối với giao dịch chuyển nhượng tài sản từ Tổng Công ty sang Công ty cổ phần Xi măng Cẩm Phả khi Công ty cổ phần Xi măng Cẩm Phả không còn là Công ty con của Tổng Công ty làm cho tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại 120 tỷ đồng.

Nhóm các tài sản tăng:

- Tiền và các khoản tương đương tiền tăng 204,0 tỷ đồng, từ mức 906,6 tỷ đồng lên 1.110,6 tỷ đồng do Công ty Mẹ có số dư tiền cuối năm 2013 tăng và một số đơn vị thành viên khác.
- Các khoản phải thu dài hạn tăng 1.893,8 tỷ đồng, từ 409,2 tỷ đồng lên 2.303,0 tỷ đồng do Công ty Xi măng Cẩm Phả không còn là Công ty con nên khoản Tổng Công ty cho Công ty Xi măng Cẩm Phả vay vốn không được loại trừ trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Do giá trị tuyệt đối của nhóm các tài sản giảm lớn hơn giá trị tuyệt đối nhóm các tài sản tăng nên tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2013 giảm so với thời điểm 1/1/2013.

Sự biến động về cơ cấu tài sản thể hiện qua các chỉ số:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2012
Cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	56,32	52,73
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	43,68	47,27

Trong năm. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn trên Tổng tài sản tăng lên, các khoản vay và nợ giảm, điều này cho thấy khả năng thanh toán của Tổng Công ty được cải thiện.

2. Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả năm 2013 trên BCTC hợp nhất là 15.828,72 tỷ đồng giảm 5.698,4 tỷ đồng, nợ ngắn hạn giảm 4.274 tỷ đồng, nợ dài hạn giảm 1.424 tỷ đồng, trong đó nợ ngắn hạn chiếm 67,25% tổng nợ.

Nợ ngắn hạn giảm chủ yếu ở chỉ tiêu:

- Vay và nợ ngắn hạn giảm 2.596 tỷ đồng tương đương 47,29%.
- Phải trả người bán giảm 343 tỷ đồng tương đương 12,33%.
- Người mua trả tiền trước giảm 846 tỷ đồng tương đương 28,75%.

Vay và nợ vay dài hạn giảm 1.711 tỷ đồng.

Nguyên nhân chính làm giảm các chỉ tiêu trên là do Tổng Công ty không còn hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Xi măng Cẩm Phả, đồng thời, Công ty Mẹ sử dụng nguồn tiền thu được từ giao dịch chuyển nhượng cổ phần Xi măng Cẩm Phả để thanh toán các khoản nợ của Ngân hàng.

Sự biến động các chỉ tiêu nợ ảnh hưởng tới chỉ tiêu khả năng thanh toán, cụ thể:

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán	2013	2012	Thay đổi
Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn (Lần)	1,21	1.00	21%
Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ-Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn (Lần)	0.7	0.52	36%

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán năm 2013 đều tăng khá mạnh so với năm 2012, hệ số thanh toán ngắn hạn lớn hơn 1, điều này cho thấy rủi ro khả năng mất thanh toán các khoản nợ ngắn hạn giảm..

III. MỤC TIÊU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG NĂM 2014

- 1) Cổ tức năm 2014 tối thiểu đạt 6,0%.
- 2) Duy trì hoạt động xây lắp trong toàn hệ thống được ổn định, không chạy theo doanh thu, chú trọng những công trình hiệu quả, có nguồn vốn rõ ràng, dòng tiền ổn định, các dự án theo hình thức EPC; Phấn đấu năm 2014 đạt trên 3.590 tỷ đồng doanh thu xây lắp và lợi nhuận mang lại trên 100 tỷ đồng.
- 3) Đẩy mạnh công tác đầu tư và quản lý kinh doanh bất động sản sau đầu tư.
- 4) Hoàn thành dứt điểm dự án đầu tư dở dang (NEDI2...), đồng thời đẩy mạnh công tác tìm kiếm và triển khai các dự án đầu tư để phát huy hiệu quả đồng vốn và tạo tiền đề cho Tổng Công ty phát triển trong những năm tiếp theo.
- 5) Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp.
- 6) Đẩy mạnh tái cấu trúc, thoái vốn các đơn vị mà Tổng Công ty không cần đầu tư vốn. Mục tiêu dòng tiền thu về từ hoạt động này trong năm 2014 tối thiểu đạt 500 tỷ đồng.
- 7) Tiếp tục củng cố công tác tài chính, tăng cường công tác thu hồi công nợ, đảm bảo tài chính của Tổng Công ty luôn lành mạnh và chủ động đáp ứng được với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.
- 8) Tiếp tục đổi mới bộ máy và phương thức quản lý, điều hành cho phù hợp với điều kiện và năng lực thực tế của Tổng Công ty.

IV. GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Tại Báo cáo tài chính Công ty mẹ và hợp nhất 2013 đã được kiểm toán, Công ty kiểm toán Deloitte có đưa ra một điểm lưu ý, cụ thể:

- *Đối với vấn đề thứ nhất: Thuyết minh số 10 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày lập báo cáo tài chính riêng và hợp nhất, Tổng công ty và Tập đoàn viễn thông quân đội đang thực hiện các thủ tục thống nhất giá trị vốn chủ sở hữu của Công ty CP Xi măng Cẩm Phả trong giao dịch chuyển nhượng cổ phần. Tại ngày phát hành Báo cáo tài chính năm 2013 đã kiểm toán Công ty Mẹ và Hợp nhất, Tổng công ty Vinaconex và Tập đoàn viễn thông Quân đội đang thực hiện các thủ tục để thống nhất giá trị vốn chủ sở hữu của Công ty cổ phần Xi măng Cẩm Phả tại Báo cáo tài chính trước ngày hoàn tất giao dịch chuyển nhượng cổ phần (28/11/2013), vì vậy, Tổng công ty sử dụng báo cáo do Công ty cổ phần Xi măng Cẩm Phả lập tại ngày 28/11/2013 đã được Công ty TNHH Deloitte soát xét số liệu và lũy kế đến 31/12/2013 để làm căn cứ lập các báo cáo tài chính này.*
- *Đối với vấn đề thứ hai: VINACONEX đã giải trình cụ thể tại văn bản số 2564/2012/CV-TCKH ngày 30/8/2012*



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Dự án Cái Giá – Cát Bà



I. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Trong năm 2013, mặc dù thị trường không thuận lợi và Tổng công ty thiếu nguồn vốn hoạt động, song HĐQT đã rất quyết liệt chỉ đạo Ban điều hành thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh theo các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHĐCĐ phê duyệt. Doanh thu và lợi nhuận xây lắp của Công ty Mẹ đều tăng trưởng so với mức thực hiện năm 2012 (doanh thu tăng 8,9% và lợi nhuận gộp tăng 22%). Hoạt động kinh doanh bất động sản mặc dù đạt 91,8% doanh thu kế hoạch nhưng lợi nhuận gộp đạt 114,3% so với kế hoạch. Công tác quản lý sau đầu tư bước đầu được củng cố, nâng tầm theo hướng chuyên nghiệp hóa. Công tác tái cấu trúc các Công ty thành viên tiếp tục được đẩy mạnh. Đặc biệt, việc hoàn thành tái cấu trúc vốn tại Công ty cổ phần xi măng Cẩm Phả sau một thời gian

dài kiên trì tìm kiếm và đàm phán với các đối tác có ý nghĩa to lớn, giúp Tổng công ty cơ cấu lại các chỉ tiêu tài chính trọng yếu, giảm nợ vay, giảm nợ phải thu, góp phần ổn định dòng tiền để triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh trong tương lai.

Tuy nhiên, trước những khó khăn khách quan của tình hình kinh tế vĩ mô trong nước cũng như những vấn đề tồn tại trước đây của Tổng công ty và các công ty thành viên, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013 của Công ty Mẹ đã không hoàn thành kế hoạch được ĐHĐCĐ năm 2013 phê duyệt, lợi nhuận trước thuế năm 2013 của Công ty Mẹ là 302,606 tỷ đồng, đạt 63,4% kế hoạch. Các nguyên nhân cụ thể đã được Ban điều hành nêu tại Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013..

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

1. Về công tác nhân sự Ban điều hành

Trong năm 2013, HĐQT đã tiếp tục triển khai việc kiện toàn Ban Tổng giám đốc Tổng công ty, bổ nhiệm mới 02 Phó Tổng giám đốc; bổ nhiệm lại 01 Phó Tổng giám đốc, gia hạn thời gian đảm nhiệm chức vụ đối với 01 Phó Tổng giám đốc; bổ nhiệm lại Kế toán trưởng

Nhìn chung, Ban điều hành Tổng công ty đã được củng cố cả về chất và lượng, có sự kết hợp hài hòa giữa kinh nghiệm và sức trẻ, đảm bảo đủ năng lực, trình độ chuyên môn để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2. Về công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng công ty

Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc luôn thể hiện trình độ chuyên môn,

tinh thần trách nhiệm, bản lĩnh lãnh đạo, thực hiện tốt các nhiệm vụ được phân

công. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT được Ban điều hành tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời. Ban Tổng giám đốc thực hiện chế độ họp giao ban hàng tuần với Giám đốc, Phó Giám đốc các Ban nghiệp vụ, đồng thời tổ chức họp chuyên đề theo từng công việc, dự án hoặc nhóm công việc có liên quan để chỉ đạo sát sao và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh. Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc đã rất quyết liệt trong việc tiếp tục thực hiện các giải pháp tiết giảm chi phí, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giảm nhân lực. Căn cứ yêu cầu sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, Ban Tổng giám đốc đã chủ động đề xuất HĐQT các giải pháp cần thiết về tài chính, nhân sự, tái cấu trúc vốn đầu tư, huy động nguồn lực từ các đơn vị thành viên.

Trong hoạt động xây lắp, ngoài việc tiếp tục thực hiện tốt các dự án xây lắp cũ, Tổng công ty đã làm tốt công tác tìm kiếm, đấu thầu các dự án mới, qua đó đã thắng thầu nhiều dự án xây lắp với giá trị lớn (như gói thầu số 7 – dự án lọc dầu Nghi Sơn, dự án đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi, dự án cấp nước thô cho điện lực duyên hải miền Trung...), mang lại doanh thu, lợi nhuận trong năm 2013 và tạo nguồn việc chuyển tiếp cho các năm tiếp theo. Bên cạnh đó, Ban Tổng giám đốc đã chỉ đạo nghiên cứu, xây dựng chiến lược đổi mới quy trình quản lý trong lĩnh vực xây lắp của Tổng công ty nhằm tối đa hóa tỷ lệ lợi nhuận trong mỗi dự án, công trình.

Trong hoạt động kinh doanh bất động sản, ngoài việc thực hiện các giải pháp để chuyên nghiệp hóa công tác quản lý sau đầu tư đối với các sản phẩm bất động sản nhằm tăng tỷ lệ lợi nhuận, Tổng công ty đã đẩy mạnh việc tìm kiếm, hợp tác với các

đối tác để phát triển các dự án đầu tư mới. Đầu năm 2014, Tổng công ty đã ký hợp đồng hợp tác với Công ty Petrowaco để hợp tác thực hiện dự án cải tạo chung cư cũ 97 – 99 Láng Hạ; tham gia cùng các liên danh nhà đầu tư và đã được Bộ GTVT chỉ định là Nhà đầu tư triển khai dự án BOT đường Hà Nội – Bắc Giang; đã ký Biên bản ghi nhớ với Công ty Taisei để cùng tham gia triển khai đầu tư dự án Vinata Towers. Bên cạnh việc tìm kiếm, phát triển các dự án mới của Công ty mẹ, Ban Tổng giám đốc đã rất quyết liệt chỉ đạo, phối hợp với người đại diện vốn tại các Công ty thành viên có dự án đầu tư thực hiện các giải pháp quyết liệt nhằm giải phóng các sản phẩm bất động sản tồn kho, khẩn trương hoàn thành các dự án dở dang để thu tiền về, đảm bảo lợi nhuận và an toàn vốn, đồng thời đẩy mạnh tiến độ hoàn tất thủ tục đầu tư hoặc hoàn thành dự án dở dang nhằm đảm bảo hiệu quả cho Tổng công ty và các cổ đông khác, ví dụ như dự án Trung tâm thương mại chợ Mơ (Công ty VINACONEX VCTD), dự án Splendor - giai đoạn 1 (Công ty liên doanh An Khánh), Dự án thủy điện Ngòi Phát (Công ty NEDI 2), dự án chung cư CT4 (Công ty VIMECO), Dự án Kim Văn – Kim Lũ (Công ty VINACONEX 2).

Trong lĩnh vực tái cấu trúc, mặc dù không hoàn thành kế hoạch tái cấu trúc (về danh mục, chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận) do khó khăn từ thị trường tài chính cũng như do các đơn vị có nhiều vấn đề tồn tại, song việc Tổng công ty hoàn thành mục tiêu trọng điểm là tái cấu trúc vốn tại Công ty cổ phần xi măng Cẩm Phả trong năm 2013 đã thể hiện sự nỗ lực, kiên trì và quyết tâm lớn của Ban điều hành Tổng công ty.

Ngoài ra, Ban điều hành đã tiếp tục phối hợp tốt với tổ chức đảng, đoàn thể của Tổng công ty trong việc tổ chức các đợt phát động thi đua sản xuất kinh doanh, các hoạt động phong trào, củng cố sự đồng thuận trong hoạt động của Tổng công ty. Ban điều hành đã có các chính sách khen thưởng, phúc lợi thích hợp để kịp thời động viên, khuyến khích, các cán bộ nhân viên có thành tích tốt trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Việc nâng cao công tác quản trị cũng được tiếp tục đẩy mạnh. Trong năm 2013, Ban điều hành đã phối hợp với HĐQT trong việc tiếp tục rà soát, sửa đổi Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT theo hướng nâng cao quyền hạn và trách nhiệm cho Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc. Căn cứ vào Quy chế này, Ban Tổng giám đốc đã chỉ

đạo việc sửa đổi Quy chế tổ chức hoạt động của các Ban chức năng cho phù hợp với cơ chế quản lý mới của HĐQT, đảm bảo việc vận hành và quản lý thông suốt trong mọi lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty.

Ban Tổng giám đốc đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty tuân thủ nghiêm túc các quy định của luật pháp hiện hành của Nhà nước và phù hợp với nội dung đăng ký kinh doanh của Tổng công ty.

Bên cạnh một số kết quả đã đạt được, trong năm 2013, công tác điều hành của Tổng công ty vẫn còn một số tồn tại như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong cả hai lĩnh vực chính (xây dựng, bất động sản) đều không đạt kế hoạch do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan đã được Ban điều hành phân tích.

III. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TỒN TẠI

- ✓ Kết quả kinh doanh năm 2013 của Công ty Mẹ tiếp tục bị ảnh hưởng xấu bởi tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh yếu kém của một số Công ty thành viên. Một số Công ty không hoàn thành kế hoạch đề ra, tiếp tục thua lỗ hoặc có kết quả lỗ mặc dù xây dựng kế hoạch là lãi... dẫn đến việc Công ty Mẹ phải trích lập dự phòng đầu tư tài chính với giá trị lớn. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến kết quả lợi nhuận, cổ tức của Công ty Mẹ trong năm 2013 chưa đạt được như kế hoạch.
- ✓ Một vấn đề tồn tại của Tổng công ty trong nhiều năm qua chưa được giải quyết triệt để là tình trạng đầu tư tài chính dàn trải, hiệu quả đầu tư vốn của Tổng công ty tại các Công ty thành viên

không cao, thậm chí Tổng công ty còn phải gánh chịu các rủi ro tiềm ẩn từ một số khoản đầu tư vốn. Vì vậy, HĐQT đã có chiến lược, phê duyệt kế hoạch và danh mục thoái vốn tại các đơn vị ngoài ngành, hoạt động không hiệu quả nhằm thu hồi vốn đầu tư vào các đơn vị nòng cốt và các dự án có hiệu quả cao.

Tuy nhiên, ngoài việc thoái vốn thành công tại Công ty CP Xi măng Cẩm Phả, công tác tái cấu trúc năm 2013 về cơ bản vẫn chưa hoàn thành kế hoạch đặt ra, nhất là tại các Công ty có tỷ trọng vốn góp lớn của Tổng công ty (VVF, VINACONEX ITC, VINACONEX VCTD, An Khánh JVC); công tác củng cố, xây dựng các Công ty thành viên nòng cốt về định hướng chiến lược, tài chính, nhân sự còn chưa được quan tâm

đúng mức.

- ✓ Việc kiểm tra giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của các Công ty thành viên thông qua đội ngũ người đại diện vốn của Tổng công ty còn chưa quyết liệt; công tác chỉ đạo xử lý tồn tại của

một số Công ty thành viên chưa đạt được hiệu quả như mong muốn. Một số Công ty thành viên thua lỗ kéo dài, thực tế không có khả năng tiếp tục hoạt động (VINACONEX 4, VINACONEX Đà Nẵng, VINACONEX Quyết Thắng) song chưa giải quyết được thủ tục giải thể/phá sản.

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2014

Trên cơ sở đánh giá những việc đã làm được và chưa làm được trong thời gian qua và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 do Ban điều hành đề xuất, HĐQT xác định một số nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm cần thực hiện trong năm 2014 như sau:

Tập trung chỉ đạo và giám sát Ban điều hành triển khai kế hoạch SXKD năm 2014 được ĐHĐCĐ phê duyệt, trọng tâm là hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận và cổ tức.

Tập trung chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của Tổng công ty trong hai lĩnh vực hoạt động cốt lõi là xây dựng và bất động sản, cụ thể:

- ✓ *Đối với lĩnh vực xây lắp:*
- Đảm bảo VINACONEX tiếp tục giữ vững vị thế là một trong các doanh nghiệp xây dựng hàng đầu thông qua việc đổi mới mô hình quản lý dự án, áp dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ mới trong hoạt động thi công xây lắp, đảm bảo các sản phẩm của VINACONEX hội đủ các tiêu chí: (i) chất lượng, (ii) công nghệ tiên tiến và thân thiện với môi

trường, (iii) đúng thời hạn và (iv) giá thành phù hợp, cạnh tranh;

- Hình thành đội ngũ nhân lực đầu thầu và quản lý dự án chuyên nghiệp; hoàn thiện mô hình nhà thầu quản lý EPC tại Tổng Công ty;
- ✓ *Đối với lĩnh vực đầu tư, kinh doanh bất động sản:*
- ✓ Cùng cố đội ngũ phát triển các dự án bất động sản và triển khai mô hình quản lý bất động sản chuyên nghiệp tại Tổng Công ty;
- ✓ Đẩy mạnh việc tìm kiếm các dự án sẵn có để có thể sớm triển khai thực hiện đầu tư nhằm nắm bắt cơ hội ngay khi thị trường bất động sản có diễn biến tích cực.
- ✓ Phát huy thế mạnh của Tổng công ty vừa là nhà đầu tư vừa là đơn vị trực tiếp triển khai thi công dự án đầu tư để tìm kiếm và tham gia đầu tư các dự án cơ sở hạ tầng đặc biệt chú trọng các dự án BOT trọng điểm do Bộ GTVT làm Chủ đầu tư. Ngoài ra, Tổng công ty tập trung vào các dự án cung cấp nước sạch, dự án xử lý nước thải...v.v.
- ✓ Hoàn thiện phê duyệt dự án đầu tư Khu công nghiệp CNC Hòa Lạc (277 ha) và

đẩy mạnh thu hút đầu tư và triển khai một phần hạ tầng dự án.

- ✓ Chỉ đạo Ban điều hành Tổng công ty, người đại diện vốn của Tổng công ty tại NEDI 2 đơn đốc NEDI 2 hoàn thành và đưa vào vận hành dự án thủy điện Ngòi Phát (Lào Cai) theo đúng tiến độ (Quý 2/2014).
- ✓ Quyết liệt triển khai thực hiện kế hoạch tái cấu trúc vốn năm 2014, bao gồm kế hoạch nâng cao tỷ trọng sở hữu vốn tại các Công ty nòng cốt thuộc các lĩnh vực cốt lõi của Tổng công ty (xây dựng, bất động sản) và đẩy mạnh thực hiện thoái vốn tại các Công ty thuộc nhóm đầu tư linh hoạt nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn của Tổng công ty. Tập trung chỉ đạo dứt điểm việc thoái vốn tại các Công ty có tỷ trọng vốn đầu tư lớn của Tổng công ty như: VINACONEX ITC, VINACONEX VCTD, VVF. Riêng đối với Công ty Liên doanh An Khánh, HĐQT sẽ quyết liệt chỉ đạo Ban điều hành làm việc với đối tác về việc thay đổi cơ chế quản trị của Công ty, đảm bảo lợi ích cho hai Công ty mẹ, đồng thời với việc thực hiện giải pháp tái cấu trúc vốn tại Công ty liên doanh (thoái vốn hoặc mua lại) trong năm 2014.
- ✓ Ổn định và nâng cao năng lực tài chính của Tổng công ty: chỉ đạo Ban điều hành thực hiện tốt việc kiểm soát dòng tiền, quản lý chặt chẽ dòng tiền thanh toán và làm tốt công tác quản lý và thu hồi công nợ; thu xếp đủ nguồn vốn đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh

của Tổng công ty và góp vốn bổ sung vào các Công ty nòng cốt trong năm 2014; rà soát các khoản cho vay và bảo lãnh để có biện pháp quản trị rủi ro.

- ✓ Tăng cường công tác quản lý, giám sát vốn đầu tư của Tổng công ty tại các Công ty thành viên thông qua vai trò Người đại diện vốn; thực hiện rà soát và kiện toàn đội ngũ người đại diện vốn để đảm bảo phát huy đầy đủ vai trò, quyền hạn của Tổng công ty tại các Công ty thành viên và kịp thời thay thế những người đại diện vốn không phù hợp
- ✓ Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực Tổng công ty để theo kịp yêu cầu hoạt động của Tổng công ty.
- ✓ Tăng cường hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để tìm kiếm các cơ hội hợp tác đầu tư, kinh doanh, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Dự án Tây Mỗ - Đại Mỗ



QUẢN TRỊ CÔNG TY



Khu đô thị Trung Hòa – Nhân Chính

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị



THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



1) Ông Nguyễn Thành Phương

Kỹ sư xây dựng, Thạc sĩ QTKD

Ông Phương hiện đang là Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty. Với 38 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý xây dựng, ông Phương hiện còn giữ chức Phó chủ tịch Hiệp hội nhà thầu xây dựng Việt Nam. Ngoài ra, ông Phương còn tham gia đại diện vốn của Tổng công ty ở 4 đơn vị thành viên, trong đó có 3 đơn vị giữ cương vị Chủ tịch HĐQT.



2) Ông Vũ Quý Hà

Kỹ sư xây dựng, Thạc sĩ QTKD

Ông Hà hiện là thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty. Với 32 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng, ông Hà có nhiều kinh nghiệm trong việc đấu thầu các dự án có nguồn vốn trong và ngoài nước. Ngoài ra, ông Hà còn tham gia đại diện vốn của Tổng công ty ở 6 đơn vị thành viên, trong đó có 3 đơn vị giữ cương vị Chủ tịch HĐQT.



3) Ông Hoàng Nguyên Học

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Ông Học đảm nhiệm vị trí thành viên HĐQT từ tháng 6 năm 2008. Từng đảm nhiệm cương vị Cục trưởng cục Tài chính doanh nghiệp thuộc Bộ Tài chính, hiện ông Học đang là ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc SCIC.



4) Ông Đinh Việt Tùng

Thạc sỹ kinh tế

Ông Tùng là thành viên HĐQT VINACONEX từ tháng 12 năm 2011 và kiêm nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc phụ trách tài chính của VINACONEX từ tháng 3/2012. Ông Tùng là chuyên gia tài chính với nhiều năm kinh nghiệm làm việc tại Tổng cục Quản lý vốn và tài chính nhà nước tại doanh nghiệp, Cục Tài chính doanh nghiệp (Bộ Tài chính) và Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước - SCIC.



5) Ông Hoàng Anh Xuân

Kỹ sư chế tạo máy vô tuyến điện, Cử nhân kinh tế

Ông Xuân là thành viên HĐQT VINACONEX từ tháng 4 năm 2009. Ông Xuân nguyên là Tổng giám đốc Tập đoàn Viễn thông Quân đội (VIETTEL).

(Ông Xuân đã từ nhiệm vì lý do nghỉ hưu và HĐQT đã bổ nhiệm Ông Lê Đăng Dũng – Phó Tổng giám đốc Tập đoàn Viettel thay Ông Xuân từ ngày 14/4/2014).



6) Ông Đoàn Châu Phong

Kỹ sư xây dựng, Thạc sỹ QTKD

Ông Phong hiện là Phó Bí thư Đảng Ủy – thành viên HĐQT Tổng công ty. Với 31 năm kinh nghiệm, ông Phong đã nhiều năm công tác trong lĩnh vực đầu tư, quản lý dự án. Ngoài ra, ông Phong còn tham gia đại diện vốn của Tổng công ty ở 6 đơn vị thành viên, trong đó có 5 đơn vị giữ cương vị Chủ tịch HĐQT.



7) Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Thạc sỹ QTKD, Thạc sỹ điện tử viễn thông

Ông Hùng là thành viên HĐQT VINACONEX từ tháng 4 năm 2009. Ngoài ra, ông Hùng hiện đang giữ chức Tổng giám đốc Tập đoàn Viễn Thông Quân đội (VIETTEL).



8) Ông Nguyễn Đình Thiết

Cử nhân kinh tế tài chính

Ông Thiết tham gia HĐQT từ tháng 5 năm 2013 (Thay Ông Nguyễn Quốc Huy). Ông là thành viên HĐQT chuyên trách phụ trách lĩnh vực tái cấu trúc doanh nghiệp của Tổng công ty. Ngoài ra, ông Thiết còn tham gia đại diện vốn của Tổng công ty ở 7 đơn vị thành viên, trong đó có 5 đơn vị giữ cương vị Chủ tịch HĐQT.



9) Ông Nguyễn Thiều Quang

Kiến trúc sư, kỹ sư mỏ

Ông Quang tham gia HĐQT VINACONEX từ tháng 6 năm 2008. Ngoài ra ông Quang còn là Phó chủ tịch HĐQT Ngân hàng Techcombank, Thành viên HĐQT Công ty CP Hàng tiêu dùng Masan và Công ty CP Bất động sản Masan...

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại các công ty khác
1	Nguyễn Thành Phương	Chủ tịch HĐQT	0,06%	04
2	Vũ Quý Hà	Thành viên HĐQT, TGD	0,04%	06
3	Đoàn Châu Phong	Thành viên HĐQT	0,01%	06
4	Nguyễn Đình Thiết	Thành viên HĐQT	0,01%	07
5	Hoàng Nguyên Học	Thành viên HĐQT		01
6	Đình Việt Tùng	Thành viên HĐQT, PTGD		02
7	Hoàng Anh Xuân	Thành viên HĐQT		06
8	Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT		05
9	Nguyễn Thiều Quang	Thành viên HĐQT		07

2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1) Tiểu ban Tái cấu trúc:

- Ông Nguyễn Đình Thiết – Thành viên HĐQT – Trưởng tiểu ban
- Ông Hoàng Nguyên Học – Thành viên HĐQT/Phó Trưởng tiểu ban
- Ông Nguyễn Quốc Hòa – Kế toán trưởng/thành viên
- Ông Nguyễn Tuấn Cường – Giám đốc Ban phát triển nhân lực/thành viên
- Bà Trần Thị Thanh Huyền – Phó phòng Pháp chế, Ban ĐNPC /thành viên

2) Tiểu ban Đầu tư:

- Ông Hoàng Anh Xuân - Thành viên HĐQT - Trưởng tiểu ban
- Ông Vũ Quý Hà - Thành viên HĐQT, TGD /Phó Trưởng tiểu ban
- Ông Đoàn Châu Phong - Thành viên HĐQT/thành viên
- Ông Nguyễn Hữu Ngọc - Phó Giám đốc Ban Tài chính kế hoạch/thành viên

3) Tiểu ban nhân sự đãi ngộ:

- Ông Nguyễn Thiều Quang - Thành viên HĐQT - Trưởng Tiểu ban
- Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Thành viên HĐQT/Phó Trưởng Tiểu ban
- Ông Nguyễn Tuấn Cường - Giám đốc Ban phát triển nhân lực/thành viên
- Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Phó Giám đốc Ban Tài chính kế hoạch/thành viên
- Ông Vũ Văn Sơn - chuyên viên Ban phát triển nhân lực/thành viên
- Ông Nguyễn Quốc Huy - Trưởng tiểu ban thư ký tổng hợp/thành viên

4) Tiểu ban kiểm soát nội bộ:

- Ông Đinh Việt Tùng - Thành viên HĐQT - Trưởng Tiểu ban
- Bà Kiều Bích Hoa - Thành viên Ban kiểm soát/thành viên
- Bà Trần Thị Thanh Huyền - Phó phòng Pháp chế, Ban ĐNPC/thành viên

3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2013, HĐQT đã tổ chức 12 cuộc họp, ban hành 15 Nghị quyết tại các phiên họp trực tiếp và 78 Quyết định thông

qua hình thức xin ý kiến bằng văn bản để thực hiện việc quản trị hoạt động của Tổng công ty và giám sát hoạt động của

Ban Tổng giám đốc, bám sát các nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao, cụ thể như sau:

- Tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 của Tổng công ty (ngày 25/4/2013) theo quy định pháp luật và Điều lệ Tổng công ty; Chỉ đạo và đôn đốc Ban điều hành triển khai thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 của Tổng công ty được ĐHĐCĐ phê duyệt;
- Hoàn thành việc lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán và soát xét các báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 của Tổng công ty; giám sát việc lập Báo cáo tài chính Công ty mẹ, báo cáo hợp nhất định kỳ theo quý theo quy định của pháp luật;
- Phê duyệt kế hoạch tài chính năm 2013 của Tổng công ty; phê duyệt hạn mức bảo lãnh và hạn mức vay vốn tại các ngân hàng;
- Phê duyệt Quỹ lương kế hoạch 2013 của Tổng công ty
- Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện công tác thu hồi, giải quyết công nợ; Tăng cường công tác giám sát hoạt động bảo lãnh của Tổng công ty đối với các đơn vị thành viên
- Ban hành sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế các Ban chức năng (Tài chính kế hoạch, Phát triển nhân lực, Đối ngoại Pháp chế, Đầu tư, Xây dựng và Văn phòng).

Kiện toàn nhân sự Hội đồng quản trị: thực hiện kiện toàn các Tiểu ban chuyên trách của HĐQT; chấp thuận để ông Nguyễn Quốc Huy và ông Hoàng Anh Xuân thôi không tham gia HĐQT Tổng công ty theo

đề nghị của cá nhân, bổ nhiệm ông Nguyễn Đình Thiết, ông Lê Đăng Dũng làm thành viên HĐQT.

- Kiện toàn nhân sự Ban điều hành: Gia hạn thời gian đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc đối với ông Vương Công San, bổ nhiệm lại chức vụ Phó Tổng giám đốc đối với ông Nguyễn Ngọc Điệp; thống nhất chủ trương không bổ nhiệm lại chức vụ Phó Tổng giám đốc đối với ông Đoàn Châu Phong và ông Nguyễn Đình Thiết theo nguyện vọng cá nhân của cán bộ để tập trung thực hiện nhiệm vụ thành viên HĐQT chuyên trách; bổ nhiệm ông Dương Văn Mậu và ông Lê Doanh Yên giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Tổng công ty; bổ nhiệm lại ông Nguyễn Quốc Hòa giữ chức vụ Kế toán trưởng Tổng công ty.
- Tiếp tục kiện toàn công tác Người đại diện vốn của Tổng công ty nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý của Tổng công ty tại các Công ty thành viên.
- Chỉ đạo công tác tái cấu trúc Tổng công ty: xây dựng và chỉ đạo Ban điều hành thực hiện công tác tái cấu trúc các Công ty thành viên trong năm 2013. Đặc biệt, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành thực hiện thành công việc chuyển nhượng chuyển nhượng 70% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Xi măng Cẩm Phả thuộc sở hữu của Tổng công ty cho đối tác theo phương án đã được ĐHĐCĐ phê duyệt. Ngoài ra, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành hoàn thành việc thoái toàn bộ vốn đầu tư của Tổng công ty tại một số Công ty (VICOSTONE, VINACONEX Xuân Mai, Bảo hiểm Bảo Minh), chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục tìm kiếm, đàm phán với các đối tác để thực hiện việc tái cấu trúc vốn tại Công ty Liên doanh An Khánh, Công

ty Tài chính cổ phần VINACONEX - VIETTEL (VVF).

- Chỉ đạo, đôn đốc Ban Điều hành Tổng công ty, người đại diện vốn của Tổng công ty tại công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện miền Bắc 2 (NEDI2) khẩn trương hoàn tất thủ tục đầu tư, hoàn thành việc thi công xây lắp công trình Dự án Thủy điện Ngòi Phát (Lào Cai) với mục tiêu phát điện vào Quý 2/2014; phê duyệt và chỉ đạo Ban điều hành triển khai công tác chuẩn bị, đầu tư một số dự án trong trung và dài hạn như: Dự án cải tạo Chung cư cũ 97 - 99 Láng Hạ, Dự án Vinata Towers, dự án Cầu Thủ Thiêm 2, dự án đầu tư BOT đường cao tốc Hà Nội – Bắc Giang, Dự án Khu công nghiệp Công nghệ cao 2 Hòa Lạc, dự án Nhà thu nhập thấp 18,5ha Bắc An Khánh,

dự án nước Sông Đà giai đoạn 2, Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước khu kinh tế Dung Quất giai đoạn 2, dự án nước Vũng Rô...

- Chỉ đạo phối hợp với Ban điều hành, Người đại diện vốn của Tổng công ty tổ chức những buổi họp chuyên đề báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của những Công ty thành viên có kết quả sản xuất kinh doanh yếu kém kéo dài, thua lỗ hoặc tiềm ẩn nguy cơ thua lỗ, gây rủi ro lớn đối với Tổng công ty để kịp thời đưa ra biện pháp xử lý.
- Chỉ đạo các Tiểu ban chuyên môn thuộc HĐQT thực hiện chức năng thẩm định chuyên môn đối với các vấn đề do Ban điều hành trình, trước khi HĐQT xem xét, quyết nghị.

Các Nghị quyết được Hội đồng quản trị ban hành trong năm 2013 như sau

TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2013/NQ-HĐQT	5/2/3013	• Thống nhất dự kiến kết quả các chỉ tiêu SXKD thực hiện năm 2012 của Công ty mẹ, đề nghị Ban TGD chuẩn bị nêu rõ các mục tiêu định hướng TCT trong năm 2013 • HĐQT đánh giá cao sự nỗ lực, cố gắng, kết quả của Ban xử lý công nợ năm 2012, đề nghị Ban xử lý công nợ bổ sung báo cáo phân tích tình hình thực hiện công tác xử lý, thu hồi công nợ năm 2012, đề xuất giải pháp tăng cường hiệu quả công tác thu hồi công nợ năm 2013 • Giao Ban TGD đánh giá tổng thể tình hình thực hiện bảo lãnh các đơn vị thành viên, đề xuất các kiến nghị, giải pháp nhằm tăng cường công tác bảo lãnh • Giao Ban TGD đánh giá những thuận lợi, khó khăn, sự cần thiết đầu tư Dự án khu nhà ở CBCNV Trạm nghiên Xi măng Cẩm Phả tại Vũng Tàu • Giao Ban TGD phân giao nội dung công việc cần

			thực hiện, đề xuất phương án xử lý những kết luận, kiến nghị của kiểm toán nhà nước Yêu cầu Ban TGD phối hợp HĐQT làm việc với cổ đông lớn v/v triển khai thực hiện các quy định về quản trị công ty
2	02/2013/NQ-HĐQT	22/3/2013	- Thông qua báo cáo kết quả SXKD năm 2012 và kế hoạch năm 2013 - Thống nhất báo cáo của Ban xử lý nợ, yêu cầu Ban xử lý nợ phân tích hiệu quả công tác thu hồi, xử lý nợ của từng cá nhân, tổ chức được giao nhiệm vụ - Về tái cấu trúc XMCP, HĐQT ghi nhận những nội dung đã đạt trong đàm phán hợp đồng với YTL, thống nhất thực hiện các giải pháp liên quan vốn điều lệ của XMCP và xử lý các khoản đầu tư tài chính - Thống nhất đề nghị của TGD v/v thay đổi người đại diện vốn tại các doanh nghiệp - Phê duyệt phương án 2 theo nội dung Tờ trình v/v điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty CP Sản bất động sản Vinaconex
3	03/2013/NQ-HĐQT	8/4/2013	- HĐQT thống nhất nội dung họp ĐHCĐ thường niên năm 2013 của TCT, thống nhất danh sách đoàn Chủ tịch tại ĐHCĐ thường niên, giao TGD chỉ đạo công bố thông tin và tài liệu họp ĐHCĐ theo quy định hiện hành. - Thống nhất trình ĐHCĐ 2013 xem xét giữ nguyên số lượng, cơ cấu thành viên HĐQT (09 Thành viên). Thống nhất lịch họp chuyên đề kiện toàn nhân sự Ban TGD vào 10/4/2013. - Đề nghị Ban kiểm soát trình ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán được UBCK chấp thuận để kiểm toán và soát xét BCTC 2013 của TCT.
4	04/2013/NQ-HĐQT	18/4/2013	- Thống nhất bổ nhiệm lại chức vụ PTGD đối với ông Nguyễn Ngọc Điệp – Thạc sỹ QTKD, kỹ sư xây dựng - Căn cứ đề xuất của lãnh đạo nhằm trẻ hóa ban điều

			hành, cũng như sự đồng thuận của ông Đoàn Châu Phong – Thạc sỹ QTKD, kỹ sư xây dựng, thống nhất chủ trương không bổ nhiệm lại chức vụ PTGD đối với ông Đoàn Châu Phong – Thạc sỹ QTKD, kỹ sư xây dựng. • Thống nhất kiện toán các Ban chuyên trách của HĐQT. • Giao TGD lựa chọn những cán bộ có năng lực để đề xuất HĐQT xem xét, bổ nhiệm vào vị trí PTGD
5	06/2013/NQ-HĐQT	9/5/2013	• Thống nhất kết quả kinh doanh quý I/2013 của Công ty mẹ và kết quả kinh doanh quý I/2013 của Công ty CP Xi măng Cẩm Phả • Phê duyệt chủ trương tái cấu trúc vốn năm 2013 của Tổng công ty • Thống nhất một số nội dung liên quan tới việc tái cấu trúc vốn của Tổng công ty tại Công ty CP Ống sợi thủy tinh Vinaconex, Công ty CP Vật tư ngành nước, Công ty CP Vinaconex Xuân Mai • Thống nhất chấp thuận để ông Nguyễn Quốc Huy thôi không tham gia thành viên HĐQT, HĐQT bổ nhiệm ông Nguyễn Đình Thiết – PTGD làm thành viên HĐQT – phụ trách xử lý nợ và tái cấu trúc. • Giao nhiệm vụ cho ông Đình Việt Tùng – PTGD kiêm phụ trách Ban quản lý và giám sát đầu tư tài chính • Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự giới thiệu bổ nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty CP Vinaconex ITC. • Đề nghị Ban kiểm soát đề xuất phương án để HĐQT quyết định lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập theo phương án được ĐHCĐ phê duyệt • Tổ chức họp chuyên đề v/v lựa chọn nhân sự bổ nhiệm vào vị trí PTGD Tổng công ty
6	07/2013/NQ-HĐQT	30/5/2013	• Giao người đại diện vốn tại Công ty CP Vinaconex Xuân Mai hoàn thiện phương án tái cấu trúc công ty theo hướng làm rõ các thế mạnh của Vinaconex Xuân Mai, phương án xử lý các vấn đề tồn tại của

			Vinaconex Xuân Mai, cam kết của Ban điều hành về hiệu quả sản xuất kinh doanh của Vinaconex Xuân Mai giai đoạn 2013-2014 • Phê duyệt điều chỉnh tăng hạn mức cấp bảo lãnh vay vốn đầu tư cho Công ty Nedi2 • Phê duyệt phương án tái cơ cấu khoản nợ cho vay tại Công ty cổ phần Xi măng Yên Bình • HĐQT thống nhất lựa chọn Công ty Deloitte làm đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán độc lập và soát xét BCTC Công ty mẹ và hợp nhất 2013 của TCT
7	08/2013/NQ-HĐQT	18/6/2013	• Thống nhất tiếp tục triển khai thủ tục thoái toàn bộ vốn của TCT tại Công ty Vinaconex Xuân Mai theo phương án đã được HĐQT phê duyệt • HĐQT đồng ý cơ bản các điều khoản đàm phán với đối tác YTL về phương án tái cấu trúc XMCP • Giao TGD chỉ đạo Tổ đàm phán tái cấu trúc XMCP căn cứ nội dung LOI ngày 21/5/2013 của đối tác HC và một số nội dung cơ bản đã đàm phán được với đối tác YTL để dự thảo 01 bản Hợp đồng mua bán cổ phần (SPA) sơ bộ gửi đối tác HC và đề nghị đối tác HC cho ý kiến về việc chấp thuận ký SPA trước ngày 30/6/2013 • Thống nhất đề xuất của TGD v/v góp vốn năm 2013 vào Công ty CP phát triển đô thị Vinaconex Viettel (VVHA)
8	09/2013/NQ-HĐQT	20/6/2013	• Thống nhất cơ bản các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT như dự thảo Quy chế kèm theo Tờ trình số 1267/2013/TTr-TKTH ngày 28/5/2013 của Tổng giám đốc • Phê duyệt điều chỉnh thời hạn bảo lãnh vay vốn lưu động phục vụ SXKD năm 2013 của Công ty cổ phần xi măng Cẩm Phả theo nội dung Tờ trình số 1430/2013/TTr-TCKH ngày 18/6/2013 của Tổng giám đốc Tổng công ty. • Thống nhất chủ trương bổ nhiệm ông Dương Văn Mậu – Tổng giám đốc Công ty CP Vinaconex Xuân Mai, đảm nhận vị trí Phó Tổng giám đốc Tổng công

			ty, phụ trách lĩnh vực khoa học kỹ thuật. Giao Tổng giám đốc triển khai thủ tục, trình Chủ tịch HĐQT ký quyết định bổ nhiệm cán bộ theo quy định Sau khi xem xét ý kiến hồi đáp của Công ty TNHH Khải Hưng tại Công văn số 20-6/2013/CV-KH về việc mua cổ phần VINACONEX Xuân Mai, HĐQT giao Tổng giám đốc tiếp tục triển khai thủ tục thoái toàn bộ vốn góp của Tổng công ty tại VINACONEX Xuân Mai theo phương án đã được HĐQT phê duyệt.
9	10/2013/NQ-HĐQT	26/7/2013	- Yêu cầu Ban điều hành bổ sung một số nội dung liên quan tới phương án tái cấu trúc vốn của Tổng công ty tại Công ty CP Xi măng Cẩm Phả - Thống nhất không bổ nhiệm lại chức vụ PTGD đối với ông Nguyễn Đình Thiết để Ông Thiết tập trung toàn thời gian thực hiện nhiệm vụ thành viên HĐQT. - Về phương án tái cấu trúc vốn của TCT tại Công ty Liên doanh TNHH Vinasanwa, đề nghị Ban điều hành và người đại diện vốn đàm phán lại về thời hạn mua lại vốn và về phương án xử lý khoản vay tại ngân hàng - Phê duyệt cam kết bảo lãnh cho Nedi 2 đối với Ngân hàng phát triển Việt Nam chi nhánh Lào Cai.
10	11/2013/NQ-HĐQT	25/9/2013	- HĐQT thống nhất nội dung Báo cáo của TGD về kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm và dự kiến kết quả kinh doanh 6 tháng cuối năm 2013 của Công ty mẹ, đề nghị Ban điều hành tích cực triển khai các giải pháp hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2013, đề nghị Ban điều hành triển khai xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 - HĐQT đề nghị ban điều hành bổ sung thêm nội dung kết quả rà soát kế hoạch triển khai công tác tái cấu trúc các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty năm 2013 vào Báo cáo công tác tái cấu trúc, và đề nghị Ban điều hành tích cực triển khai các giải pháp để hoàn thành kế hoạch tái cấu trúc đã được HĐQT phê duyệt - HĐQT thống nhất cơ bản nội dung báo cáo về tình

			hình thu hồi công nợ, đề nghị Ban điều hành có biện pháp xử lý các khoản nợ xấu đã quá tuổi, không có khả năng thu hồi của TCT, đưa vào hạch toán ngoại bảng để theo dõi đối với các khoản đã được trích dự phòng toàn bộ • Thống nhất phê duyệt không tính phí bảo lãnh vay vốn lưu động đối với XMCP từ ngày 1/1/2013 tới 31/12/2013 • Phê duyệt điều chỉnh hạn mức bảo lãnh và hạn mức vay vốn tại các ngân hàng
11	13/2013/NQ-HĐQT	4/11/2013	• Phê duyệt phương án điều chỉnh vốn chủ sở hữu của Công ty CP Xi măng Cẩm Phả để thực hiện giao dịch tái cấu trúc XMCP với Viettel
12	14/2013/NQ-HĐQT	12/12/2013	• HĐQT ghi nhận nội dung Báo cáo về kết quả đã đạt được trong giao dịch tái cấu trúc Công ty XMCP với Viettel, yêu cầu Ban điều hành, người đại diện vốn của TCT tại XMCP phối với Viettel, XMCP tiếp tục xử lý các vấn đề liên quan, củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của XMCP • Yêu cầu Ban điều hành có báo cáo cụ thể về kết quả thực hiện đối với phương án tái cấu trúc giai đoạn 2012-2016 và đề xuất chiến lược đầu tư vốn vào các đơn vị thành viên trình HĐQT xem xét, quyết định • Ghi nhận báo cáo của Ban xử lý công nợ • Đề nghị Ban điều hành hoàn tất hồ sơ về quyết toán Dự án N05 và Dự án 34 Láng Hạ trình HĐQT trong tháng 12/2013. • Phê duyệt gia hạn thời gian đảm nhận chức vụ PTGD đối với ông Vương Công San cho đến thời điểm ông Vương Công San nghỉ chế độ hưu trí
13	15/2013/NQ-HĐQT	16/12/2013	• Thông qua một số nội dung liên quan tới thực hiện dự án thủy điện Ngòi Phát như: thỏa thuận chủ trương điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư Dự án thủy điện Ngòi Phát, giao người đại diện vốn tại Nedi 2 kiểm tra, rà soát và biểu quyết phê duyệt tăng tổng mức đầu tư Dự án theo đúng trình tự, thủ tục, quy

			định của pháp luật. Thống nhất chủ trương đối với phương án thu xếp vốn. Yêu cầu người đại diện tại Nedi 2 phối hợp HĐQT, Ban điều hành theo dõi, kiểm soát chặt chẽ tiến độ thực hiện dự án, đảm bảo chất lượng công trình và mục tiêu phát điện. • Phê duyệt để Tổng giám đốc ký văn bản thu xếp vốn để thanh toán khoản L/C của Nedi 2 hoàn trả cho BIDV – Sở giao dịch trong trường hợp VDB Lào Cai không thực hiện giải ngân
--	--	--	--

4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành:

Ông Hoàng Nguyên Học - Thành viên HĐQT, thực hiện các nhiệm vụ:

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT; xem xét, góp ý và thực hiện biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Là thành viên Tiểu ban tái cấu trúc của HĐQT

Ông Hoàng Anh Xuân - Thành viên HĐQT - Trưởng Tiểu ban Đầu tư

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT; xem xét, góp ý và thực hiện biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Là Trưởng Tiểu ban Đầu tư của HĐQT; trực tiếp chỉ đạo rà soát, đánh giá hiệu quả thực hiện các dự án đầu tư của Tổng công ty và đề xuất HĐQT định hướng đầu tư của Tổng công ty.

Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Thành viên HĐQT, Phó Trưởng Tiểu ban nhân sự đãi ngộ

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT; xem xét, góp ý và thực hiện biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Tham gia hoạt động của Tiểu ban nhân sự đãi ngộ và trực tiếp thực hiện phỏng vấn và lựa chọn các ứng viên cho các chức danh thuộc sự quản lý của HĐQT Tổng công ty, cũng như phỏng vấn, trao đổi với những ứng viên là cán bộ trẻ, có trình độ của Tổng công ty và các Công ty thành viên để tìm kiếm, chuẩn bị nguồn nhân sự cho các vị trí lãnh đạo chủ chốt của Tổng công ty trong tương lai.

Ông Nguyễn Thiều Quang - Thành viên HĐQT độc lập, Trưởng Tiểu ban nhân sự đãi ngộ

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT; xem xét, góp ý và thực hiện biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Là Trưởng Tiểu ban nhân sự đãi ngộ của HĐQT, trực tiếp thực hiện phỏng vấn và lựa chọn các ứng viên cho các chức danh thuộc sự quản lý của HĐQT Tổng công ty, cũng như phỏng vấn, trao đổi với những ứng viên là cán bộ trẻ, có trình độ của Tổng công ty và các

Công ty thành viên để tìm kiếm, chuẩn bị nguồn nhân sự cho các vị trí lãnh đạo chủ chốt của Tổng công ty trong tương lai.

5. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

- ✓ Tiểu ban tái cấu trúc: Tiểu ban Tái cấu trúc xây dựng chủ trương tái cấu trúc vốn năm 2013 trình HĐQT phê duyệt, thay mặt HĐQT trực tiếp chỉ đạo Ban điều hành triển khai công tác tái cấu trúc theo kế hoạch tái cấu trúc đã được HĐQT phê duyệt.
- ✓ Tiểu ban nhân sự đãi ngộ: Căn cứ vào danh sách các ứng viên theo đề xuất bổ nhiệm cán bộ của Ban điều hành, Tiểu ban nhân sự đãi ngộ triển khai việc phỏng vấn và đưa ra ý kiến đánh giá về các ứng viên để HĐQT Tổng công ty xem xét, bổ nhiệm cán bộ theo thẩm quyền của HĐQT. Năm 2013, HĐQT đã thực hiện việc bổ nhiệm mới 2 Phó Tổng giám đốc Tổng công ty, bổ nhiệm lại 01 Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng. Ngoài ra, Tiểu ban Nhân sự đãi ngộ còn tổ chức phỏng vấn, trao đổi với những ứng viên là cán bộ trẻ, có trình độ của Tổng công ty và các Công ty thành viên để tìm kiếm, chuẩn bị nguồn nhân sự cho các vị trí lãnh đạo chủ chốt của Tổng công ty trong tương lai.
- ✓ Tiểu ban thư ký tổng hợp: Tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị; dự thảo Biên bản và Nghị quyết họp Hội đồng quản trị; cập nhật đầy đủ các thông tin và cung cấp tài liệu cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát; soạn thảo thư tín, văn bản, quyết định của Hội đồng quản trị Tổng công ty và các thỏa thuận của Tổng công ty gửi các công ty thành viên.

6. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

- 1) Ông Nguyễn Thành Phương - Chủ tịch HĐQT
- 2) Ông Vũ Quý Hà - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc
- 3) Ông Nguyễn Đình Thiết - thành viên HĐQT
- 4) Ông Đoàn Châu Phong - thành viên HĐQT
- 5) Ông Đinh Việt Tùng – thành viên HĐQT

II. BAN KIỂM SOÁT

1. Thành viên Ban kiểm soát



THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



1) Ông Đặng Thanh Huấn

Cử nhân kinh tế, Thạc sỹ QTKD

Ông Huấn giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát từ tháng 12 năm 2006. Ông Huấn có hơn 15 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kiểm toán và tài chính.



2) Ông Phạm Chí Sơn

Thạc sỹ luật, Thạc sỹ QTKD

Ông Sơn là thành viên Ban Kiểm soát từ tháng 12 năm 2006. Ông Sơn tham gia vào VINACONEX từ năm 2002. Hiện nay ông Sơn còn đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Ban Đối ngoại pháp chế VINACONEX.



3) Ông Vũ Hồng Tuấn

Thạc sỹ QTKD

Ông Tuấn là thành viên Ban Kiểm soát VINACONEX từ tháng 12 năm 2011. Ngoài ra, ông Tuấn hiện đang giữ chức Phó trưởng Ban quản lý rủi ro tại Tổng công ty SCIC.



4) Bà Kiều Bích Hoa

Thạc sỹ Tài chính ngân hàng

Bà Hoa là thành viên Ban Kiểm soát VINACONEX từ tháng 12 năm 2011. Ngoài ra, bà Hoa hiện còn là chuyên viên Ban Đầu tư 2 của Tổng công ty SCIC.



5) Ông Phạm Phú Trường

Kỹ sư xây dựng dân dụng và CN

Ông Trường là thành viên Ban Kiểm soát VINACONEX từ tháng 12 năm 2011. Ngoài ra, ông Trường hiện đang giữ chức Trưởng phòng dự án Công ty BĐS của Tập đoàn viễn thông quân đội - Viettel.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ
1. Đặng Thanh Huấn	Trưởng Ban	53.626	0,01%
2. Phạm Chí Sơn	Thành viên	-	
3. Phạm Phú Trường	Thành viên	5000	-
4. Vũ Hồng Tuấn	Thành viên	-	-
5. Kiều Bích Hoa	Thành viên	-	-
TỔNG		58.626	0,05%

2. Hoạt động của Ban kiểm soát

a) Các công tác đã thực hiện năm 2013:

- ✓ Trong năm 2013, Ban Kiểm soát đã tổ chức cuộc họp định kỳ để đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban điều hành, soát xét Báo cáo tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh quý, năm của Tổng công ty.
- ✓ Đại diện Ban kiểm soát đã tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, các cuộc họp quan trọng của Ban Điều hành Tổng Công ty.
- ✓ Ban Kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Tổng Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty năm 2013, cụ thể:
 - Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong năm 2013.

- Tham gia ý kiến và đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Giám đốc Tổng Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty trong năm
- Thẩm tra các Báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến Báo cáo tài chính; giám sát việc thực thi những kiến nghị do Công ty kiểm toán độc lập đưa ra.
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Tổng Công ty theo các quy định của pháp luật.
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013 đối với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty.
- Năm 2013, Ban Kiểm soát đã phối hợp với Người Đại diện quản lý vốn, các Phòng, Ban chức năng Tổng công ty thực hiện kiểm tra tại các công ty thành viên và các đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng công ty: Công ty cổ phần xây dựng số 2, Công ty cổ phần xây dựng số 3, Công ty cổ phần xây dựng số 15, Công ty cổ phần Bao bì VINACONEX, Công ty cổ phần xi măng Cẩm Phả, Ban QLDA ĐTXD mở rộng đường Đường Láng - Hòa Lạc, Ban điều hành thi công giai đoạn 1 dự án khu đô thị An Khánh.

b) Về sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty

Ban Kiểm soát đã có sự phối hợp tốt với Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, thể hiện:

- Ban kiểm soát đã được mời tham dự và tham gia ý kiến tại cuộc họp của Hội đồng

- Ban Kiểm soát cũng đã thực hiện kiểm tra, soát xét các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, các Hợp đồng liên quan đến việc thoái vốn của Tổng công ty tại Công ty cổ phần xi măng Cẩm Phả và đưa ra các kiến nghị với Hội đồng quản trị.
- Phối hợp với các Phòng, Ban chức năng thẩm định tài liệu, đề xuất đơn vị kiểm toán độc lập để Người Đại diện quản lý vốn biểu quyết tại Đại hội cổ đông thường niên các công ty thành viên.
- Trong năm 2013, theo yêu cầu của Cổ đông SCIC, Ban kiểm soát cũng đã thực hiện kiểm tra quá trình thực hiện đầu tư xây dựng dự án Thủy điện Ngòi phát, chủ đầu tư là công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện miền Bắc 2, đơn vị thành viên Tổng công ty.

✓ Về hạn chế, khuyết điểm của Ban kiểm soát:

Việc thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát trực tiếp tại các đơn vị hạch toán phụ thuộc, các công ty thành viên còn hạn chế, triển khai chậm so với kế hoạch.

quản trị và Ban Điều hành Tổng Công ty.

- Ban Kiểm soát được cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin theo quy định của Luật doanh nghiệp về quyền được cung cấp

thông tin của Ban kiểm soát: Các Phiếu xin ý kiến, Tờ trình Hội đồng quản trị, các Biên bản họp, Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đều được cung cấp. Khi Ban

kiểm soát yêu cầu cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động của Tổng công ty trong các quý, năm, Ban điều hành đều cung cấp đầy đủ theo yêu cầu

c) Định hướng kế hoạch hoạt động trong năm 2014

- Ban kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát mọi mặt hoạt động Tổng công ty theo chức năng, nhiệm vụ đã quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty và các quy định của pháp luật.
- Ban Kiểm soát sẽ phối hợp với người đại diện quản lý vốn, các Ban chức năng tăng cường công tác kiểm tra tại các đơn vị hạch toán phụ thuộc và các công ty thành viên

d) Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị đã tổ chức đầy đủ các kỳ họp định kỳ quý, năm và bất thường theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty. Hội đồng quản trị cũng đã thông qua nhiều quyết định bằng hình thức xin ý kiến bằng văn bản. Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm phù hợp với Điều lệ của Tổng công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty trong năm.
- Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Tổng Công ty. Trong năm 2013, Hội đồng quản trị đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của Tổng công ty như sau:
 - Chỉ đạo việc tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 của Tổng công ty theo quy định pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
 - Kiện toàn nhân sự Hội đồng quản trị, Ban điều hành: Bổ nhiệm thêm 01 Thành viên HĐQT thay thế Ông Nguyễn Quốc Huy có đơn từ nhiệm. Bổ nhiệm lại 01 Phó Tổng giám đốc; Bổ nhiệm mới 02 Phó Tổng giám đốc. Gia hạn thời gian đảm nhận chức vụ đối với 01 Phó Tổng Giám đốc.
 - Phê duyệt các thủ tục và chỉ đạo Ban điều hành thực hiện thoái vốn tại một số Công ty thành viên, công ty liên kết: Công ty cổ phần đá ốp lát cao cấp VINACONEX (Vicostone), Công ty cổ phần Bảo hiểm Bảo Minh và Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Xuân Mai, Công ty cổ phần Xi măng cẩm Phà.
 - Sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của các Ban chức năng Tổng công ty.
 - Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán và soát xét các BCTC năm 2013 của Tổng công ty theo đề xuất của Ban Kiểm soát.
 - Chỉ đạo thực hiện công tác đầu tư, công

tác chuẩn bị đầu tư các dự án trong trung và dài hạn như: Chung cư 97-99 Láng Hạ Láng Hạ, dự án Vinata Towers, Thiêm 2, dự án đầu tư BOT đường cao tốc Hà Nội - Bắc Giang, dự án Nhà thu nhập thấp 18,5ha Bắc An Khánh,... Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng và cho phép triển khai các bước chuẩn bị đầu tư Dự án Khu Đô thị nhà ở xã hội Đại Áng, Thanh Trì, Hà Nội.

- Thông qua thỏa thuận về tiếp tục đầu tư dự án thủy điện Ngòi Phát của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện miền bắc 2 (NEDI 2): thỏa thuận chủ trương điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư Dự án thủy điện Ngòi Phát, giao người đại diện quản lý vốn tại NEDI 2 kiểm tra, rà soát và biểu quyết phê duyệt tăng tổng mức đầu tư Dự án theo đúng trình tự, thủ tục, quy định của pháp luật và làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của việc chậm tiến độ, tăng chi phí Dự án.
- Quyết định phê duyệt thỏa thuận chủ trương nghiên cứu đầu tư dự án hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông, giai đoạn 2, nâng công suất lên 600.000 m³/ngày đêm.
- Quyết định phê duyệt chủ trương hợp tác đầu tư cho phép triển khai các bước chuẩn bị Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước khu kinh tế Dung Quất giai đoạn 2.
- Hội đồng quản trị thực hiện giám sát và chỉ đạo Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013, trong đó tập trung vào các vấn đề sau:

- HĐQT đã giám sát và chỉ đạo sát sao công tác thoái vốn của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết, đặc biệt là tại Công ty cổ phần bê tông và xây dựng VINACONEX Xuân Mai, Công ty cổ phần xi măng Cẩm Phả.
- HĐQT dành nhiều thời gian chỉ đạo Ban điều hành, Người Đại diện quản lý vốn tại các Công ty thành viên báo cáo và có giải pháp để nâng cao hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm thiểu rủi ro trong hoạt động, đặc biệt là tại các công ty: Công ty cổ phần ITC, Công ty LD TNHH khu đô thị mới An Khánh, Công ty cổ phần đầu tư thương mại VINACONEX (Chợ Mơ),...
- Hội đồng quản trị giám sát chặt chẽ và sâu sát Ban điều hành trong việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 2013.
- Tuy nhiên, hoạt động của Hội đồng quản trị vẫn còn tồn tại, hạn chế: Công tác quản lý, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty tại một số công ty thành viên thực hiện chưa tốt, xử lý các tồn tại, tại các công ty thành viên chưa đạt hiệu quả. Một số công ty thành viên vẫn đang hoạt động trong tình trạng khó khăn, tiềm ẩn rủi ro cho Tổng công ty: Công ty cổ phần xây dựng số 15, Công ty cổ phần VINACONEX Sài Gòn, Công ty Liên doanh TNHH An Khánh.

e) Kết quả giám sát hoạt động của Ban điều hành

Năm 2013, Tổng công ty và các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, kinh doanh bất động sản và sản xuất vật liệu xây dựng vẫn gặp nhiều khó khăn do phục hồi kinh tế diễn ra chậm, Tổng Giám đốc Tổng Công ty cùng với Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và đã được những kết quả sau:

- Về công tác xây lắp:

- Trong năm 2013, tuy doanh thu và lợi nhuận chưa đạt mức kế hoạch nhưng Ban điều hành đã chỉ đạo Tổng công ty thực hiện tốt các công trình nhận thầu xây lắp có giá trị lớn, đòi hỏi kỹ thuật cao như: Nhà ga T2 Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, khu đô thị Bắc An Khánh giai đoạn 1, Dự án ký túc xá sinh viên Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh...và doanh thu cả năm vẫn đạt ở mức cao trên 4.000 tỷ đồng.
- Trong năm Ban điều hành đã chỉ đạo quyết liệt các phòng, ban chức năng tham gia đấu thầu các công trình xây lắp và tại thời điểm cuối năm 2013 Tổng công ty đã trúng thầu những công trình có giá trị lớn như: Gói thầu số 7 dự án Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn, Dự án cấp nước thô cho điện lực duyên hải Miền Trung, Trụ sở Cục thuế Thành phố Đà Nẵng, đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Nam,...tạo tiền đề cho thực hiện kế hoạch năm 2014 và những năm tiếp theo.
- Về công tác đầu tư, kinh doanh bất động sản: Doanh thu đạt 92% và lợi nhuận trước thuế đạt 114% so với kế hoạch.

- Công tác tái cấu trúc vốn tại các Công ty con, Công ty liên kết: Ban điều hành đã triển khai và hoàn thành thoái vốn tại 04 Công ty có vốn góp của Tổng công ty. Đặc biệt, Tổng công ty đã hoàn thành thoái vốn tại 02 công ty có vốn góp lớn của Tổng công ty, đang hoạt động trong tình trạng khó khăn là Công ty CP Bê tông và xây dựng VINACONEX Xuân Mai, Công ty cổ phần xi măng Cẩm Phả (thoái 70% vốn của Tổng công ty tại Công ty cổ phần xi măng Cẩm Phả). Việc thoái vốn tại Công ty cổ phần xi măng Cẩm Phả đã giúp cải thiện tình hình tài chính và nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổng công ty. Đây là một nỗ lực rất lớn của Ban điều hành, kết thúc một thời gian dài nhiều năm tìm kiếm, đàm phán với các đối tác trong và ngoài nước.
- Công tác giám sát hoạt động đầu tư tài chính tại các công ty con, công ty liên kết:
 - Ban điều hành thông qua Người Đại diện quản lý vốn tăng cường quản lý, điều hành, giúp nâng cao hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm thiểu rủi ro trong hoạt động tại các công ty con, công ty liên kết, đặc biệt là tại các công ty có vốn góp lớn và tiềm ẩn rủi ro cao: Công ty cổ phần xây dựng số 11, Công ty cổ phần xây dựng 15, Công ty cổ phần ITC, Công ty LD TNHH khu đô thị mới An Khánh, Công ty cổ phần đầu tư thương mại VINACONEX (Chợ Mơ), Công ty tài chính cổ phần (VVF), công ty cổ phần xây dựng số 7...
 - Chỉ đạo các Phòng, Ban Tổng công ty kiểm tra soát xét và trình Hội đồng quản trị thỏa thuận tổ chức đại hội cổ đông thường niên tại các công ty thành viên.

- *Một số tồn tại, hạn chế Ban Điều hành:*

Tổng Công ty vẫn chưa hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế quan trọng (doanh thu, lợi nhuận, cổ tức,...) theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua, trong năm

2013 Doanh thu đạt 91%, lợi nhuận đạt 63,4 %, tỷ lệ cổ tức đạt 4%. Công tác thu hồi nợ năm 2013 tại một số chủ đầu tư chưa tốt, vẫn còn có số dư lớn như phải thu Công ty liên doanh TNHH An Khánh.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: *(Xem phụ lục 3)*

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan

TT	Cá nhân thực hiện giao dịch	Chức vụ	SLCP trước giao dịch	SLCP sau giao dịch	Tỷ lệ
1	Nguyễn Quốc Hòa	Kế toán trưởng	400.000	500.000	0,11 %
2	Phạm Chí Sơn	Người công bố thông tin	67.500	0	0

c) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn

TT	Tổ chức thực hiện giao dịch	SLCP trước giao dịch	Tình hình thực hiện giao dịch		Ngày thực hiện giao dịch	SLCP sau giao dịch	Tỷ lệ
			Mua	Bán			
1	Market Vectors ETF Trust – Market Vectors – Vietnam	15.114.397	10.249.300		26/3/2014	25.363.697	5,74%
2		26.410.897		14.828.600	25/9/2013	11.582.297	2,62%
3		31.360.997		4.950.100	24/9/2013	26.410.897	5,98%
4		35.781.597		557.400	28/8/2013	35.224.197	7,97%

5	ETF	34.903.097	4.371.600		26/6/2013	39.274.697	8,89%
6		30.535.497	1.905.300		20/3/2013	32.440.797	7,34%

Nguồn: Sở giao dịch chứng khoán HN (<http://hnx.vn/>)

d) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Ngày 24/10/2013, Tổng công ty Vinaconex đã ký Hợp đồng tái cấu trúc Công ty CP Xi măng Cẩm Phả với Tập đoàn viễn thông Quân đội (Viettel) (cổ đông nắm 21,28% cổ phần của Tổng công ty), Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và XNK Viettel (TNHH TM&XNK VIETTEL). Ngày 29/11/2013, Tổng công ty Vinaconex và các đối tác đã hoàn tất giao dịch tái cấu trúc Công ty CP Xi măng Cẩm Phả, kết quả như sau:

Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu XMCP các bên nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch:

- Tổng công ty Vinaconex: 199.000.000 cổ phần, chiếm 99,5% cổ phần tại XMCP
- Tập đoàn VIETTEL: 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần tại XMCP
- Công ty TNHH TM&XNK VIETTEL: 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần tại XMCP

Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu XMCP các bên nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch:

- Tổng công ty Vinaconex: 60.000.000 cổ phần, chiếm 30% cổ phần tại XMCP
- Tập đoàn VIETTEL: 138.000.000 cổ phần, chiếm 69% cổ phần tại XMCP
- Công ty TNHH TM&XNK VIETTEL: 2.000.000 cổ phần, chiếm 1% cổ phần tại XMCP

e) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Căn cứ Thông tư 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng ngày 26/7/2012, Tổng công ty đã tuân thủ tương đối đầy đủ các quy định về quản trị công ty, cụ thể:

- Công bố thông tin định kỳ: Báo cáo tài chính định kỳ quý, năm, Báo cáo quản trị Công ty 6 tháng và năm đúng hạn, theo đúng form, mẫu yêu cầu.

Trong năm 2013, do sai sót của bộ phận Công bố thông tin đã sử dụng mẫu biểu BCTC dành cho CBTT bán niên để nhập số

liệu BCTC quý 2/2013 và gửi lên chương trình công bố thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội nên Tổng công ty đã không công bố Báo cáo Tài chính quý II năm 2013 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất quý II năm 2013 theo đúng thời hạn (ngày 14/8/2013). Đến ngày 23/8/2013, sau khi phát hiện sai sót, bộ phận CBTT đã nhập lại số liệu vào đúng mẫu biểu và gửi lên chương trình CBTT của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Tổng công ty đã khắc phục sai sót và rút kinh nghiệm để CBTT các kỳ tiếp theo đúng hạn theo quy định.

- Công bố thông tin bất thường: Báo cáo giải trình các ý kiến của kiểm toán trong báo cáo tài chính, Báo cáo về biến động số liệu sản xuất kinh doanh trong kỳ, Báo cáo về thay đổi sở hữu của cổ đông lớn và những người có liên quan được công bố thông tin đúng hạn theo đúng tinh thần Thông tư 121/2012/TT-BTC.

Tuy nhiên, trong năm 2013, Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã có Công văn số 1031/UBCK-TT ngày 22/3/2013 gửi Tổng công ty do đã vi phạm công bố thông tin về việc thay đổi người công bố thông tin không đúng thời hạn theo quy định tại khoản 2 điều 3 thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 5/4/2012 của Bộ Tài chính. Liên quan đến vấn đề này, Tổng công ty đã có Công văn số 736/2013/CV-QLGS ngày 2/4/2013 giải trình về việc vi phạm công bố thông tin. Theo đó, Tổng công ty xin nhận khuyết điểm về việc chậm CBTT về việc thay đổi người được ủy quyền CBTT do có sự thay đổi nhân sự tại bộ phận thực hiện công bố thông tin. Tuy nhiên, trong thời gian chậm CBTT, người được ủy quyền CBTT chưa công bố thông tin nào và không có thông tin nào làm ảnh hưởng đến lợi ích của cổ đông. Tổng công ty sẽ rút kinh nghiệm và cam kết sẽ chấp hành mọi quy định liên quan đến việc CBTT theo đúng quy định.

- Về Điều lệ Công ty: Căn cứ vào Thông tư 121, Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2013 ngày 25/4/2013 đã phê duyệt điều lệ sửa đổi, đảm bảo các mục tiêu:
 - Đảm bảo tuân thủ quy định của Nhà nước về quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết
 - Đảm bảo tính minh bạch, công khai thông tin theo quy định của Pháp luật
 - Đảm bảo sự cân đối trong cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị.
 - Nhấn mạnh trách nhiệm trung thực, ngăn ngừa xung đột quyền lợi giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác
- Về đào tạo quản trị Công ty: Tổng công ty đã tổ chức, sắp xếp cho các thành viên HĐQT, thành viên BKS, thành viên Ban điều hành, thư ký công ty, cũng như tất cả người đại diện vốn là thành viên HĐQT, BKS tại các đơn vị thành viên tham gia khóa đào tạo về quản trị Công ty đại chúng do Trung tâm nghiên cứu khoa học và đào tạo chứng khoán trực thuộc Ủy ban chứng khoán tổ chức vào ngày 27 và 28/2/2013.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Xây những giá trị, dựng những ước mơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2013



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**
(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2013**



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ

Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	11 - 44



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Xây những giá trị, dựng những ước mơ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo riêng này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thành Phương	Chủ tịch
Ông Hoàng Nguyên Học	Thành viên
Ông Hoàng Anh Xuân	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên
Ông Đoàn Châu Phong	Thành viên
Ông Đinh Việt Tùng	Thành viên
Ông Vũ Quý Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên (miễn nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2013)
Ông Nguyễn Đình Thiết	Thành viên (bổ nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2013)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Quý Hà	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Thiết	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2013)
Ông Đoàn Châu Phong	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2013)
Ông Nguyễn Ngọc Điệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vương Công San	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Việt Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Doanh Yên	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 27 tháng 8 năm 2013)
Ông Dương Văn Mậu	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 14 tháng 10 năm 2013)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Xây những giá trị, dựng những ước mơ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Vũ Quý Hà
Tổng Giám đốc**

Ngày 31 tháng 3 năm 2014

Số: 1003 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2014 từ trang 6 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là “báo cáo tài chính riêng”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

- Chúng tôi muốn lưu ý đến Thuyết minh số 10 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty và Tập đoàn Viễn thông Quân đội đang thực hiện các thủ tục để thống nhất giá trị vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả trong giao dịch chuyển nhượng cổ phần. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề nêu trên. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Các vấn đề cần nhấn mạnh (Tiếp theo)

- Chúng tôi muốn lưu ý đến Thuyết minh số 34 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng. Thông báo số 65/TB-VPCP ngày 29 tháng 02 năm 2012 của Văn phòng Chính phủ nêu “ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ về xử lý tài chính sau thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam” có đề cập một số vấn đề đã được nêu trong báo cáo của Thanh tra Chính phủ. Ý kiến kết luận về các vấn đề này có thể làm phát sinh các khoản công nợ tiềm tàng của Tổng Công ty. Hiện tại, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc, giải trình với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về các nội dung liên quan đến ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến các vấn đề nêu trên. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Vũ Đức Nguyên

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0764-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 31 tháng 3 năm 2014

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Nam Phong

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0929-2013-001-1

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012 (Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		5.182.737.690.606	5.451.066.388.617
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	517.704.955.085	369.362.714.636
1. Tiền	111		425.004.955.085	199.362.714.636
2. Các khoản tương đương tiền	112		92.700.000.000	170.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	20.000.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		20.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.438.630.289.891	4.067.393.067.146
1. Phải thu khách hàng	131		2.563.053.674.444	1.826.021.025.306
2. Trả trước cho người bán	132		435.774.534.858	1.000.047.044.486
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		327.650.181.889	1.077.642.857.768
4. Các khoản phải thu khác	135		384.297.662.043	390.208.802.099
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(272.145.763.343)	(226.526.662.513)
IV. Hàng tồn kho	140	7	1.006.858.555.986	836.788.727.168
1. Hàng tồn kho	141		1.009.388.365.230	839.318.536.412
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.529.809.244)	(2.529.809.244)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		199.543.889.644	177.521.879.667
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		198.810.697	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		28.971.336.024	9.554.749.157
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		71.470.459.916	33.408.505.080
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	98.903.283.007	134.558.625.430
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		6.100.651.135.036	8.592.063.718.312
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.481.473.367.745	4.756.294.827.500
1. Phải thu nội bộ dài hạn	213	9	178.858.458.062	4.372.988.173.674
2. Phải thu dài hạn khác	218	10	2.302.614.909.683	383.306.653.826
II. Tài sản cố định	220		355.055.468.783	353.798.203.139
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	149.227.323.888	167.944.297.145
- Nguyên giá	222		250.181.318.171	257.762.315.845
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(100.953.994.283)	(89.818.018.700)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	12.215.290.888	12.169.843.667
- Nguyên giá	228		12.275.952.000	12.228.452.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(60.661.112)	(58.608.333)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	193.612.854.007	173.684.062.327
III. Bất động sản đầu tư	240	14	596.102.635.090	630.905.366.102
- Nguyên giá	241		738.523.121.072	738.523.121.072
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(142.420.485.982)	(107.617.754.970)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	15	2.665.197.526.239	2.848.405.280.165
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.687.277.997.665	3.704.142.744.194
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.588.999.122.296	1.065.720.880.031
3. Đầu tư dài hạn khác	258		338.629.630.600	245.915.323.103
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(949.709.224.322)	(2.167.373.667.163)
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.822.137.179	2.660.041.406
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	2.822.137.179	2.660.041.406
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		11.283.388.825.642	14.043.130.106.929

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 44 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị: VND

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 44 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		4.320.900.772.102	4.418.532.788.228
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	22.291.200
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	25	4.320.900.772.102	4.418.510.497.028
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	4.076.425.146.349	4.075.658.429.772
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		244.475.625.753	342.852.067.256
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	549.250.747.374	689.126.300.387
7. Chi phí tài chính	22	28	397.132.728.874	1.504.337.661.058
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		281.034.647.375	376.053.715.270
8. Chi phí bán hàng	24		-	5.265.228.856
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	29	138.044.741.373	146.801.829.832
10. Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		258.548.902.880	(624.426.352.103)
11. Thu nhập khác	31	31	45.810.617.092	5.263.826.925
12. Chi phí khác	32		1.753.218.412	738.576.857
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		44.057.398.680	4.525.250.068
14. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		302.606.301.560	(619.901.102.035)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	18.068.793.304	26.386.126.575
16. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		284.537.508.256	(646.287.228.610)
17. Lãi/Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	33	644	(1.560)

Vũ Quý Hà
Tổng Giám đốcNguyễn Quốc Hòa
Kế toán trưởngPhạm Tiến Thành
Người lập

Ngày 31 tháng 3 năm 2014

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	01	302.606.301.560	(619.901.102.035)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	53.057.630.339	50.158.277.865
Các khoản dự phòng	03	(1.172.045.342.011)	1.106.551.820.545
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	40.048.445.228	30.706.191.987
Lỗ/(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	718.138.628.296	(605.601.108.730)
Chi phí lãi vay	06	281.034.647.375	376.053.715.270
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	222.840.310.787	337.967.794.902
Thay đổi các khoản phải thu	09	194.639.266.245	221.513.854.586
Thay đổi hàng tồn kho	10	(170.069.828.818)	(169.870.172.811)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	(280.721.158.291)	(198.480.367.574)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(360.906.470)	6.864.563.248
Tiền lãi vay đã trả	13	(246.986.344.880)	(670.092.346.947)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(43.295.646.478)	(64.899.950.005)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(928.563.456)	(4.079.287.331)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(324.882.871.361)	(541.075.911.932)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(22.554.829.888)	(39.030.827.597)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	1.372.356.460
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(5.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.791.960.402.187	847.486.873.998
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(143.000.000.000)	(93.700.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	277.324.150.000	584.020.883.400
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	158.183.377.220	320.185.119.830
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.061.913.099.519	1.615.334.406.091
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của các cổ đông	31	-	1.417.106.730.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.175.268.893.415	711.613.980.341
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.763.935.140.124)	(3.114.220.826.218)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	36	(21.741.000)	(52.425.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.588.687.987.709)	(985.552.541.627)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	148.342.240.449	88.705.952.532
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	369.362.714.636	280.656.762.104
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	517.704.955.085	369.362.714.636

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 44 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi để mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 2.794 triệu VND (năm 2012: 11.916 triệu VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Vũ Quý Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2014

Nguyễn Quốc Hòa
Kế toán trưởng

Phạm Tiến Thành
Người lập

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHAI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty"), trước đây là Tổng Công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 992/BXD-TCLĐ ngày 20 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Ngày 18 tháng 3 năm 2005, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 56/2005/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án thí điểm cổ phần hóa Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam. Hoạt động của Tổng Công ty với tư cách là một Tổng Công ty cổ phần đã được đăng ký lại với Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014768 ngày 01 tháng 12 năm 2006, và sửa đổi lần thứ 7 ngày 17 tháng 4 năm 2012. Tổng Công ty có mã số doanh nghiệp là 0100105616.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 727 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 807 nhân viên).

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm báo cáo tài chính của Văn phòng Tổng Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty như sau:

Tên đơn vị	Mô tả
• Khách sạn Sầm Sơn	Sáp nhập vào Tổng Công ty theo Quyết định số 1803/QĐ/VC-TCLĐ của Hội đồng Quản trị ngày 29 tháng 11 năm 2003 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
• Ban Quản lý các Dự án đầu tư Hòa Lạc	Được thành lập theo Quyết định số 0734/QĐ/VC-TCLĐ của Hội đồng Quản trị ngày 27 tháng 5 năm 2003 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
• Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Đường Láng Hòa Lạc	Được thành lập theo Quyết định số 1762/QĐ/VC-TCLĐ của Hội đồng Quản trị ngày 2 tháng 12 năm 2003 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
• Ban Điều hành Tổ hợp Dự án Thủy điện Buôn Tua Srah	Được thành lập theo Quyết định số 1548/QĐ/VC-TCLĐ của Hội đồng Quản trị ngày 11 tháng 11 năm 2004 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
• Ban Điều hành Dự án Xây dựng Hồ chứa nước Cửa Đạt	Được thành lập theo Quyết định số 0554/QĐ/VC-TCLĐ của Hội đồng Quản trị ngày 6 tháng 5 năm 2004 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Tên đơn vị	Mô tả
• Ban Điều hành Dự án Thủy điện Buôn Kuốp	Được thành lập theo Quyết định số 1508/QĐ/VC-TCLĐ của Hội đồng Quản trị ngày 10 tháng 10 năm 2003 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
• Trường Trung cấp Xây dựng Thanh Hóa	Được thành lập theo Quyết định số 1378/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ngày 4 tháng 10 năm 2006 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
• Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Xây dựng và Nghiệp vụ	Được thành lập theo Quyết định số 172/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ngày 12 tháng 12 năm 2006 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
• Trường Mầm non Dân lập Vinaconex	Được thành lập theo Quyết định số 447/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân quận Cầu Giấy ngày 22 tháng 4 năm 2005 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
• Trường Mầm non Dân lập Lý Thái Tổ 2	Được thành lập theo Quyết định số 164/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân quận Cầu Giấy ngày 21 tháng 1 năm 2009 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
• Trường Tiểu học Dân lập Lý Thái Tổ	Được thành lập theo Quyết định số 1022/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân quận Cầu Giấy ngày 26 tháng 8 năm 2004 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
• Trường Trung học phổ thông Dân lập Lý Thái Tổ	Được thành lập theo Quyết định số 4582/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân quận Cầu Giấy ngày 21 tháng 7 năm 2004 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
• Ban điều hành dự án nhà ở xã hội Vinaconex tại Đà Nẵng	Được thành lập theo Quyết định số 0389 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Hội đồng Quản trị.
• Ban điều hành thi công giai đoạn 1 dự án khu đô thị Bắc An Khánh	Được thành lập theo Quyết định số 0622 ngày 15 tháng 9 năm 2010 của Hội đồng Quản trị.
• Ban điều hành dự án xây dựng Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh	Được thành lập theo Quyết định số 0208 ngày 29 tháng 3 năm 2010 của Hội đồng Quản trị.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Lĩnh vực hoạt động của Tổng Công ty:

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình thủy điện, nhiệt điện, phong điện, điện nguyên tử, đường dây và trạm biến thế điện đến 500KV;
- Các công trình hạ tầng kỹ thuật, xã hội khu đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, công trình ngầm, các công trình văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí, công trình du lịch, khách sạn và các loại công trình công cộng khác;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm;
- Khai thác sản xuất kinh doanh nước sạch, các sản phẩm phục vụ cho xử lý nước thải, chất thải, bảo vệ môi trường;
- Khai thác, sản xuất chế biến, kinh doanh các loại cấu kiện và vật liệu xây dựng bao gồm đá, cát, sỏi, gạch, ngói, xi măng, kính, tấm lợp, nhựa đường, các loại cấu kiện bê tông, đá nhân tạo và các loại vật liệu xây dựng khác;
- Khai thác, chế biến khoáng sản (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Đầu tư kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, siêu thị và các loại hình du lịch (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán bar, vũ trường...);
- Quản lý và vận hành các trung tâm thương mại, siêu thị, các khu đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, dây chuyền công nghệ tự động hóa, phương tiện vận tải, xe gắn máy, hàng tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng nông lâm thủy sản;
- Kinh doanh dịch vụ giao nhận vận chuyển hàng hóa các loại cấu kiện siêu trường, siêu trọng;
- Kinh doanh dịch vụ mua bán rượu, bia, thuốc lá;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nước giải khát, bánh kẹo, hàng công nghệ phẩm, mỹ phẩm và quà lưu niệm (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, quán bar, vũ trường);
- Đại lý bán lẻ xăng dầu;
- Hoạt động xuất khẩu lao động;
- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế quy hoạch đô thị;
- Thiết kế hạ tầng cấp thoát nước đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế cấp thoát nước đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình xử lý chất thải rắn;
- Khảo sát trắc địa công trình;
- Thiết kế hạ tầng giao thông, san nền, thoát nước công trình xây dựng;

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Lĩnh vực hoạt động của Tổng Công ty (Tiếp theo):

- Lập và thẩm định dự án đầu tư;
- Tư vấn đầu thầu và quản lý dự án;
- Tư vấn thiết bị công nghệ mới và thiết bị tự động hóa;
- Đầu tư góp vốn thành lập mới các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn;
- Đầu tư góp vốn vào các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn đang hoạt động;
- Đầu tư kinh doanh cổ phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu và các loại chứng chỉ có giá; đầu tư thành lập các doanh nghiệp liên doanh có 100% vốn của Tổng Công ty cổ phần hoạt động tại nước ngoài;
- Nhận thầu xây lắp các loại hình công trình tại nước ngoài;
- Thực hiện các dịch vụ cung cấp, lắp đặt, sửa chữa, bảo hành điều hòa không khí, điện lạnh, thiết bị phòng chống cháy nổ, thang máy;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Đại lý bán vé máy bay cho các hãng trong và ngoài nước;
- Dệt may công nghiệp;
- Dịch vụ mua bán và chế biến hàng nông lâm sản (trừ các loại gỗ Nhà nước cấm);
- Trồng, chăm sóc, tu bổ, bảo quản rừng, trồng cây công nghiệp và chăn nuôi gia súc, gia cầm;
- Khai thác và sản xuất kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Kinh doanh khai thác cầu cảng, bốc xếp hàng hóa thủy, bộ và cho thuê kho bãi;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường sông và đường biển; và
- Tổ chức các hoạt động giáo dục, đào tạo từ bậc mầm non đến bậc trung học phổ thông, giáo dục đào tạo hướng nghiệp, đào tạo ngoại ngữ và tư vấn du học (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo là báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và không bao gồm báo cáo tài chính của các công ty con. Để có cái nhìn tổng thể về tình hình tài chính của toàn Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập và phát hành riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản, hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2013 (Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	7 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 12
Phương tiện vận tải	7
Tài sản cố định khác	4 - 6

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao**Quyền sử dụng đất**

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn nên không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Năm 2013
	(Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	7 - 25
Quyền sử dụng đất	7 - 25

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con là các khoản đầu tư vào các đơn vị do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhận đầu tư để thu được các lợi ích từ hoạt động này. Trên báo cáo tài chính riêng, các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Trên báo cáo tài chính riêng, các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát. Các khoản góp vốn liên doanh được ghi nhận theo giá gốc trên báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Vốn chủ sở hữu, trích lập quỹ

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu bao gồm Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính và Quỹ khen thưởng và phúc lợi. Việc trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích từ lợi nhuận chưa phân phối hằng năm theo quyết định của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Các quỹ được sử dụng cho các mục đích cụ thể theo quyết định của cổ đông.

Ghi nhận doanh thu***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Tổng Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư số 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua tại ngày này do ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại do không phát sinh chênh lệch tạm thời trọng yếu.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) và lãi suy giảm trên cổ phiếu (Diluted EPS) cho các cổ đông phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền mặt	1.635.324.684	4.004.562.640
Tiền gửi ngân hàng	423.369.630.401	195.358.151.996
Các khoản tương đương tiền (i)	92.700.000.000	170.000.000.000
	517.704.955.085	369.362.714.636

- (i) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại.

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	2.031.921.451
Công cụ, dụng cụ	-	7.300.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	1.009.388.365.230	837.279.314.961
Tổng	1.009.388.365.230	839.318.536.412
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.529.809.244)	(2.529.809.244)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	1.006.858.555.986	836.788.727.168

(*) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang bao gồm chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của các công trình lớn như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
Tên công trình	VND	VND
Dự án Bảo tàng Hà Nội (i)	416.400.337.556	443.867.989.323
Dự án Khu nhà ở tại Kim Chung, Đông Anh - Hà Nội	282.756.944.036	236.793.216.107
- giai đoạn 2 (ii)		
Đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	64.988.050.729	-
Nhà ga T2 Nội Bài	29.582.997.511	4.116.444.766
Dự án đường Láng - Hòa Lạc	9.419.055.451	1.185.914.128
Khu nhà ở cao tầng hỗn hợp N05 Đông Nam Trần	3.748.192.200	8.866.463.583
Duy Hưng		
Các công trình khác	202.492.787.747	142.449.287.054
	1.009.388.365.230	837.279.314.961

- (i) Căn cứ theo Quyết định số 5099/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2012 của UBND TP. Hà Nội về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Dự án đầu tư xây dựng Dự án Bảo tàng Hà Nội, chi phí lãi vay vốn hóa vào giá trị công trình được phê duyệt là 30,64 tỷ VND.

- (ii) Trong năm, Tổng Công ty đã vốn hóa chi phí lãi vay vào giá trị công trình với số tiền là 3.322.652.094 VND.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Chi sự nghiệp (i)	97.312.827.990	133.338.085.629
Tài sản ngắn hạn khác	1.590.455.017	1.220.539.801
	98.903.283.007	134.558.625.430

(i) Tổng Công ty được Nhà nước giao thực hiện một số dự án kinh tế, chính trị, xã hội, ngoài nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh. Các dự án này được trang trải bằng nguồn kinh phí do Ngân sách Nhà nước cấp. Nguồn kinh phí nhận được từ Ngân sách Nhà nước được ghi nhận vào tài khoản “Nguồn kinh phí” thuộc Nguồn kinh phí và quỹ khác. Chi phí dự án phát sinh được ghi nhận vào tài khoản “Chi sự nghiệp” thuộc Tài sản ngắn hạn khác cho tới khi các chi phí này được quyết toán với Nhà nước. Khi đó, chi phí dự án sẽ được giảm trừ vào Nguồn kinh phí. Chi phí dự án được Nhà nước chi trả trực tiếp sẽ được ghi nhận đồng thời vào tài khoản Chi sự nghiệp và Nguồn kinh phí. Nguồn kinh phí do Nhà nước cấp không sử dụng hết sẽ phải được hoàn trả lại Ngân sách Nhà nước. Chi phí dự án còn thiếu sẽ được Ngân sách Nhà nước bồi hoàn.

9. PHẢI THU NỘI BỘ DÀI HẠN

Khoản phải thu nội bộ dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là khoản phải thu Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex với số tiền là khoảng 178.858 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 186.231 triệu VND) theo Quyết định số 305/2009/QĐ-ĐT ngày 29 tháng 4 năm 2009 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty về việc “Quyết toán sơ bộ vốn đầu tư hoàn thành Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông giai đoạn 1, công suất 300.000 m³/ngày đêm” và theo Hợp đồng chuyển giao tài sản hình thành sau đầu tư giai đoạn 1 “Dự án hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông” ký ngày 29 tháng 9 năm 2009 giữa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam với Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex.

Trong năm 2013, Tổng Công ty đã thoái vốn tại Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả, hiện tại Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả không còn là công ty con của Tổng Công ty. Số dư khoản phải thu này đã được phân loại lại sang tài khoản Phải thu dài hạn khác.

10. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Khoản phải thu dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 chủ yếu thể hiện các khoản phải thu sau:

- Khoản phải thu Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả với số tiền là khoảng 2.007.226 triệu VND theo Hợp đồng vay VCG số 1 và Hợp đồng vay VCG số 2 ngày 24 tháng 10 năm 2013. Trong năm 2013, Tổng Công ty đã thoái vốn tại Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả. Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả đã cùng ký lại hợp đồng vay để cơ cấu lại khoản Tổng Công ty phải thu Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả từ việc chuyển giao Trạm nghiền và Nhà máy Xi măng Cẩm Phả.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty và Tập đoàn Viễn thông Quân đội đang thực hiện các thủ tục để thống nhất giá trị vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả trong giao dịch chuyển nhượng cổ phần. Do đó, giá trị cuối cùng của khoản phải thu Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả có thể sẽ thay đổi khi giá trị vốn chủ sở hữu được thống nhất.

- Khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex với số tiền khoảng 183.487 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 217.501 triệu VND) theo Hợp đồng cho vay lại vốn số 01/HĐTD-VC-TĐCĐ ngày 12 tháng 10 năm 2006 với mục đích để thanh toán nhập khẩu máy móc thiết bị cho Nhà máy Thủy điện Cửa Đạt và Hợp đồng cho vay lại vốn số 02/HĐTD-VC-TĐCĐ ngày 12 tháng 10 năm 2006 với mục đích thanh toán phí bảo hiểm tín dụng và lãi vay.

- Khoản phải thu Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình với số tiền khoảng 111.901 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 165.805 triệu VND) theo Hợp đồng cho vay lại vốn số 01/HĐTD-VC-XMYB và Hợp đồng cho vay lại vốn số 02/HĐTD-VC-XMYB ngày 27 tháng 9 năm 2006 với mục đích để nhập khẩu máy móc thiết bị cho Dự án Nhà máy Xi măng Yên Bình.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	205.286.350.416	19.971.663.507	24.388.960.914	8.115.341.008	257.762.315.845
Tăng trong năm	221.484.200	344.147.273	-	200.707.742	766.339.215
Thanh lý	-	(55.980.000)	-	(140.343.041)	(196.323.041)
Giảm trong năm (*)	(223.993.200)	(5.537.845.371)	(129.177.901)	(2.169.790.452)	(8.060.806.924)
Giảm khác	-	(77.669.652)	(12.537.272)	-	(90.206.924)
Tại ngày 31/12/2013	205.283.841.416	14.644.315.757	24.247.245.741	6.005.915.257	250.181.318.171
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	49.682.710.898	17.655.376.080	17.435.488.671	5.044.443.051	89.818.018.700
Khấu hao trong năm	12.244.993.809	770.260.240	2.492.713.474	2.724.045.692	18.232.013.215
Thanh lý	-	(41.575.000)	-	(94.505.841)	(136.080.841)
Giảm trong năm (*)	(179.435.721)	(4.922.124.770)	(115.470.738)	(1.652.718.638)	(6.869.749.867)
Giảm khác	-	(77.669.652)	(12.537.272)	-	(90.206.924)
Tại ngày 31/12/2013	61.748.268.986	13.384.266.898	19.800.194.135	6.021.264.264	100.953.994.283
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2013	143.535.572.430	1.260.048.859	4.447.051.606	(15.349.007)	149.227.323.888
Tại ngày 31/12/2012	155.603.639.518	2.316.287.427	6.953.472.243	3.070.897.957	167.944.297.145

(*) Phản ánh việc phân loại lại các tài sản không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định hữu hình theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định”.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 22.217.556.930 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 16.752.211.304 VND).

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2013	12.163.952.000	46.000.000	18.500.000	12.228.452.000
Tăng trong năm	-	70.000.000	-	70.000.000
Giảm trong năm	-	(10.000.000)	(12.500.000)	(22.500.000)
Tại ngày 31/12/2013	12.163.952.000	106.000.000	6.000.000	12.275.952.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2013	-	43.708.333	14.900.000	58.608.333
Khấu hao trong năm	-	20.486.112	2.400.000	22.886.112
Giảm trong năm	-	(8.333.333)	(12.500.000)	(20.833.333)
Tại ngày 31/12/2013	-	55.861.112	4.800.000	60.661.112
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2013	12.163.952.000	50.138.888	1.200.000	12.215.290.888
Tại ngày 31/12/2012	12.163.952.000	2.291.667	3.600.000	12.169.843.667

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	173.684.062.327	443.991.923.762
Tăng trong năm	21.740.990.673	20.866.198.000
Giảm chi phí đầu tư xây dựng khu công nghiệp Bắc Phú Cát	-	(289.634.443.400)
Khác	(1.812.198.993)	(1.539.616.035)
Số dư cuối năm	193.612.854.007	173.684.062.327

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, chi tiết các chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Khu đô thị Nam Cầu Trần Thị Lý	73.943.002.351	73.928.790.715
Khu Công nghiệp Bắc Phú Cát	61.405.319.248	59.674.690.181
Hệ thống cấp nước Sông Đà Hà Nội - giai đoạn 2	26.834.114.731	26.834.114.731
Các dự án khác	31.430.417.677	13.246.466.700
	193.612.854.007	173.684.062.327

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	9.627.543.200	728.895.577.872	738.523.121.072
Tại ngày 31/12/2013	9.627.543.200	728.895.577.872	738.523.121.072
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	2.316.613.545	105.301.141.425	107.617.754.970
Khấu hao trong năm	385.101.728	34.417.629.284	34.802.731.012
Tại ngày 31/12/2013	2.701.715.273	139.718.770.709	142.420.485.982
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2013	6.925.827.927	589.176.807.163	596.102.635.090
Tại ngày 31/12/2012	7.310.929.655	623.594.436.447	630.905.366.102

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính riêng. Để xác định được giá trị hợp lý này, Tổng Công ty sẽ phải thuê một Công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Tổng Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này, đồng thời cũng không có giá thị trường đáng tin cậy để trình bày.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	1.687.277.997.665	3.704.142.744.194
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	1.588.999.122.296	1.065.720.880.031
Đầu tư dài hạn khác	338.629.630.600	245.915.323.103
	3.614.906.750.561	5.015.778.947.328
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(949.709.224.322)	(2.167.373.667.163)
	2.665.197.526.239	2.848.405.280.165

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn như sau:

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	2.167.373.667.163	1.094.233.416.024
Tăng dự phòng trong năm	315.258.525.792	1.301.553.583.954
Giảm dự phòng trong năm	(1.532.922.968.633)	(228.413.332.815)
Số dư cuối năm	949.709.224.322	2.167.373.667.163

Tổng Công ty trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC về hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty đang trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 (Công ty con) dựa trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán, báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có số dư các khoản phải thu khách hàng với số tiền khoảng 47 tỷ VND đã quá hạn thanh toán nhưng chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng về giá trị có thể thu hồi đối với các khoản phải thu khách hàng này. Ban Tổng Giám đốc đánh giá ảnh hưởng của số dự phòng cần trích lập bổ sung (nếu có) là không trọng yếu tới số dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn vào công ty con đã trích lập trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty có 31 Công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

STT	Tên công ty con	31/12/2013		Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp (%)	Hoạt động chính
		Số cổ phần	Giá trị (VND)			
1	Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	4.080.000	63.629.128.791	55,14%	55,14%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BDS
2	Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	6.148.114	95.559.621.809	51,23%	51,23%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BDS
3	Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 (*)	4.080.000	72.323.619.331	51,00%	51,00%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BDS
4	Công ty Cổ phần Xây dựng số 4 (*)	350.000	3.500.000.000	100,00%	100,00%	Xây dựng các công trình công nghiệp
5	Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	2.550.000	33.026.714.843	51,00%	51,00%	Xây dựng các công trình công nghiệp
6	Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	4.080.000	52.415.293.940	51,00%	51,00%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
7	Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	6.519.825	84.072.109.967	54,33%	54,33%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BDS
8	Công ty Cổ phần Vinaconex Đà Nẵng (*)	765.000	8.313.000.000	73,59%	73,59%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
9	Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	2.550.000	34.338.162.683	52,60%	52,60%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
10	Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	5.100.000	55.236.137.563	51,00%	51,00%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
11	Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex 16	778.900	8.565.440.415	51,93%	51,93%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
12	Công ty Cổ phần Xây dựng số 17	1.237.584	14.402.806.485	82,16%	82,16%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
13	Công ty Cổ phần Vinaconex 25	3.060.000	35.109.154.062	51,00%	51,00%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
14	Công ty Cổ phần Vinaconex 27	1.020.000	10.199.770.000	81,77%	57,33%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
15	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2	25.500.001	255.000.007.633	74,55%	72,18%	Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện, sản xuất và kinh doanh điện năng
16	Công ty Cổ phần VIMECO	3.340.900	56.742.411.830	51,40%	51,40%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BDS
17	Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	4.652.472	51.589.090.505	77,15%	76,25%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
18	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng	561.000	6.799.399.132	51,00%	51,00%	Tư vấn thiết kế
19	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới	127.500	1.424.940.000	42,50%	42,50%	Tư vấn thiết kế
20	Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Quyết Thắng (*)	616.000	6.160.000.000	56,90%	56,90%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
21	Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Đô thị Việt Nam - VINASINCO	375.000	4.770.541.550	85,26%	75,00%	Thương mại - dịch vụ
22	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nước sạch	4.080.000	42.880.769.436	56,04%	56,04%	Sản xuất và kinh doanh nước sạch
23	Công ty Cổ phần Siêu thị và XNK Thương mại Việt Nam	765.000	8.440.856.790	52,33%	51,00%	Thương mại - dịch vụ
24	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex	19.280.000	192.800.000.000	53,56%	53,56%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BDS
25	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Vinaconex	4.900.000	49.000.000.000	70,00%	70,00%	Quản lý dự án, giám sát thi công, đầu tư, xây dựng và kinh doanh BDS
26	Công ty Cổ phần Vipaco	637.500	5.312.500.000	53,13%	21,25%	Sản xuất vật liệu xây dựng
27	Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại VINACONEX	11.000.000	110.000.000.000	55,00%	55,00%	Thương mại - dịch vụ
28	Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex	25.500.000	255.000.000.000	51,20%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh nước sạch
29	Công ty Cổ phần Vinaconex Dung Quất	4.700.000	47.000.000.000	96,52%	95,51%	Thương mại - dịch vụ
30	Công ty Cổ phần Vật tư Ngành nước (*)	100.000	1.000.000.000	86,24%	5,07%	Thương mại - dịch vụ
31	Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex	6.507.183	22.666.520.900	59,12%	59,12%	Thương mại - dịch vụ
		1.687.277.997.665				

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu số B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty có 12 công ty liên kết và liên doanh. Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết và liên doanh như sau:

				Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp (%)	Hoạt động chính
		31/12/2013				
STT	Tên công ty	Số lượng	Giá trị (VND)			
Góp vốn liên doanh						
1	Công ty Liên doanh TNHH Phát triển đô thị mới An Khánh (ii)	34.026.900	340.269.000.000	50,00%	50,00%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
2	Công ty TNHH Quốc tế Liên doanh VINACONEX - TAISEI	1.016.295	10.162.950.281	29,00%	29,00%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
Công ty liên kết						
3	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex	11.091.500	110.915.000.000	29,20%	29,20%	Sản xuất công nghiệp
4	Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại VINACONEX	1.326.000	13.260.000.000	48,53%	44,20%	Thương mại - dịch vụ
5	Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm VINAVICO	1.500.000	35.409.654.850	23,69%	23,69%	Thi công xây lắp các công trình ngầm, thương mại dịch vụ
6	Công ty Cổ phần Vinaconex 6	2.718.750	34.788.609.112	36,00%	36,00%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
7	Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	60.000.000	600.000.000.000	30,00%	30,00%	Sản xuất xi măng
8	Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	2.550.000	40.833.913.053	42,00%	10,93%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
9	Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel (i)	33.000.000	330.000.000.000	39,00%	33,00%	Tài chính - ngân hàng
10	Công ty Cổ phần Sản giao dịch Bất động sản	360.000	3.600.000.000	36,00%	36,00%	Thương mại - dịch vụ
11	Công ty Cổ phần Ống sợi Thủy tinh Vinaconex (iii)	300.000	3.200.000.000	22,18%	10,36%	Sản xuất công nghiệp
12	Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	6.656.000	66.559.995.000	31,64%	26,00%	Sản xuất xi măng
		1.588.999.122.296				

- (i) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 03/2012/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 3 năm 2012, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt chủ trương thoái vốn tại Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel. Tổng Công ty đang trong quá trình lên kế hoạch để thực hiện Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.
- (ii) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 09/2012/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 7 năm 2012, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt chủ trương thoái vốn tại Công ty Liên doanh TNHH Phát triển đô thị mới An Khánh. Tổng Công ty đang trong quá trình lên kế hoạch để thực hiện Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.
- (iii) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06/2013/NQ-HĐQT ngày 09 tháng 5 năm 2013, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt chủ trương thoái vốn tại Công ty Cổ phần Ống sợi Thủy tinh Vinaconex. Tổng Công ty đang trong quá trình lên kế hoạch để thực hiện Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tại ngày đầu năm	2.660.041.406	9.432.125.004
Tăng	1.382.672.751	731.711.000
Phân bổ vào chi phí trong năm	(1.220.576.978)	(7.503.794.598)
Tại ngày cuối năm	2.822.137.179	2.660.041.406

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	426.864.107.077	460.587.198.586
Vay dài hạn đến hạn trả	150.161.010.100	632.789.055.341
(Thuyết minh số 22)		
	577.025.117.177	1.093.376.253.927

Các khoản vay ngắn hạn được chi tiết như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch (i)	196.673.592.046	88.136.241.307
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Cầu Giấy (i)	113.827.458.393	168.765.653.618
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây (i)	98.095.181.041	116.761.920.332
- Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long (ii)	-	50.000.000.000
- Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel	-	36.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội (i)	17.734.840.200	-
- Vay cá nhân	533.035.397	923.383.329
	426.864.107.077	460.587.198.586

(i) Bao gồm các khoản vay được đảm bảo bằng doanh thu bán hàng từ phương án sản xuất kinh doanh, và bằng các nguồn thu hợp pháp của Tổng Công ty. Các khoản vay có thời gian vay đến 12 tháng và lãi suất vay dao động từ 8%/năm đến 16,5%/năm.

(ii) Là khoản vay từ Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long theo cam kết trong hợp đồng hợp tác với Tổng Công ty để đầu tư xây dựng Dự án StarCity Center là một khu tổ hợp thương mại tại khu đất HH Khu đô thị mới Đông Nam Trần Duy Hưng. Trong năm, khoản vay này đã được bù trừ với khoản thanh toán liên quan đến lợi nhuận cố định 150 tỷ VND mà Tổng Công ty nhận được từ việc hợp tác đầu tư xây dựng khu tổ hợp thương mại tại Khu đô thị Đông Nam Trần Duy Hưng.

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	111.591.779	283.356.074
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.647.371.126	30.265.960.985
Thuế thu nhập cá nhân	1.193.667.764	2.144.997.529
Thuế nhà đất	-	6.507.576
	5.952.630.669	32.700.822.164

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Chi phí phải trả về hợp đồng xây dựng	148.087.486.652	162.503.976.973
Chi phí lãi vay phải trả	11.121.613.937	61.808.708.573
Lệ phí trước bạ và thuế chuyển quyền sử dụng đất	14.620.136.000	14.620.136.000
Các chi phí phải trả khác	8.106.057.997	749.013.390
	181.935.294.586	239.681.834.936

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long - Tiền đất dự án HH (ii)	500.000.000.000	500.000.000.000
Kinh phí bảo trì các tòa nhà - N05 (i)	72.416.515.433	71.840.079.095
Thuế nhà thầu nước ngoài phải nộp (iii)	42.565.009.558	44.214.625.599
Phải trả Ngân sách phần chênh lệch thu chi của dự án 15T	25.427.427.421	25.427.427.421
Kinh phí bảo trì các tòa nhà - Trung Hòa Nhân Chính (i)	20.241.081.846	26.189.364.632
Phải trả đơn vị tham gia góp vốn dự án Đầu tư Xây dựng cầu Thủ Thiêm 2	14.929.682.289	28.597.341.289
Cổ tức phải trả	1.599.559.254	1.621.300.254
Kinh phí công đoàn	277.106.256	974.989.813
Bảo hiểm xã hội	17.319.374	50.884.169
Bảo hiểm y tế	-	48.853.596
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	62.200.684.810	72.116.548.727
	<u>739.674.386.241</u>	<u>771.081.414.595</u>

- (i) Kinh phí bảo trì các tòa nhà phải nộp cho Ban quản lý nhà chung cư theo Luật Nhà ở năm 2006.
- (ii) Khoản tiền nhận từ Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long theo cam kết trong hợp đồng hợp tác với Tổng Công ty để đầu tư xây dựng Dự án StarCity Center là một khu tổ hợp thương mại tại khu đất HH Khu đô thị mới Đông Nam Trần Duy Hưng - Thành phố Hà Nội.
- (iii) Là khoản thuế nhà thầu nước ngoài phải nộp cho tiền lãi vay ngân hàng nước ngoài từ năm 2007 đến năm 2010 mà Tổng Công ty đang hoàn thiện hồ sơ miễn giảm theo hiệp định tránh đánh thuế 2 lần. Khoản phải trả này sẽ được ghi giảm khi Tổng Công ty hoàn thiện các hồ sơ miễn giảm và được cơ quan thuế có thẩm quyền chấp nhận.

21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Là dự phòng bảo hành cho Dự án N05 được Tổng Công ty trích lập 4,5% doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản lũy kế đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Vay dài hạn	1.611.413.353.829	4.300.873.473.093
	1.611.413.353.829	4.300.873.473.093
Số phải trả trong vòng 12 tháng	(150.161.010.100)	(632.789.055.341)
Số phải trả sau 12 tháng	<u>1.461.252.343.729</u>	<u>3.668.084.417.752</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay và nợ dài hạn của Tổng Công ty như sau:

	Tiền tệ	31/12/2013	31/12/2012
		VND	VND
Ngân hàng			
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	-	1.061.213.813.303
- Ngân hàng Trung Quốc - Chi nhánh Hồ Chí Minh	USD	-	16.690.809.392
- Ngân hàng BNP Paribas	USD	220.184.834.486	253.751.231.384
- Ngân hàng BNP Paribas	EUR	-	766.049.770.048
- Ngân hàng Natexis	USD	129.336.079.058	156.150.661.028
- Tổng Công ty Thiết bị nặng Quốc gia Trung Quốc	USD	167.851.499.715	221.074.140.528
- Quỹ Đầu tư Phát triển thành phố Hà Nội	VND	1.094.040.940.570	1.130.658.353.570
- Ngân hàng Hợp tác Phát triển Quốc tế Nhật Bản (JBIC)	JPY	-	695.284.693.840
		1.611.413.353.829	4.300.873.473.093

(i) Ngày 10 tháng 10 năm 2006, Tổng Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng BNP Paribas, một ngân hàng Pháp có Đăng ký kinh doanh số 662042449 tại Phòng Đăng ký Công ty và Thương mại Paris với số tiền 18.055.000 USD. Khoản vay này chịu lãi suất là LIBOR 6 tháng cộng (+) 1,87%/năm. Khoản vay này phải được hoàn trả trong 20 kỳ 6 tháng bắt đầu từ ngày 12 tháng 4 năm 2010. Khoản vay này được bảo đảm bằng bảo lãnh của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam.

(ii) Khoản vay này được đảm bảo bởi bảo lãnh của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam. Khoản vay này chịu lãi suất là LIBOR cộng 2,35%/năm. Khoản vay này phải được hoàn trả trong 20 kỳ 6 tháng bắt đầu từ ngày 31 tháng 12 năm 2007.

(iii) Ngày 27 tháng 9 năm 2006, Tổng Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Tổng Công ty Thiết bị nặng Quốc gia Trung Quốc với số tiền 19.901.767 Đô la Mỹ. Khoản vay này chịu lãi suất là 3,78%/năm. Khoản vay này phải được hoàn trả trong 15 kỳ 6 tháng bắt đầu từ ngày 28 tháng 12 năm 2009. Khoản vay này được bảo đảm bằng bảo lãnh của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam.

(iv) Khoản vay Quỹ đầu tư Phát triển thành phố Hà Nội phục vụ cho Dự án bảo tàng Hà Nội với lãi suất 0% và phục vụ cho Dự án Kim Chung với nhiều hợp đồng vay có thời hạn vay 15 tháng và lãi suất từ 11,4%/năm đến 12%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ lũy kế)	Nguồn kinh phí		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2012	3.000.000.000.000	355.104.902.000	(4.411.230.161)	295.752.292.131	63.565.269.013	553.409.986.725	394.030.632.043	4.657.451.851.751	
Tăng vốn trong năm	1.417.106.730.000	-	-	-	-	-	-	1.417.106.730.000	
Tăng khác	-	-	4.411.230.161	-	-	-	3.210.000.000	7.621.230.161	
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	(646.287.228.610)	-	(646.287.228.610)	
Chi lương thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách	-	-	-	-	-	(780.000.000)	-	(780.000.000)	
Quyết toán với ngân sách Nhà nước về kinh phí nhận được	-	-	-	-	-	-	(92.710.277.786)	(92.710.277.786)	
Tại ngày 01/01/2013	4.417.106.730.000	355.104.902.000	-	295.752.292.131	63.565.269.013	(93.657.241.885)	304.530.354.257	5.342.402.305.516	
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	40.255.934.871	40.255.934.871	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	284.537.508.256	-	284.537.508.256	
Chi lương thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách (i)	-	-	-	-	-	(670.000.000)	-	(670.000.000)	
Quyết toán với ngân sách Nhà nước về kinh phí nhận được (ii)	-	-	-	-	-	-	(93.606.920.224)	(93.606.920.224)	
Tại ngày 31/12/2013	4.417.106.730.000	355.104.902.000	-	295.752.292.131	63.565.269.013	190.210.266.371	251.179.368.904	5.572.918.828.419	

(i) Tổng Công ty chỉ lương cho thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 25 tháng 4 năm 2013 thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2012.

(ii) Chi phí phát sinh liên quan tới Dự án huyện Thạch Thất đã được quyết toán với ngân sách Nhà nước trong năm 2013.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:**

	Năm 2013		Năm 2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	441.710.673	4.417.106.730.000	300.000.000	3.000.000.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	-	-	141.710.673	1.417.106.730.000
Số dư cuối năm	441.710.673	4.417.106.730.000	441.710.673	4.417.106.730.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Trong năm, Tổng Công ty chủ yếu cung cấp dịch vụ thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp, kinh doanh bất động sản, các loại hình kinh doanh khác chiếm tỷ trọng nhỏ. Do đó, Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo các bộ phận kinh doanh. Doanh thu, giá vốn theo từng loại hình kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 25 và số 26.

Các công trình của Tổng Công ty chủ yếu được thi công trên địa bàn thành phố Hà Nội và các tỉnh phía Bắc.

25. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Xây lắp	4.002.999.855.862	3.690.816.997.621
Bất động sản	107.887.885.878	531.459.630.448
Dịch vụ và khác	210.013.030.362	196.256.160.159
	4.320.900.772.102	4.418.532.788.228
Giảm giá hàng bán	-	22.291.200
	4.320.900.772.102	4.418.510.497.028

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Xây lắp	3.899.600.409.910	3.597.835.862.859
Bất động sản	42.095.936.630	368.883.867.831
Dịch vụ và khác	134.728.799.809	108.938.699.082
	4.076.425.146.349	4.075.658.429.772

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	185.924.089.508	464.052.220.124
Lợi nhuận cố định nhận được từ hợp đồng hợp tác đầu tư (i)	150.000.000.000	-
Cổ tức	129.825.960.031	138.105.442.950
Lãi chênh lệch tỷ giá	60.227.202.152	78.605.775.215
Lãi chuyển nhượng đầu tư tài chính	7.451.192.396	2.490.028.937
Doanh thu hoạt động tài chính khác	15.822.303.287	5.872.833.161
	549.250.747.374	689.126.300.387

- (i) Thể hiện khoản lợi nhuận cố định Tổng Công ty nhận được từ việc hợp tác với Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long về việc thực hiện Dự án StarCity Center tại khu đất HH Khu đô thị mới Đông Nam Trần Duy Hưng - Thành phố Hà Nội.

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	281.034.647.375	376.053.715.270
(Hoàn nhập)/Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (i)	(1.217.664.442.841)	1.073.140.251.139
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn (i)	1.242.885.414.063	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	81.396.758.628	50.301.208.150
Chi phí tài chính khác	9.480.351.649	4.842.486.499
	397.132.728.874	1.504.337.661.058

- (i) Chủ yếu bao gồm khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn và lỗ do thoái vốn khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả với số tiền tương ứng là 1.243.928.016.740 VND và 1.242.868.250.000 VND.

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên	56.970.356.469	65.670.863.849
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.752.738.972	13.750.569.231
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.539.817.032	7.548.864.982
Thuế, phí và lệ phí	6.735.332.756	9.779.576.954
Chi phí đồ dùng văn phòng	760.346.737	1.448.655.090
Chi phí dự phòng	45.619.100.830	35.861.433.163
Chi phí nguyên vật liệu	256.962.989	32.569.513
Chi phí bằng tiền khác	10.410.085.588	12.709.297.050
	138.044.741.373	146.801.829.832

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	256.962.989	32.569.513
Chi phí nhân công	56.970.356.469	65.670.863.849
Chi phí khấu hao tài sản cố định	53.057.630.339	50.158.277.865
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.265.883.902.606	4.029.317.095.318
Chi phí khác bằng tiền	10.410.085.588	12.709.297.050
	4.386.578.937.991	4.157.888.103.595

31. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	-	1.372.356.460
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	1.038.950.067
Thu từ tiền bảo hiểm khoản vay Dự án Xi măng	20.344.724.881	-
Cầm Phà do tất toán trước hạn	-	-
Chi phí bán hàng dự án N05 được hoàn nhập	24.489.648.348	-
Thu nhập khác	976.243.863	2.852.520.398
	45.810.617.092	5.263.826.925

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**(a) Đối chiếu thuế suất hiện hành**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	302.606.301.560	(619.901.102.035)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	129.825.960.031	138.105.442.950
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	13.192.487.581	-
- Dự phòng phải thu khó đòi	13.192.487.581	-
Thu nhập/(Lỗ) chịu thuế	185.972.829.110	(758.006.544.985)
<i>Trong đó:</i>		
Thu nhập/(Lỗ) chịu thuế từ hoạt động chính và hoạt động khác	98.324.721.279	(879.379.193.966)
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động bất động sản	72.275.173.218	105.544.506.300
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động giáo dục	15.372.934.613	15.828.142.681
Thuế suất áp dụng cho hoạt động chính và hoạt động khác	25%	25%
Thuế suất áp dụng cho hoạt động bất động sản	25%	25%
Thuế suất áp dụng cho hoạt động giáo dục	10%	10%
Lỗ mang sang	(113.697.655.892)	-
Chí phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	18.068.793.304	26.386.126.575

(b) Thuế suất áp dụng

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho Nhà nước theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế của hoạt động chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

33. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trong năm là 284.537.508.256 VND (năm 2012: lỗ 646.287.228.610 VND) và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 441.710.673 (năm 2012: 414.220.351), được thực hiện như sau:

(i) Lợi nhuận/(Lỗ) thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lợi nhuận/(Lỗ) thuần trong năm phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	284.537.508.256	(646.287.228.610)

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	441.710.673	414.220.351
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	644	(1.560)

34. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Theo Thông báo số 65/TB-VPCP ngày 29 tháng 02 năm 2012 của Văn phòng Chính phủ nêu “Ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng tại cuộc họp về xử lý tài chính sau thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam”, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng có ý kiến kết luận như sau:

- Đồng ý nội dung báo cáo và kiến nghị của Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng về việc xử lý khoản tiền sử dụng đất và tầng 1 các nhà chung cư cao tầng Vinaconex đã xây dựng tại Dự án Khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính.
- Đồng ý với kiến nghị của Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng về việc xử lý khoản lỗ và khoản tiền do các cổ đông chưa nộp khi tăng vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Vinaconex.
- Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội xem xét điều chỉnh lại quy hoạch và tính toán tiền sử dụng đất phải nộp đối với diện tích đất xây dựng các nhà nổi trên đất lưu không tại Khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính.
- Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Thanh tra Chính phủ, Bộ Tài chính xác định lại thời điểm (thời gian) phát sinh việc Vinaconex dùng giá trị lợi thế về quyền sử dụng đất được Nhà nước giao góp vốn vào liên danh thực hiện Dự án Khu đô thị Bắc An Khánh để xử lý theo đúng quy định.

Tiếp theo Thông báo số 65/TB-VPCP ngày 29 tháng 02 năm 2012 về xử lý tài chính sau thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty, Bộ Xây dựng đã phối hợp với Thanh tra Chính phủ, Bộ Tài chính và có Công văn số 1858/BXD-ĐMDN ngày 24 tháng 10 năm 2012 trình lên Thủ tướng Chính phủ về việc xác định lại thời điểm (thời gian) phát sinh việc Vinaconex dùng giá trị lợi thế về quyền sử dụng đất được Nhà nước giao góp vốn vào liên danh thực hiện Dự án Khu đô thị Bắc An Khánh. Theo đó, việc ghi nhận thỏa thuận hợp tác kinh doanh giữa Tổng Công ty và Posco E&C phát sinh trong giai đoạn Tổng Công ty đang là doanh nghiệp Nhà nước. Tuy nhiên, khoản tiền 192 tỷ VND quyền phát triển dự án Khu đô thị Bắc An Khánh có hiệu lực theo Giấy chứng nhận Đầu tư do tỉnh Hà Tây cấp cho Công ty liên doanh ngày 08 tháng 12 năm 2006, tại thời điểm đó Tổng Công ty đã là Tổng Công ty Cổ phần (từ ngày 01 tháng 12 năm 2006). Công văn số 1858/BXD-ĐMDN đang trình Thủ tướng Chính phủ xem xét và quyết định.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 và Thuyết minh số 22, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Các khoản vay	2.038.277.460.906	4.761.460.671.679
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	517.704.955.085	369.362.714.636
Nợ thuần	1.520.572.505.821	4.392.097.957.043
Vốn chủ sở hữu	5.321.739.459.515	5.037.871.951.259
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,29	0,87

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	(Trình bày lại)
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	517.704.955.085	369.362.714.636
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.484.329.122.778	7.823.640.850.160
Đầu tư ngắn hạn	20.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn	312.573.734.508	213.762.408.078
Tổng cộng	6.334.607.812.371	8.406.765.972.874
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	2.038.277.460.906	4.761.460.671.679
Phải trả người bán và phải trả khác	2.530.622.423.542	2.100.623.677.538
Chi phí phải trả	181.935.294.586	239.681.834.936
Tổng cộng	4.750.835.179.034	7.101.766.184.153

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	517.372.413.259	647.666.842.332	2.984.253.454.791	156.150.662.340
Euro (EUR)	-	766.049.770.048	12.418.472	1.130.004.332.036
Yên Nhật (JPY)	-	695.284.693.840	19.311.800	984.988.371.840
Kíp Lào (LAK)	-	-	897.716	-
Franc Thụy Sĩ (CHF)	-	-	20.344.724.881	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ, Đồng Euro, Đồng Yên Nhật, Đồng Kíp Lào và Đồng Franc Thụy Sĩ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận/(lỗ) trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	2013	2012
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	(246.688.104.153)	49.151.617.999
Euro (EUR)	(1.241.847)	(36.395.456.199)
Yên Nhật (JPY)	(1.931.180)	(28.970.367.800)
Kíp Lào (LAK)	(89.772)	-
Franc Thụy Sĩ (CHF)	(2.034.472.488)	-
	(248.725.839.440)	(16.214.206.000)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Quản lý rủi ro lãi suất*

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận/(lỗ) trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ giảm/tăng 40.754.888.510 VND (2012: 93.490.745.767 VND).

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận/(lỗ) trước thuế VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013		
VND	200	(40.754.888.510)
VND	(200)	40.754.888.510
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012		
VND	200	(93.490.745.767)
VND	(200)	93.490.745.767

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, ... Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 36.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	517.704.955.085	-	517.704.955.085
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.002.855.755.033	2.481.473.367.745	5.484.329.122.778
Đầu tư ngắn hạn	20.000.000.000	-	20.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	312.573.734.508	312.573.734.508
Tổng cộng	3.540.560.710.118	2.794.047.102.253	6.334.607.812.371

Phải trả người bán và phải trả khác	2.530.622.423.542	-	2.530.622.423.542
Chi phí phải trả	181.935.294.586	-	181.935.294.586
Các khoản vay	577.025.117.177	1.461.252.343.729	2.038.277.460.906
Tổng cộng	3.289.582.835.305	1.461.252.343.729	4.750.835.179.034

Chênh lệch thanh khoản thuần	250.977.874.813	1.332.794.758.524	1.583.772.633.337
-------------------------------------	------------------------	--------------------------	--------------------------

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	369.362.714.636	-	369.362.714.636
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.067.346.022.660	4.756.294.827.500	7.823.640.850.160
Đầu tư dài hạn	-	213.762.408.078	213.762.408.078
Tổng cộng	3.436.708.737.296	4.970.057.235.578	8.406.765.972.874

Phải trả người bán và phải trả khác	2.100.623.677.538	-	2.100.623.677.538
Chi phí phải trả	239.681.834.936	-	239.681.834.936
Các khoản vay	1.093.376.253.927	3.668.084.417.752	4.761.460.671.679
Tổng cộng	3.433.681.766.401	3.668.084.417.752	7.101.766.184.153

Chênh lệch thanh khoản thuần	3.026.970.895	1.301.972.817.826	1.304.999.788.721
-------------------------------------	----------------------	--------------------------	--------------------------

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

107
C
TRAC
D
V
196

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Danh sách các bên liên quan:**Bên liên quan**

Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước

Tập đoàn Viễn thông Quân đội

Các công ty còn lại khác

Mối quan hệ

Cổ đồng

Cổ đồng

Công ty con

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	1.690.206.418	34.919.091
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	2.773.984.284	16.954.717.650
Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	176.827.273	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	80.971.060	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	-	1.001.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	1.595.849.397	17.024.263.559
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	-	134.088.637
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	2.445.994.734	540.797.520
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	148.958.648	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 16	3.019.081.603	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 17	-	682.500
Công ty Cổ phần Vimeco	1.099.465.402	-
Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	808.066.116	1.999.137.338
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex	54.545.455	345.282.952
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới	99.207.456	393.217.350
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nước sạch	7.000.000	7.677.275.000
Công ty Cổ phần Siêu thị và XNK thương mại Việt Nam Hà Nội	-	78.910.033
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị Vinaconex	28.536.364	-
Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex	7.000.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	-	481.279.693

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Mua hàng hóa và dịch vụ cung cấp		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	141.585.383.050	112.739.891.122
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	136.350.615.037	175.132.618.925
Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	5.403.367.767	5.349.806.781
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	80.063.449.711	181.162.067.031
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	12.106.488.963	15.394.272.816
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	366.039.594.788	334.381.385.408
Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex Đà Nẵng	593.987.273	2.396.793.059
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	-	60.173.277.732
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	106.369.509.272	106.612.704.915
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	(6.829.749.981)	1.641.439.485
Công ty Cổ phần Xây dựng số 16	68.034.142.401	64.099.112.595
Công ty Cổ phần Xây dựng số 17	29.275.090.575	48.957.126.932
Công ty Cổ phần Vinaconex 25	203.746.207.556	234.522.148.668
Công ty Cổ phần Vinaconex 27	11.576.984.029	16.206.023.419
Công ty Cổ phần VIMECO	342.312.375.361	406.500.924.355
Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	10.989.848.798	18.032.107.446
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex	8.457.655.454	570.288.723
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới	17.699.015.901	14.349.350.965
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Đô thị Việt Nam	12.941.283.145	10.616.372.703
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị Vinaconex	16.411.182.104	47.069.911.958
Công ty Cổ phần Vipaco	-	431.984.891
Công ty Cổ phần Sàn giao dịch Bất động sản Vinaconex	-	1.592.750.000
	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu nhập từ bảo lãnh		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2	5.663.977.766	-
Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	933.031.495	1.146.888.662
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex	3.139.231.195	2.911.011.156
Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex	80.083.205	305.492.652

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Danh sách các bên liên quan:**Bên liên quan**

Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước

Tập đoàn Viễn thông Quân đội

Các công ty còn lại khác

Mối quan hệ

Cổ đông

Cổ đông

Công ty con

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	1.690.206.418	34.919.091
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	2.773.984.284	16.954.717.650
Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	176.827.273	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	80.971.060	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	-	1.001.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	1.595.849.397	17.024.263.559
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	-	134.088.637
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	2.445.994.734	540.797.520
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	148.958.648	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 16	3.019.081.603	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 17	-	682.500
Công ty Cổ phần Vimeco	1.099.465.402	-
Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	808.066.116	1.999.137.338
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex	54.545.455	345.282.952
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới	99.207.456	393.217.350
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nước sạch	7.000.000	7.677.275.000
Công ty Cổ phần Siêu thị và XNK thương mại Việt Nam Hà Nội	-	78.910.033
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị Vinaconex	28.536.364	-
Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex	7.000.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	-	481.279.693

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	424.037.606	424.037.606
Công ty Xây dựng số 4	91.363.276.023	91.363.276.023
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	5.416.796.544	431.856.315
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	-	2.789.938.367
Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex Đà Nẵng	20.093.778.438	21.774.815.585
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	-	37.675.363.489
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	-	1.795.489.425
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	828.755.812	828.755.812
Công ty Cổ phần Xây dựng số 16	-	13.292.279.737
Công ty Cổ phần Vinaconex 27	22.672.714.148	23.345.184.191
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2	-	1.544.941.151
Công ty Cổ phần VIMECO	982.320.667	11.131.762.178
Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	46.319.732.263	43.545.340.677
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex	214.563.976	2.344.743.738
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới	863.373	2.196.526.971
Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Quyết Thắng	29.652.362.967	29.652.362.967
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex	33.866.659.450	1.807.428.255
Công ty Cổ phần Bao bì Vinaconex	174.469.806	-
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	-	4.811.085.392.680
Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex	221.523.707.719	315.728.998.097
Công ty Cổ phần Vật tư Ngành nước	31.737.568.421	28.535.250.695
Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex	1.263.785.093	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Các khoản phải trả		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	78.916.144.305	37.109.126.369
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	93.685.263.582	46.340.395.975
Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	3.759.537.965	1.268.627.701
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	57.323.837.551	65.270.153.436
Công ty Cổ phần Vinaconex 6	-	34.522.517.662
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	2.421.934.078	4.608.904.575
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	159.289.463.814	89.111.611.141
Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex Đà Nẵng	2.390.209.200	3.286.753.223
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	-	34.546.336.535
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	43.370.557.603	15.411.317.627
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	10.049.412.448	28.339.174.903
Công ty Cổ phần Xây dựng số 16	37.047.418.735	12.678.645.708
Công ty Cổ phần Xây dựng số 17	5.787.711.828	15.325.242.130
Công ty Cổ phần Vinaconex 25	111.712.897.839	76.292.608.000
Công ty Cổ phần Vinaconex 27	-	4.676.073.760
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện miền Bắc 2	9.264.488.683	-
Công ty Cổ phần VIMECO	127.456.061.952	99.661.468.873
Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	4.070.945.022	461.610.588
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex	-	530.076.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới	14.139.780.446	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Quyết Thắng	15.969.378	15.969.378
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Đô thị Việt Nam	3.968.145.928	4.427.960.902
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nước sạch	137.979.577	137.979.577
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị Vinaconex	30.010.030.307	28.957.456.174
Công ty Cổ phần Vipaco	-	106.869.918
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex	2.658.245.742	2.658.245.742
Công ty Cổ phần Sản giao dịch Bất động sản Vinaconex	-	1.975.273.000
Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex	39.511.066	-



Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của năm báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

	Mã số	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại
		VND	VND	VND
Phải thu khách hàng	131	2.209.327.679.132	(383.306.653.826)	1.826.021.025.306
Phải thu dài hạn khác	218	-	383.306.653.826	383.306.653.826



Vũ Quý Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2014

Nguyễn Quốc Hòa
Kế toán trưởng

Phạm Tiến Thành
Người lập

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**
(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2013

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12 - 46



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Xây những giá trị, dựng những ước mơ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thành Phương	Chủ tịch
Ông Hoàng Nguyên Học	Thành viên
Ông Hoàng Anh Xuân	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Thiều Quang	Thành viên
Ông Đoàn Châu Phong	Thành viên
Ông Đinh Việt Tùng	Thành viên
Ông Vũ Quý Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên (miễn nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2013)
Ông Nguyễn Đình Thiết	Thành viên (bổ nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2013)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Quý Hà	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Thiết	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2013)
Ông Đoàn Châu Phong	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2013)
Ông Đinh Việt Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Điệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vương Công San	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Doanh Yên	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 27 tháng 8 năm 2013)
Ông Dương Văn Mậu	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 14 tháng 10 năm 2013)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Xây những giá trị, dựng những ước mơ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Quý Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2014, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

- Chúng tôi lưu ý tới Thuyết minh số 10 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty và Tập đoàn Viễn thông Quân đội đang thực hiện các thủ tục thống nhất giá trị vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả trong giao dịch chuyển nhượng cổ phần. Báo cáo tài chính hợp nhất chưa kèm theo bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh (Tiếp theo)

- Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 32 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Thông báo số 65/TB-VPCP ngày 29 tháng 02 năm 2012 của Văn phòng Chính phủ nêu “ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ về xử lý tài chính sau thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam” có đề cập một số vấn đề đã được nêu trong báo cáo của Thanh tra Chính phủ. Ý kiến kết luận về các vấn đề này có thể làm phát sinh các khoản công nợ tiềm tàng của Tổng Công ty. Hiện tại, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc, giải trình với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về các nội dung liên quan đến ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến các vấn đề nêu trên. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Vũ Đức Nguyên
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0764-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 31 tháng 3 năm 2014
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Nam Phong
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0929-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012 (trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		12.928.241.462.655	14.984.932.691.749
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.110.600.948.438	906.609.557.993
1. Tiền	111		760.194.948.438	465.133.702.542
2. Các khoản tương đương tiền	112		350.406.000.000	441.475.855.451
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	41.237.082.370	31.780.605.077
1. Đầu tư ngắn hạn	121		41.929.801.044	32.592.230.006
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(692.718.674)	(811.624.929)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.712.874.715.482	5.982.711.359.286
1. Phải thu khách hàng	131		4.416.392.222.350	4.129.914.109.868
2. Trả trước cho người bán	132		786.400.409.145	1.404.371.744.148
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	563.926.179
4. Các khoản phải thu khác	135	7	822.572.371.453	865.186.084.397
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(312.490.287.466)	(417.324.505.306)
IV. Hàng tồn kho	140	8	5.431.279.481.655	7.249.971.318.162
1. Hàng tồn kho	141		5.441.883.088.187	7.277.700.402.617
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10.603.606.532)	(27.729.084.455)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		632.249.234.710	813.859.851.231
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		13.177.658.346	45.187.186.330
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		104.742.375.200	107.831.410.392
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		94.076.529.455	59.562.527.497
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	420.252.671.709	601.278.727.012

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012 (trình bày lại)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260+269)	200		10.024.908.999.754	13.431.913.288.133
L Các khoản phải thu dài hạn	210		2.303.031.510.034	409.195.439.016
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		1.518.786.847	1.521.406.847
2. Phải thu dài hạn khác	218	10	2.302.614.909.683	408.776.218.665
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(1.102.186.496)	(1.102.186.496)
II. Tài sản cố định	220		5.024.768.715.271	9.920.459.622.296
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	2.009.702.673.911	7.446.027.313.364
- Nguyên giá	222		3.817.251.901.019	10.105.314.860.116
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.807.549.227.108)	(2.659.287.546.752)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	41.860.862.104	51.996.004.923
- Nguyên giá	225		84.186.368.637	89.368.683.819
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(42.325.506.533)	(37.372.678.896)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	50.353.516.195	51.337.228.840
- Nguyên giá	228		56.328.410.106	56.740.278.177
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.974.893.911)	(5.403.049.337)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	2.922.851.663.061	2.371.099.075.169
III. Bất động sản đầu tư	240	15	989.730.238.102	1.107.707.658.226
- Nguyên giá	241		1.221.062.127.827	1.290.467.789.777
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(231.331.889.725)	(182.760.131.551)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.433.242.105.151	1.516.480.288.228
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	16	1.072.784.811.924	1.129.986.063.378
2. Đầu tư dài hạn khác	258		406.014.283.978	419.879.358.037
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(45.556.990.751)	(33.385.133.187)
V. Tài sản dài hạn khác	260		272.057.853.563	468.242.013.252
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	163.532.037.975	224.185.073.323
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		105.731.323.995	225.752.952.535
3. Tài sản dài hạn khác	268		2.794.491.593	18.303.987.394
VI. Lợi thế thương mại	269		2.078.577.634	9.828.267.115
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		22.953.150.462.409	28.416.845.979.882

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 46 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012 (trình bày lại)
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		15.828.719.903.468	21.527.163.800.117
I. Nợ ngắn hạn	310		10.645.236.673.755	14.919.520.200.057
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	18	2.893.616.985.778	5.489.655.892.981
2. Phải trả người bán	312		2.443.089.313.807	2.786.730.959.416
3. Người mua trả tiền trước	313		2.096.418.403.926	2.942.441.845.387
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	492.352.162.054	627.832.517.626
5. Phải trả người lao động	315		188.382.294.425	263.987.503.881
6. Chi phí phải trả	316		754.751.036.209	869.132.001.117
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	1.745.272.081.834	1.901.388.859.348
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		3.375.523.912	1.249.622.089
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		27.978.871.810	37.100.998.212
II. Nợ dài hạn	330		5.183.483.229.713	6.607.643.600.060
1. Phải trả dài hạn người bán	331		88.956.037.500	88.080.691.893
2. Phải trả dài hạn khác	333		48.098.677.120	6.155.184.735
3. Vay và nợ dài hạn	334	22	3.595.444.278.251	5.306.982.930.349
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		1.613.570.624	380.137.829
5. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		688.966.680	2.537.183.475
6. Dự phòng phải trả dài hạn	337	21	205.012.231.892	165.545.493.268
7. Doanh thu chưa thực hiện	338		1.240.710.823.407	1.035.003.334.272
8. Quỹ phát triển khoa học	339		2.958.644.239	2.958.644.239
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		5.645.469.390.608	5.202.635.927.489
I. Vốn chủ sở hữu	410		5.394.266.045.604	4.898.081.597.132
1. Vốn điều lệ	411	23	4.417.106.730.000	4.417.106.730.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	23	355.104.902.000	355.104.902.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	23	7.592.571.842	7.235.290.632
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	23	6.317.720.624	6.594.056.759
5. Quỹ đầu tư phát triển	417	23	457.558.078.538	468.252.243.589
6. Quỹ dự phòng tài chính	418	23	102.320.642.770	102.977.519.387
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	23	3.327.649.438	3.330.000.340
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	23	44.937.750.392	(462.519.145.574)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		251.203.345.004	304.554.330.357
1. Nguồn kinh phí	432	23	251.203.345.004	304.554.330.357
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		1.478.961.168.333	1.687.046.252.276
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		22.953.150.462.409	28.416.845.979.882

Trần Minh Toàn
 Người lập biểu

Nguyễn Quốc Hòa
 Kế toán trưởng

Vũ Quý Hà
 Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 46 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2013	2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		11.173.213.914.760	12.747.671.888.709
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		69.065.429.839	82.239.461.285
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	25	11.104.148.484.921	12.665.432.427.424
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	9.659.202.056.509	10.797.638.636.304
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.444.946.428.412	1.867.793.791.120
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	408.812.677.368	417.785.997.867
7. Chi phí tài chính	22	29	839.628.708.264	1.096.754.683.482
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		663.439.192.859	975.593.260.135
8. Chi phí bán hàng	24		188.487.574.461	235.379.712.227
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		516.514.880.475	798.988.738.704
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		309.127.942.580	154.456.654.574
11. Thu nhập khác	31		435.137.768.305	107.543.534.490
12. Chi phí khác	32		61.606.194.725	69.439.780.010
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	30	373.531.573.580	38.103.754.480
14. Phần lãi trong công ty liên kết, liên doanh	45		30.353.895.725	1.103.487.226
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		713.013.411.885	193.663.896.280
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		70.518.827.067	94.452.773.415
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		119.573.503.072	18.767.816.789
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		522.921.081.746	80.443.306.076
Trong đó:				
Lợi nhuận phải chia cho các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh			5.294.984.288	8.749.565.225
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		21.610.505.519	(15.692.413.743)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		496.015.591.939	87.386.154.594
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.123	211

Trần Minh Toàn
Người lập biểu

Ngày 31 tháng 3 năm 2014

Nguyễn Quốc Hòa
Kế toán trưởngVũ Quý Hà
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	713.013.411.885	193.663.896.280
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	573.215.806.554	647.716.094.113
Các khoản dự phòng	03	(2.971.821.494)	86.703.803.439
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái	04	(68.918.116.875)	(133.597.205.873)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(599.634.456.908)	(188.899.109.563)
Chi phí lãi vay	06	663.439.192.859	975.593.260.135
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.278.144.016.021	1.581.180.738.531
Thay đổi các khoản phải thu	09	(374.223.907.986)	(19.044.710.277)
Thay đổi hàng tồn kho	10	375.133.706.073	(148.829.339.394)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(164.344.315.456)	(284.199.824.957)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(26.232.285.711)	80.869.507.806
Tiền lãi vay đã trả	13	(636.326.428.368)	(1.002.367.800.748)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(116.172.670.114)	(136.472.122.162)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	62.411.716.633	59.628.672.231
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(110.211.866.202)	(236.561.878.631)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	288.177.964.890	(105.796.757.601)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(472.699.386.764)	(736.078.402.426)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	49.076.672.307	32.225.867.786
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(29.248.523.270)	(276.912.379.078)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.639.615.932.055	970.698.995.089
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(108.890.962.551)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	296.029.935.065	133.879.501.958
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	135.431.388.886	158.461.611.654
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.618.206.018.279	173.384.232.431

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 46 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của các cổ đông	31	-	1.417.106.730.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	5.816.428.625.733	7.377.125.526.190
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(8.518.282.045.459)	(9.256.527.943.782)
4. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(517.701.998)	(1.117.684.796)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	36	(21.471.000)	(52.425.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.702.392.592.724)	(463.465.798.138)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	203.991.390.444	(395.878.323.308)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	906.609.557.993	1.302.487.881.301
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	1.110.600.948.437	906.609.557.993



Trần Minh Toàn
Người lập biểu

Ngày 31 tháng 3 năm 2014



Nguyễn Quốc Hòa
Kế toán trưởng




Vũ Quý Hà
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”), trước đây là Tổng Công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 992/BXD-TCLĐ ngày 20 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Ngày 18 tháng 3 năm 2005, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 56/2005/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án thí điểm cổ phần hóa Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam. Hoạt động của Tổng Công ty với tư cách là một Tổng Công ty Cổ phần đã được đăng ký lại với Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014768 ngày 01 tháng 12 năm 2006, và sửa đổi lần thứ 7 ngày 17 tháng 04 năm 2012. Tổng Công ty có mã số doanh nghiệp là 0100105616.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty bao gồm Công ty mẹ và 31 công ty con. Chi tiết các công ty con và tỷ lệ góp vốn của Công ty mẹ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của các công ty con như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ (%)	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của Công ty mẹ (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	55,14%	55,14%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BDS
2	Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	51,23%	51,23%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BDS
3	Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 (*)	51,00%	51,00%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BDS
4	Công ty Cổ phần Xây dựng số 4 (*)	100,00%	100,00%	Xây dựng các công trình công nghiệp
5	Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	51,00%	51,00%	Xây dựng các công trình công nghiệp
6	Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	51,00%	51,00%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
7	Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	54,33%	54,33%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BDS
8	Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex Đà Nẵng (*)	73,59%	73,59%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
9	Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	52,60%	52,60%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
10	Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	51,00%	51,00%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
11	Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex 16	51,93%	51,93%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
12	Công ty Cổ phần Xây dựng số 17	82,16%	82,16%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
13	Công ty Cổ phần Vinaconex 25	51,00%	51,00%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
14	Công ty Cổ phần Vinaconex 27	81,77%	57,33%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
15	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2	74,55%	72,18%	Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện, sản xuất và kinh doanh điện năng
16	Công ty Cổ phần VIMECO	51,40%	51,40%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BDS
17	Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	77,15%	76,25%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
18	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex	51,00%	51,00%	Tư vấn thiết kế
19	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới	42,50%	42,50%	Tư vấn thiết kế
20	Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Quyết Thắng (*)	56,90%	56,90%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
21	Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Đô thị Việt Nam - VINASINCO	85,26%	75,00%	Thương mại - dịch vụ
22	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nước sạch	56,04%	56,04%	Sản xuất và kinh doanh nước sạch

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**Hình thức sở hữu vốn (Tiếp theo)**

STT	Tên công ty	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ (%)	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của Công ty mẹ (%)	Hoạt động chính
23	Công ty Cổ phần Siêu thị và XNK Thương mại Việt Nam	52,33%	51,00%	Thương mại - dịch vụ
24	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex	53,56%	53,56%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
25	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Vinaconex	70,00%	70,00%	Quản lý dự án, giám sát thi công, đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
26	Công ty Cổ phần Vipaco	53,13%	21,25%	Sản xuất và kinh doanh bao bì
27	Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex	55,00%	55,00%	Thương mại - dịch vụ
28	Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex	51,20%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh nước sạch
29	Công ty Cổ phần Vinaconex Dung Quất	96,52%	95,51%	Thương mại - dịch vụ
30	Công ty Cổ phần Vật tư Ngành nước (*)	86,24%	5,07%	Thương mại - dịch vụ
31	Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex	59,12%	59,12%	Thương mại - dịch vụ

(*) Hội đồng Quản trị đã phê duyệt chủ trương thoái vốn tại các công ty này theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang trong quá trình lên kế hoạch để thực hiện Nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Do kế hoạch và thời điểm chuyển nhượng chưa được phê duyệt nên báo cáo tài chính của các công ty này vẫn được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Lĩnh vực hoạt động của Tổng Công ty là:

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình thủy điện, nhiệt điện, phong điện, điện nguyên tử, đường dây và trạm biến thế điện đến 500KV;
- Các công trình hạ tầng kỹ thuật, xã hội khu đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, công trình ngầm, các công trình văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí, công trình du lịch, khách sạn và các loại công trình công cộng khác;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm;
- Khai thác sản xuất kinh doanh nước sạch, các sản phẩm phục vụ cho xử lý nước thải, chất thải, bảo vệ môi trường;
- Khai thác, sản xuất chế biến, kinh doanh các loại cấu kiện và vật liệu xây dựng bao gồm đá, cát, sỏi, gạch, ngói, xi măng, kính, tấm lợp, nhựa đường, các loại cấu kiện bê tông, đá nhân tạo và các loại vật liệu xây dựng khác;
- Khai thác, chế biến khoáng sản (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Đầu tư kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, siêu thị và các loại hình du lịch (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, quán bar, vũ trường...);
- Quản lý và vận hành các trung tâm thương mại, siêu thị, các khu đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất;

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Lĩnh vực hoạt động của Tổng Công ty là: (Tiếp theo)

- Kinh doanh dịch vụ giao nhận vận chuyển hàng hóa các loại cầu kiện siêu trường, siêu trọng;
- Kinh doanh dịch vụ mua bán rượu, bia, thuốc lá;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nước giải khát, bánh kẹo, hàng công nghệ phẩm, mỹ phẩm và quà lưu niệm (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, quán bar, vũ trường);
- Đại lý bán lẻ xăng dầu;
- Hoạt động xuất khẩu lao động;
- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế quy hoạch đô thị;
- Thiết kế hạ tầng cấp thoát nước đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế cấp thoát nước đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình xử lý chất thải rắn;
- Khảo sát trắc địa công trình;
- Thiết kế hạ tầng giao thông, san nền, thoát nước công trình xây dựng;
- Thiết kế điện công trình dân dụng, công nghiệp; tư vấn đầu tư và xây dựng (chỉ thiết kế trong phạm vi các thiết kế đã đăng ký kinh doanh);
- Lập và thẩm định dự án đầu tư;
- Tư vấn đầu thầu và quản lý dự án;
- Tư vấn thiết bị công nghệ mới và thiết bị tự động hóa;
- Đầu tư góp vốn thành lập mới các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn;
- Đầu tư góp vốn vào các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn đang hoạt động;
- Đầu tư kinh doanh cổ phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu và các loại chứng chỉ có giá; đầu tư thành lập các doanh nghiệp liên doanh có 100% vốn của Tổng Công ty cổ phần hoạt động tại nước ngoài;
- Nhận thầu xây lắp các loại hình công trình tại nước ngoài;
- Thực hiện các dịch vụ cung cấp, lắp đặt, sửa chữa, bảo hành điều hòa không khí, điện lạnh, thiết bị phòng chống cháy nổ, thang máy;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Đại lý bán vé máy bay cho các hãng trong và ngoài nước;
- Dệt may công nghiệp;
- Dịch vụ mua bán và chế biến hàng nông lâm sản (trừ các loại gỗ Nhà nước cấm);
- Trồng, chăm sóc, tu bổ, bảo quản rừng, trồng cây công nghiệp và chăn nuôi gia súc, gia cầm;
- Khai thác và sản xuất kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Kinh doanh khai thác cầu cảng, bốc xếp hàng hóa thủy, bộ và cho thuê kho bãi;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường sông và đường biển; và
- Tổ chức các hoạt động giáo dục, đào tạo từ bậc mầm non đến bậc trung học phổ thông, giáo dục đào tạo hướng nghiệp, đào tạo ngoại ngữ và tư vấn du học (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, một số công ty con của Tổng Công ty có dấu hiệu về khả năng thanh toán, (bao gồm: Công ty Cổ phần Xây dựng số 4, Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex Đà Nẵng, Công ty Cổ phần Xây dựng số 15, Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Quyết Thắng, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex, Công ty Cổ phần Vật tư Ngành nước, Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex, Công ty Cổ phần Vipaco, Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex, Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex và Công ty Cổ phần Siêu thị và Xuất nhập khẩu Thương mại Việt Nam. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty mẹ - Tổng Công ty đang trong quá trình tái cơ cấu và có kế hoạch thoái vốn đầu tư tại một số Công ty con nêu trên để tập trung nguồn lực phục vụ sản xuất kinh doanh. Theo đó, tình hình tài chính của các Công ty này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty mẹ - Tổng Công ty cũng như báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Bảng cân đối kế toán của các công ty con bán đi trong năm không được hợp nhất vào Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Tổng Công ty.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho đến ngày bán khoản đầu tư ở các công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ và các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết chưa được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tổng Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp. Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2013
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	7 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	2013
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	4 - 30
Máy móc và thiết bị	2 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản cố định vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không trích khấu hao.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác là các phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích từ 3 đến 5 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2013
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	7 - 25
Quyền sử dụng đất	7 - 25

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

Chi phí trả trước dài hạn**Chi phí thuê tài sản trả trước**

Chi phí thuê tài sản trả trước bao gồm tiền thuê tài sản, tiền thuê đất trả trước và các chi phí khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác chủ yếu bao gồm chi phí sửa chữa lớn tài sản, giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời gian từ 1 năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 2 đến 3 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Đối với bất động sản mà Tổng Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao sang người mua. Đối với bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Tổng Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án bất động sản và người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành khối lượng công việc xây dựng được người mua chấp nhận tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu trợ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất khi có Quyết định phê duyệt chính thức cấp kinh phí trợ cấp của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Đối với công ty con đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng, chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Khi kết thúc giai đoạn đầu tư, toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh thực tế lũy kế được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, phần chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại lũy kế được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian tối đa là 5 năm.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) và lãi suy giảm trên cổ phiếu (Diluted EPS) cho các cổ đông phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	20.136.188.712	22.661.364.086
Tiền gửi ngân hàng	740.058.759.726	442.472.338.456
Các khoản tương đương tiền (i)	350.406.000.000	441.475.855.451
	<u>1.110.600.948.438</u>	<u>906.609.557.993</u>

- (i) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền gửi có kỳ hạn	29.248.523.270	10.388.215.084
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	956.277.774	7.287.350.194
Đầu tư ngắn hạn khác	11.725.000.000	14.916.664.728
	<u>41.929.801.044</u>	<u>32.592.230.006</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(692.718.674)	(811.624.929)
	<u>41.237.082.370</u>	<u>31.780.605.077</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Phải thu các Tổ đội thi công	234.564.184.873	153.491.281.949
Phải thu Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	190.913.530.444	310.632.171.105
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại dương Thăng Long	85.138.889.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	49.737.069.816	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex	38.411.734.966	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	324.453.552	40.897.901.576
Phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay	4.484.851.074	1.025.654.152
Phải thu khác	218.997.657.728	359.139.075.615
	822.572.371.453	865.186.084.397

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	423.279.133	1.101.413.253
Nguyên liệu, vật liệu	58.613.618.059	207.009.331.052
Công cụ, dụng cụ	11.384.504.502	206.058.105.083
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	5.280.571.016.641	6.676.391.124.057
Thành phẩm	20.131.553.462	170.137.649.346
Hàng hoá	4.971.287.742	5.963.909.485
Hàng hóa bất động sản	64.941.372.299	-
Hàng gửi đi bán	846.456.349	11.038.870.341
	5.441.883.088.187	7.277.700.402.617
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(10.603.606.532)	(27.729.084.455)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	5.431.279.481.655	7.249.971.318.162

(*) Như trình bày tại Thuyết minh số 22, Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 (Công ty con của Tổng Công ty) đã ký hợp đồng vay trung hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội - Sở giao dịch Hà Nội (Habubank) (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội) và Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel (Vinaconex - Viettel) để thanh toán chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của Dự án Khu đô thị mới Kim Văn - Kim Lũ ("Dự án") và các chi phí hợp pháp khác liên quan đến Dự án. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Chi sự nghiệp (i)	97.312.827.990	133.338.085.629
Tạm ứng Tổ đội thi công (ii)	290.458.418.022	430.117.802.229
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	2.248.584.492	5.983.878.878
Tài sản ngắn hạn khác	30.232.841.205	31.838.960.276
	420.252.671.709	601.278.727.012

- (i) Tổng Công ty được Nhà nước giao thực hiện một số dự án kinh tế, chính trị, xã hội, ngoài nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh. Các dự án này được trang trải bằng nguồn kinh phí do Ngân sách Nhà nước cấp. Nguồn kinh phí nhận được từ Ngân sách Nhà nước được ghi nhận vào tài khoản “Nguồn kinh phí” thuộc Nguồn kinh phí và quỹ khác. Chi phí dự án phát sinh được ghi nhận vào tài khoản “Chi sự nghiệp” thuộc Tài sản ngắn hạn khác cho tới khi các chi phí này được quyết toán với Nhà nước. Khi đó, chi phí dự án sẽ được giảm trừ vào Nguồn kinh phí. Chi phí dự án được Nhà nước chi trả trực tiếp sẽ được ghi nhận đồng thời vào tài khoản Chi sự nghiệp và Nguồn kinh phí. Nguồn kinh phí do Nhà nước cấp không sử dụng hết sẽ phải được hoàn trả lại Ngân sách Nhà nước. Chi phí dự án còn thiếu sẽ được Ngân sách Nhà nước bồi hoàn.
- (ii) Tạm ứng cho các đội thi công phản ánh số tiền các công ty con đã ứng cho các đội, nhân viên của công ty để thực hiện thi công xây dựng hoặc các công việc khác để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty con. Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá khả năng thu hồi của các khoản tạm ứng này và đã trích lập dự phòng phải thu đối với những khoản tạm ứng không có khả năng thu hồi.

10. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Khoản phải thu dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 chủ yếu thể hiện các khoản phải thu sau:

- Khoản phải thu Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả với số tiền là khoảng 2.007.226 triệu VND theo Hợp đồng vay VCG số 1 và Hợp đồng vay VCG số 2 ngày 24 tháng 10 năm 2013. Trong năm 2013, Tổng Công ty đã thoái vốn tại Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả, Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả đã cùng ký lại hợp đồng vay để cơ cấu lại khoản Tổng Công ty phải thu Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả từ việc chuyển giao Trạm nghiền và Nhà máy Xi măng Cẩm Phả.

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Tổng Công ty và Tập đoàn Viễn thông Quân đội đang thực hiện các thủ tục để thống nhất giá trị vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả trong giao dịch chuyển nhượng cổ phần. Do đó, giá trị cuối cùng của khoản phải thu Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả có thể sẽ thay đổi khi giá trị vốn chủ sở hữu được thống nhất.

- Khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex với số tiền khoảng 183.487 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 217.501 triệu VND) theo Hợp đồng cho vay lại vốn số 01/HĐTD-VC-TĐCĐ ngày 12 tháng 10 năm 2006 với mục đích để thanh toán nhập khẩu máy móc thiết bị cho Nhà máy thủy điện Cửa Đạt và Hợp đồng cho vay lại số 02/HĐTD-VC-TĐCĐ ngày 12 tháng 10 năm 2006 với mục đích thanh toán phí bảo hiểm tín dụng và lãi vay.

- Khoản phải thu Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình với số tiền khoảng 111.901 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 165.805 triệu VND) theo Hợp đồng cho vay lại vốn số 01/HĐTD-VC-XMYB và Hợp đồng cho vay lại vốn số 02/HĐTD-VC-XMYB ngày 27 tháng 9 năm 2006 với mục đích để nhập khẩu máy móc thiết bị cho Dự án Nhà máy Xi măng Yên Bình.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

II. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	4.085.788.652.126	5.024.965.066.554	820.221.230.456	174.339.910.980	10.105.314.860.116
Mua trong năm	339.783.291	12.378.625.592	8.304.353.360	2.032.920.277	23.055.682.520
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	15.386.345.554	-	81.332.669.847	-	96.719.015.401
Thanh lý, nhượng bán	(5.927.268.340)	(56.982.872.999)	(26.017.489.267)	(2.526.311.631)	(91.453.942.237)
Giảm do Công ty mẹ thoái vốn (*)	(2.182.727.221.368)	(3.893.878.561.937)	(88.750.144.948)	(69.126.997.211)	(6.234.482.925.464)
Phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 45/2013/TT- BTC	(3.335.502.470)	(32.193.290.059)	(551.114.837)	(18.122.157.856)	(54.202.065.222)
Phân loại sang Chi phí trả trước dài hạn Tăng/(Giảm) khác trong năm	(40.918.436.743)	-	-	-	(40.918.436.743)
Tại ngày 31/12/2013	3.422.356.572	7.397.002.970	2.696.709.166	(296.356.060)	13.219.712.648
	1.872.028.708.622	1.061.685.970.121	797.236.213.777	86.301.008.499	3.817.251.901.019
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	650.701.378.262	1.516.305.140.861	403.770.973.095	88.510.054.534	2.659.287.546.752
Khấu hao trong năm	158.948.714.823	254.643.099.797	82.668.439.372	15.139.992.951	511.400.246.943
Thanh lý	(1.769.266.134)	(49.866.369.789)	(18.814.204.340)	(2.353.699.955)	(72.803.540.218)
Giảm do Công ty mẹ thoái vốn (*)	(236.458.872.723)	(946.980.301.339)	(43.677.756.852)	(23.936.718.093)	(1.251.053.649.007)
Phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 45/2013/TT- BTC	(521.308.981)	(27.961.637.291)	(522.791.671)	(14.124.918.495)	(43.130.656.438)
Tăng/(Giảm) khác trong năm	2.394.167.978	1.303.060.064	423.135.868	(271.084.834)	3.849.279.076
Tại ngày 31/12/2013	573.294.813.225	747.442.992.303	423.847.795.472	62.963.626.108	1.807.549.227.108
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2013	1.298.733.895.397	314.242.977.818	373.388.418.305	23.337.382.391	2.009.702.673.911
Tại ngày 31/12/2012	3.435.087.273.864	3.508.659.925.693	416.450.257.361	85.829.856.446	7.446.027.313.364

(*) Trong năm, Tổng Công ty đã không còn nắm giữ quyền kiểm soát tại Công ty Cổ phần Xây dựng số 11, Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả, Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định hữu hình của các Công ty này tại thời điểm không còn nắm giữ quyền kiểm soát được ghi giảm với số tiền lần lượt là 6.234 tỷ VND và 1.251 tỷ VND.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2013	2.393.958.725	8.231.380.344	78.743.344.750	89.368.683.819
Tăng trong năm	-	-	2.000.000	2.000.000
Giảm do thoái vốn (*)	-	(1.795.217.000)	(2.415.636.364)	(4.210.853.364)
Giảm khác	-	-	(973.461.818)	(973.461.818)
Tại ngày 31/12/2013	2.393.958.725	6.436.163.344	75.356.246.568	84.186.368.637
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2013	1.509.844.743	4.190.098.229	31.672.735.924	37.372.678.896
Khấu hao trong năm	159.330.672	560.775.003	5.869.821.196	6.589.926.871
Giảm do thoái vốn (*)	-	(512.919.146)	(632.666.670)	(1.145.585.816)
Giảm khác	-	-	(491.513.418)	(491.513.418)
Tại ngày 31/12/2013	1.669.175.415	4.237.954.086	36.418.377.032	42.325.506.533
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2013	724.783.310	2.198.209.258	38.937.869.536	41.860.862.104
Tại ngày 31/12/2012	884.113.982	4.041.282.115	47.070.608.826	51.996.004.923

(*) Trong năm, Tổng Công ty đã không còn nắm giữ quyền kiểm soát tại Công ty Cổ phần Xây dựng số 11, Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả, Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định thuê tài chính của các Công ty này tại thời điểm không còn nắm giữ quyền kiểm soát được ghi giảm với số tiền lần lượt là 4,2 tỷ VND và 1,1 tỷ VND.

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	53.098.362.118	3.641.916.059	56.740.278.177
Tăng trong năm	-	1.231.905.455	1.231.905.455
Tăng khác	-	357.187.333	357.187.333
Thanh lý, nhượng bán	-	(66.880.000)	(66.880.000)
Giảm do Công ty mẹ thoái vốn (*)	-	(1.683.292.504)	(1.683.292.504)
Giảm khác trong năm	-	(250.788.355)	(250.788.355)
Tại ngày 31/12/2013	53.098.362.118	3.230.047.988	56.328.410.106
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	2.970.746.541	2.432.302.796	5.403.049.337
Khấu hao trong năm	480.299.969	1.212.419.718	1.692.719.687
Tăng khác	-	238.124.887	238.124.887
Thanh lý, nhượng bán	-	(38.130.544)	(38.130.544)
Giảm do Công ty mẹ thoái vốn (*)	-	(1.091.577.638)	(1.091.577.638)
Giảm khác trong năm	-	(229.291.818)	(229.291.818)
Tại ngày 31/12/2013	3.451.046.510	2.523.847.401	5.974.893.911
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2013	49.647.315.608	706.200.587	50.353.516.195
Tại ngày 31/12/2012	50.127.615.577	1.209.613.263	51.337.228.840

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (Tiếp theo)**

(*) Trong năm, Tổng Công ty đã không còn nắm giữ quyền kiểm soát tại Công ty Cổ phần Xây dựng số 11, Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả, Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định vô hình của các Công ty này tại thời điểm không còn nắm giữ quyền kiểm soát được ghi giảm với số tiền lần lượt là khoảng 1,6 tỷ VND và 1,09 tỷ VND.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 (công ty con của Tổng Công ty) đã thế chấp quyền sử dụng đất tại số 52 Lạc Long Quân với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 10.637.014.444 VND (31 tháng 12 năm 2012: 10.774.276.573 VND) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công trình Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát (*)	1.341.291.232.406	1.049.234.678.181
Công trình Trung tâm Thương mại Chợ Mơ (*)	1.090.865.520.637	832.106.255.237
Khu đô thị du lịch Cái Giã - Cát Bà (*)	180.664.965.998	183.286.330.705
Dự án Mở đường vào khu Trung Văn	66.326.145.572	61.334.610.628
Công trình Khu công nghiệp Bắc Phú Cát	61.405.319.248	59.674.690.181
Dự án cấp nước Tây Nam Hà Nội	19.714.002.847	22.021.870.288
Dự án khu trung tâm thương mại	-	7.047.265.581
Khu đô thị nam cầu Trần Thị Lý	73.943.002.351	73.928.790.715
Công trình mạng lưới cấp nước Sông Đà, Hà Nội	26.834.114.731	26.834.114.731
Công trình Nhà máy Bê tông dự ứng lực Long An	523.668.254	507.851.054
Các dự án khác	61.283.691.017	55.122.617.868
	<u>2.922.851.663.061</u>	<u>2.371.099.075.169</u>

(*) Như trình bày tại Thuyết minh số 22 - Vay và nợ dài hạn, tài sản hình thành từ các công trình này được dùng để thế chấp cho các khoản tiền vay theo hợp đồng vay dài hạn giữa các công ty con và các Ngân hàng thương mại.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa và quyền sử dụng đất VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2013	1.078.310.400.958	9.627.543.200	202.529.845.619	1.290.467.789.777
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	59.636.390.590	-	-	59.636.390.590
Giảm do thoái vốn (*)	(49.795.812.387)	-	-	(49.795.812.387)
Thanh lý, nhượng bán	(12.608.303.909)	-	-	(12.608.303.909)
Phân loại sang hàng tồn kho	(34.003.318.052)	-	(32.186.666.376)	(66.189.984.428)
Giảm khác	(447.951.816)	-	-	(447.951.816)
Tại ngày 31/12/2013	1.041.091.405.384	9.627.543.200	170.343.179.243	1.221.062.127.827
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2013	140.573.427.290	2.316.613.545	39.870.090.716	182.760.131.551
Khấu hao trong năm	44.256.105.148	-	9.276.807.905	53.532.913.053
Giảm do thoái vốn (*)	(3.257.242.872)	-	-	(3.257.242.872)
Thanh lý, nhượng bán	(455.299.878)	-	-	(455.299.878)
Phân loại sang hàng tồn kho	(1.170.903.198)	-	(77.708.931)	(1.248.612.129)
Tại ngày 31/12/2013	179.946.086.490	2.316.613.545	49.069.189.690	231.331.889.725
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2013	861.145.318.894	7.310.929.655	121.273.989.553	989.730.238.102
Tại ngày 31/12/2012	937.736.973.668	7.310.929.655	162.659.754.903	1.107.707.658.226

(*) Trong năm, Tổng Công ty đã không còn nắm giữ quyền kiểm soát tại Công ty Cổ phần Xây dựng số 11, Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả, Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của bất động sản đầu tư của các Công ty này tại thời điểm không còn nắm giữ quyền kiểm soát được ghi giảm với số tiền lần lượt là 49,7 tỷ VND và 3,2 tỷ VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, bất động sản đầu tư có nguyên giá là khoảng 310.470 triệu VND (31 tháng 12 năm 2012: 381.428 triệu VND) đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay ngân hàng.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại thời điểm kết thúc năm tài chính cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Tổng Công ty sẽ phải thuê một Công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Tổng Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này, đồng thời cũng không có giá thị trường đáng tin cậy để trình bày.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết, liên doanh của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của Công ty mẹ (%)	Hoạt động chính
Góp vốn liên doanh					
1	Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đô thị mới An Khánh (i)	Hà Nội	50,00%	50,00%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
2	Công ty TNHH Quốc tế Liên doanh VINACONEX - TAISEI	Hà Nội	29,00%	29,00%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
Công ty liên kết					
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex	Hà Nội	29,20%	29,20%	Sản xuất công nghiệp
2	Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex	Hà Nội	48,53%	44,20%	Thương mại - dịch vụ
3	Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm VINAVICO	Hà Nội	23,69%	23,69%	Thi công xây lắp các công trình ngầm, thương mại dịch vụ
4	Công ty Cổ phần Vinaconex số 6	Hà Nội	36,00%	36,00%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
5	Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	Hà Nội	30,00%	30,00%	Sản xuất xi măng
6	Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 (ii)	Hà Nội	42,00%	10,93%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
7	Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel (i)	Hà Nội	39,00%	33,00%	Tài chính - ngân hàng
8	Công ty Cổ phần Sàn giao dịch Bất động sản	Hà Nội	36,00%	36,00%	Thương mại - dịch vụ
9	Công ty Cổ phần Ống sợi Thủy tinh Vinaconex	Hà Nội	22,18%	10,36%	Sản xuất công nghiệp
10	Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	Yên Bái	31,64%	26,00%	Sản xuất xi măng

(i) Hội đồng Quản trị đã phê duyệt chủ trương thoái vốn tại các công ty này theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang trong quá trình lên kế hoạch để thực hiện nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty chỉ nắm giữ 42% tỷ lệ biểu quyết của Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 (VC 11) và không còn nắm giữ quyền kiểm soát thông qua chi phối các chính sách tài chính của VC 11, theo đó VC 11 trở thành công ty liên kết của Tổng Công ty.

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013 VND	31/12/2012 (trình bày lại) VND
Chi phí trả trước về thuê tài sản	21.904.521.462	18.790.030.192
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	19.093.916.769	30.351.151.036
Khác	122.533.599.744	175.043.892.095
	163.532.037.975	224.185.073.323

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	2.329.001.283.920	3.928.203.783.081
- Vay tại Công ty mẹ	426.864.107.077	460.587.198.586
- Vay tại các công ty con	1.902.137.176.843	3.467.616.584.495
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	564.615.701.858	1.561.452.109.900
- Vay tại Công ty mẹ	150.161.010.100	632.789.055.341
- Vay tại các công ty con	414.454.691.758	928.663.054.559
	2.893.616.985.778	5.489.655.892.981

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Vay ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác	2.134.852.591.754	3.747.725.364.723
Vay ngắn hạn cá nhân	194.148.692.166	180.478.418.358
Vay dài hạn đến hạn trả	564.615.701.858	1.561.452.109.900
	2.893.616.985.778	5.489.655.892.981

Các khoản vay ngắn hạn từ các cá nhân không được đảm bảo và chịu lãi suất trong năm từ 0%/năm đến 18%/năm (năm tài chính 2012: từ 5%/năm đến 14%/năm).

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	202.257.707.306	231.344.425.418
Thuế thu nhập doanh nghiệp	78.517.633.134	124.171.476.181
Thuế thu nhập cá nhân	18.012.065.190	20.214.450.748
Thuế tài nguyên	859.279.154	2.007.798.274
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	159.075.384.066	222.970.855.409
Các loại thuế khác	33.630.093.204	27.123.511.596
	492.352.162.054	627.832.517.626



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương	500.000.000.000	500.000.000.000
Thăng Long tiền đất dự án HH (i)		
Phải trả chi phí thi công công trình	488.162.172.337	543.878.477.640
Kinh phí bảo trì các tòa nhà chung cư (ii)	158.891.778.289	129.801.220.103
Phải trả lãi tiền vay	36.186.956.128	9.074.191.637
Phải nộp Ngân sách Nhà nước	39.352.390.631	33.095.630.233
Đặt cọc	57.807.799.259	21.374.244.039
Cổ tức phải trả	30.968.327.772	30.828.757.852
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	433.902.657.418	633.336.337.844
	1.745.272.081.834	1.901.388.859.348

(i) Khoản tiền nhận từ Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long theo cam kết trong hợp đồng hợp tác với Tổng Công ty để đầu tư xây dựng Dự án Start City Center là một khu tổ hợp thương mại tại khu đất HH - Khu đô thị Đông Nam Trần Duy Hưng, Thành phố Hà Nội.

(ii) Kinh phí bảo trì các tòa nhà phải nộp cho Ban quản lý nhà chung cư theo Luật Nhà ở năm 2006.

21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn chủ yếu bao gồm dự phòng bảo hành mà Tổng Công ty và công ty con trích dựa trên doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản lũy kế đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Vay dài hạn	4.112.097.208.745	6.820.314.935.540
- Vay tại Công ty mẹ	1.611.413.353.829	4.300.873.473.093
- Vay tại các công ty con	2.500.683.854.916	2.519.441.462.447
Trái phiếu phát hành	47.962.771.364	48.120.104.709
- Tại các công ty con	47.962.771.364	48.120.104.709
	4.160.059.980.109	6.868.435.040.249
Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần Vay và nợ ngắn hạn)	(564.615.701.858)	(1.561.452.109.900)
Số phải trả sau 12 tháng	3.595.444.278.251	5.306.982.930.349

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay và nợ dài hạn của Tổng Công ty như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	(trình bày lại) VND
Ngân hàng		
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	1.061.213.813.303
- Ngân hàng Trung Quốc - Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	16.690.809.392
- Ngân hàng BNP Paribas	220.184.834.486	253.751.231.384
- Ngân hàng BNP Paribas	-	766.049.770.048
- Ngân hàng Natexis	129.336.079.058	156.150.661.028
- Tổng Công ty Thiết bị nặng Quốc gia Trung Quốc	167.851.499.715	221.074.140.528
- Quỹ Đầu tư Phát triển Thành phố Hà Nội	1.062.629.560.570	1.130.658.353.570
- Ngân hàng Hợp tác Phát triển Quốc tế Nhật Bản (JBIC)	-	695.284.693.840
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I	323.141.500.000	365.594.570.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy	116.000.000.000	140.000.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	148.101.943.132	154.811.401.390
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	191.923.858.800	216.923.858.800
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch	657.293.786.355	464.999.247.566
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai	304.856.071.000	143.439.399.000
- Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex- Viettel	411.181.109.090	27.115.482.350
- Các khoản vay dài hạn tại các ngân hàng, tổ chức khác	427.559.737.903	1.054.677.608.050
Cộng	4.160.059.980.109	6.868.435.040.249

- (i) Ngày 10 tháng 10 năm 2006, Tổng Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng BNP Paribas, một ngân hàng Pháp có Đăng ký kinh doanh số 662042449 tại Phòng Đăng ký Công ty và Thương mại Paris với số tiền 18.055.000 USD. Khoản vay này chịu lãi suất là LIBOR 6 tháng cộng (+) 1,87%/năm. Khoản vay này phải được hoàn trả trong 20 kỳ 6 tháng bắt đầu từ ngày 12 tháng 4 năm 2010. Khoản vay này được bảo đảm bằng bảo lãnh của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

- (ii) Khoản vay này được đảm bảo bởi bảo lãnh của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam. Khoản vay này chịu lãi suất là LIBOR cộng (+) 2,35%/năm. Khoản vay này phải được hoàn trả trong 20 kỳ 6 tháng bắt đầu từ ngày 31 tháng 12 năm 2007.
- (iii) Ngày 27 tháng 9 năm 2006, Tổng Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Tổng Công ty Thiết bị nặng Quốc gia Trung Quốc với số tiền 19.901.767 USD. Khoản vay này chịu lãi suất là 3,78%/năm. Khoản vay này phải được hoàn trả trong 15 kỳ 6 tháng bắt đầu từ ngày 28 tháng 12 năm 2009. Khoản vay này được bảo đảm bằng bảo lãnh của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam.
- (iv) Ngày 6 tháng 12 năm 2010, Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex (công ty con của Tổng Công ty) cùng với Tổng Công ty và Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I ký kết Hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ số 51/2010/HĐKT-NHPT. Theo đó, Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex nhận lại từ Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam một phần dư nợ trị giá là 493.506.000.000 VND với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I. Khoản dư nợ này là của hai khoản vay với lãi suất lần lượt là 6,6%/năm và 8,4%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành sau đầu tư giai đoạn I Dự án Đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông.
- (v) Ngày 5 tháng 8 năm 2010, Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex (công ty con của Tổng Công ty) cùng với Tổng Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy ký kết Phụ lục Hợp đồng số 01/2010/PLHĐTD của Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01-2005/HĐTD-DH ngày 26 tháng 10 năm 2005 (được ký trước đây giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy và Tổng Công ty). Theo đó, Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex nhận lại từ Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam một phần dư nợ trị giá là 196.000.000.000 VND với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy. Lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng cộng 3%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành sau đầu tư giai đoạn I Dự án Đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông.
- (vi) Ngày 12 tháng 5 năm 2009, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex (công ty con của Tổng Công ty) đã ký Hợp đồng hạn mức tín dụng dài hạn 1200-LAV-201100624 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với hạn mức tín dụng là 400 tỷ VND. Hợp đồng hạn mức tín dụng có thời hạn 5 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 19 tháng 5 năm 2011. Ngày 19 tháng 11 năm 2012, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex đã ký Phụ lục hợp đồng tín dụng số 1200LAV20091205/PL02. Theo Phụ lục này, kế hoạch trả gốc là 6 tháng 1 lần, thời gian ân hạn là 36 tháng, ngày trả nợ gốc đầu tiên là 42 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 20 tháng 11 năm 2014). Thời hạn rút vốn vay là 48 tháng kể từ ngày 12 tháng 5 năm 2009 (ngày ký hợp đồng). Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng trả sau của bên cho vay cộng (+) ba phần trăm một năm (3%/năm). Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ số dư có trên tài khoản tiền gửi của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Sở Giao dịch, các tổ chức tín dụng khác và tài sản hình thành từ Dự án Khu đô thị Du lịch Cái Giá - Cát Bà (cho dù tài sản đó đang tồn tại hay sẽ được hình thành trong tương lai, hiện nay Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex đang tiến hành các thủ tục pháp lý liên quan đến việc thế chấp tài sản hình thành từ Dự án) và được bảo lãnh bởi Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

- (vii) Ngày 01 tháng 7 năm 2010, Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 (Công ty con của Tổng Công ty) đã ký hợp đồng vay trung hạn với hạn mức tín dụng là 400.000.000.000 VND với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội - Sở giao dịch Hà Nội (Habubank) (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội, gọi tắt là "SHB") và Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel (Vinaconex - Viettel); trong đó SHB là ngân hàng đầu mối, tỷ lệ cam kết cấp khoản vay của SHB và Vinaconex - Viettel lần lượt là 87,5% và 12,5%. Khoản vay này sẽ được trả lãi nhiều lần bắt đầu từ ngày 23 tháng 3 năm 2012 đến ngày 23 tháng 12 năm 2014. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 3%/năm và được thanh toán vào ngày 23 hàng quý. Khoản vay được sử dụng để thanh toán chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của dự án khu đô thị mới Kim Văn - Kim Lữ và các chi phí hợp pháp khác liên quan đến dự án. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay.

Ngày 12 tháng 7 năm 2013, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội, Chi nhánh Ba Đình đã gửi Công văn số 268/CV - SHB, BD về việc cơ cấu khoản vay tài trợ dự án Kim Văn - Kim Lữ, theo đó ngân hàng SHB - Chi nhánh Ba Đình đã tiến hành xem xét và trình Tổng Giám đốc Ngân hàng về phương án cơ cấu nợ theo đề xuất của Công ty. Tuy nhiên đến thời điểm này, ngân hàng và Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 chưa nhận được Thông báo phê duyệt chính thức từ Hội sở chính. Trong thời gian chờ quyết định chính thức, ngân hàng chấp thuận cho Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 thu xếp nguồn và chuyển tiền thanh toán cho khoản vay theo đúng đề nghị cơ cấu của Công ty Cổ phần Xây dựng số 2. Theo phương án cơ cấu nợ được Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 đề xuất, khoản vay đến hạn trả trong 1 năm tới (từ ngày 01/7/2013 đến ngày 30/6/2014) sẽ giảm từ 151 tỷ VND còn 15 tỷ VND.

(viii)

Ngày 18 tháng 10 năm 2008, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (công ty con của Tổng Công ty) đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch với hạn mức tối đa là 535,466 tỷ VND, thời hạn vay là 144 tháng để thực hiện thanh toán một phần chi phí đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát. Khoản vay chịu lãi suất không vượt quá mức trần lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ, được tính bằng $(=) 4\%/năm +$ lãi suất tham chiếu (là lãi suất huy động tiết kiệm bình quân từ dân cư bằng VND của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch, Chi nhánh Từ Sơn và Chi nhánh Lào Cai). Các tài sản đảm bảo bao gồm:

- Bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam cho Công ty để vay vốn ngân hàng với giá trị bảo lãnh tối thiểu bằng tổng số tiền ngân hàng đã cam kết cho vay.
- Thế chấp cho Ngân hàng toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất, các công trình của dự án, kể cả nhà máy, cùng với các tòa nhà, công trình xây dựng và mọi bất động sản khác được xây dựng, nâng cấp và gắn liền hay tọa lạc vĩnh viễn tại "Dự án" hay trên khu đất trong thời điểm hiện tại và tương lai; Toàn bộ máy móc thiết bị (trong phạm vi tối đa được các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan cho phép) và các động sản khác liên quan đến hoặc thuộc về Dự án (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai) của Công ty theo hợp đồng thế chấp.

(ix)

Ngày 18 tháng 10 năm 2008, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (công ty con của Tổng Công ty) đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai với hạn mức tối đa là 437,745 tỷ VND, thời hạn vay là 96 tháng để thực hiện thanh toán một phần chi phí đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát. Khoản vay chịu lãi suất trong hạn là 11,4%/năm. Công ty dùng các tài sản hình thành sau đầu tư của Dự án và các tài sản khác thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty để thế chấp khoản vay này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu VND	Nguồn kinh phí (*) VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND
Tại ngày 01/01/2012	3.000.000.000.000	355.104.902.000	1.297.462.272	(220.158.684.188)	483.020.790.936	99.410.687.709	3.078.751.096	394.054.608.143	(508.422.110.853)
Tăng trong năm	1.417.106.730.000	-	-	226.757.891.096	-	-	-	3.210.000.000	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	87.386.154.594
Lỗ tương ứng với phần vốn của CDTS	-	-	-	-	-	-	-	-	(33.411.593.906)
vượt quá phần vốn của CDTS trong tổng vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	-	-	1.009.718.756	5.236.078.100	97.587.960	-	(6.343.384.816)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thường Ban điều hành	-	-	-	-	-	-	-	-	(20.202.332.254)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	60.025.980	-	-	-	-
Giảm do quyết toán thuế ở Vinaconex 7	-	-	-	-	-	-	-	-	(4.654.503.229)
Tặng/(Giảm) do Công ty mẹ thoái vốn	-	-	-	-	(9.467.347.679)	(1.471.148.037)	-	-	23.732.089.022
Sử dụng quỹ để tăng vốn góp	-	-	4.287.843.243	-	(4.287.843.243)	-	-	-	-
Quyết toán với ngân sách Nhà nước về kinh phí nhận được	-	-	-	-	-	-	-	(92.710.277.786)	-
Tặng/(Giảm) khác trong năm	-	-	1.649.985.117	(5.150.149)	(2.083.101.161)	(198.098.385)	153.661.284	-	(603.464.132)
Tại ngày 01/01/2013	4.417.106.730.000	355.104.902.000	7.235.290.632	6.594.056.759	468.252.243.589	102.977.519.387	3.330.000.340	304.554.330.357	(462.519.145.574)
Tăng trong năm	-	-	-	2.985.038.615	-	-	-	40.255.934.871	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	496.015.591.939
Trích Quỹ	-	-	-	-	8.134.900.666	4.873.135.446	-	-	(26.099.573.889)
Tặng/(Giảm) do Công ty mẹ thoái vốn	-	-	-	-	(25.237.800.399)	(6.011.273.425)	-	-	31.249.073.824
Quyết toán với ngân sách Nhà nước về kinh phí nhận được (*)	-	-	-	-	-	-	-	(93.606.920.224)	-
Thay đổi do Công ty liên kết thay đổi vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-	6.515.717.946
Tặng/(Giảm) khác trong năm	-	-	357.281.210	(3.261.374.750)	6.408.734.682	481.261.362	(2.350.902)	-	(223.913.854)
Tại ngày 31/12/2013	4.417.106.730.000	355.104.902.000	7.592.571.842	6.317.720.624	457.558.078.538	102.320.642.770	3.327.649.438	251.203.345.004	44.937.750.392

(*) Chi phí phát sinh về giải phóng mặt bằng huyện Thạch Thất đã được quyết toán với ngân sách Nhà nước trong năm 2013.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:**

	Năm 2013		Năm 2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	441.710.673	4.417.106.730.000	300.000.000	3.000.000.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	-	-	141.710.673	1.417.106.730.000
Số dư cuối năm	441.710.673	4.417.106.730.000	441.710.673	4.417.106.730.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Tổng Công ty và các công ty con hoạt động trong 4 lĩnh vực kinh doanh là xây lắp và kinh doanh bất động sản, sản xuất công nghiệp, dịch vụ thương mại, và đầu tư tài chính. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013

	Xây lắp và kinh doanh bất động sản VND	Sản xuất công nghiệp VND	Dịch vụ thương mại VND	Đầu tư tài chính VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Tài sản						
Tài sản bộ phận	17.915.785.295.987	3.115.852.616.807	2.483.891.108.014	2.665.197.526.240	(3.227.576.084.638)	22.953.150.462.410
Tổng tài sản hợp nhất	17.915.785.295.987	3.115.852.616.807	2.483.891.108.014	2.665.197.526.240	(3.227.576.084.638)	22.953.150.462.410
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	13.324.245.959.175	2.170.477.718.618	1.931.869.274.505	-	(1.597.873.048.830)	15.828.719.903.468
Tổng nợ phải trả hợp nhất	13.324.245.959.175	2.170.477.718.618	1.931.869.274.505	-	(1.597.873.048.830)	15.828.719.903.468

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2012

	Xây lắp và kinh doanh bất động sản VND	Sản xuất công nghiệp VND	Dịch vụ thương mại VND	Đầu tư tài chính VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Tài sản						
Tài sản bộ phận	22.251.710.559.332	10.859.730.418.578	1.362.952.921.975	2.848.405.280.165	(8.905.953.200.168)	28.416.845.979.882
Tổng tài sản hợp nhất	22.251.710.559.332	10.859.730.418.578	1.362.952.921.975	2.848.405.280.165	(8.905.953.200.168)	28.416.845.979.882
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	17.557.132.748.380	9.534.030.703.137	1.060.799.648.739	-	(6.624.799.300.139)	21.527.163.800.117
Tổng nợ phải trả hợp nhất	17.557.132.748.380	9.534.030.703.137	1.060.799.648.739	-	(6.624.799.300.139)	21.527.163.800.117

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

	Xây lắp và kinh doanh bất động sản	Sản xuất công nghiệp	Dịch vụ thương mại	Đầu tư tài chính	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	9.859.714.846.788	3.154.737.592.074	207.320.556.236	-	(2.117.624.510.177)	11.104.148.484.921
Doanh thu hoạt động tài chính	46.344.127.828	103.561.131.337	1.330.100.105	549.250.747.374	(291.673.429.276)	408.812.677.368
Chi phí sản xuất kinh doanh	9.751.163.376.942	3.306.731.317.561	296.219.873.797	397.132.728.874	(2.547.414.077.465)	11.203.833.219.709
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	154.895.597.674	(48.432.594.150)	(87.569.217.456)	152.118.018.500	138.116.138.012	309.127.942.580
(Lỗ)/Lãi trong công ty liên kết, liên doanh	(335.529.189)	-	-	30.689.424.914	-	30.353.895.725
Lợi nhuận/(Lỗ) khác	65.757.367.476	(934.936.036)	(2.841.384.458)	-	311.550.526.598	373.531.573.580
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	220.317.435.961	(49.367.530.186)	(90.410.601.914)	182.807.443.414	449.666.664.610	713.013.411.885

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

	Xây lắp và kinh doanh bất động sản	Sản xuất công nghiệp	Dịch vụ thương mại	Đầu tư tài chính	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	12.026.432.353.996	3.872.021.891.348	180.823.112.052	-	(3.413.844.929.972)	12.665.432.427.424
Doanh thu hoạt động tài chính	89.757.137.717	114.728.351.525	7.505.616.023	689.126.300.387	(483.331.407.785)	417.785.997.867
Chi phí sản xuất kinh doanh	11.816.745.628.082	4.324.902.239.990	238.066.899.713	1.504.337.661.058	(4.955.290.658.126)	12.928.761.770.717
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	299.443.863.631	(338.151.997.117)	(49.738.171.638)	(815.211.360.671)	1.058.114.320.369	154.456.654.574
Lãi trong công ty liên kết, liên doanh	6.608.218	-	-	1.096.879.008	-	1.103.487.226
Lợi nhuận khác	29.898.888.555	14.796.665.057	2.534.838.608	-	(9.126.637.740)	38.103.754.480
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	329.349.360.404	(323.355.332.060)	(47.203.333.030)	(814.114.481.663)	1.048.987.682.629	193.663.896.280

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu số B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***25. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2013	2012
	VND	VND
Doanh thu xây lắp	6.460.615.142.919	7.223.666.572.518
Doanh thu sản xuất công nghiệp	2.646.641.445.023	2.842.111.483.235
Doanh thu kinh doanh bất động sản	1.264.753.817.572	1.778.488.000.263
Doanh thu cung cấp dịch vụ	630.804.315.127	605.006.244.353
Doanh thu khác	170.399.194.119	298.399.588.341
	11.173.213.914.760	12.747.671.888.709
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	67.107.513.296	76.074.837.905
Giảm giá hàng bán	853.670.154	3.700.133.843
Hàng bán bị trả lại	1.104.246.389	2.464.489.537
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.104.148.484.921	12.665.432.427.424

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2013	2012
	VND	VND
Giá vốn xây lắp	5.794.197.277.120	6.509.038.652.854
Giá vốn sản xuất công nghiệp	2.055.418.930.509	2.209.633.138.848
Giá vốn kinh doanh bất động sản	1.059.112.354.221	1.386.440.717.774
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	546.633.368.053	433.343.616.507
Giá vốn hàng bán khác	203.840.126.606	259.182.510.321
	9.659.202.056.509	10.797.638.636.304

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2013	2012
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	4.158.200.744.264	5.297.927.449.330
Chi phí nhân công	1.396.885.057.531	2.061.750.972.787
Chi phí khấu hao tài sản cố định	573.215.806.554	647.716.094.113
Chi phí dự phòng	16.277.879.718	155.623.790.437
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	3.977.889.344.986	3.962.852.017.689
	10.122.468.833.053	12.125.870.324.356

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2013	2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	46.616.709.107	149.773.024.722
Lãi chênh lệch tỷ giá	160.495.539.584	192.477.937.105
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.159.277.122	10.468.214.189
Lãi chuyển nhượng đầu tư tài chính	10.095.280.281	33.935.774.893
Lợi nhuận cố định từ hợp đồng hợp tác đầu tư (i)	150.000.000.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	31.445.871.274	31.131.046.958
	408.812.677.368	417.785.997.867

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

(i) Thể hiện khoản lợi nhuận cố định Tổng Công ty nhận được từ việc hợp tác với Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long về việc thực hiện Dự án StarCity Center tại khu đất HH khu đô thị mới Đông Nam Trần Duy Hưng - Thành phố Hà Nội.

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2013	2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	663.439.192.859	975.593.260.135
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	(19.770.151.772)	30.183.240.018
Lỗ chênh lệch tỷ giá	91.577.422.709	58.880.731.232
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá các khoản đầu tư	52.729.147.591	(4.671.653.627)
Chi phí tài chính khác	51.653.096.877	36.769.105.724
	839.628.708.264	1.096.754.683.482

30. LỢI NHUẬN KHÁC

	2013	2012
	VND	VND
Lợi nhuận thực hiện trong giao dịch bán tài sản nội bộ khi thoái vốn tại Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	322.165.871.555	-
(i)		
Thanh lý tài sản cố định	38.659.691.860	48.495.315.603
Hoàn nhập chi phí bảo hành dự án N05	24.489.648.348	-
Các khoản thu nhập khác	49.822.556.542	59.048.218.887
Thu nhập khác	435.137.768.305	107.543.534.490
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	13.183.191.321	17.951.921.060
Các khoản chi phí khác	48.423.003.404	51.487.858.950
Chi phí khác	61.606.194.725	69.439.780.010
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	373.531.573.580	38.103.754.480

(i) Thể hiện 70% lợi nhuận chưa thực hiện phát sinh từ giao dịch chuyển nhượng Trạm nghiền và Nhà máy Xi măng Cẩm Phả từ Tổng Công ty cho Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả đã phát sinh từ các năm trước nhưng chưa được ghi nhận do đây là giao dịch nội bộ. Năm nay, khoản lợi nhuận này được thực hiện do Tổng Công ty đã chuyển nhượng 70% cổ phần của Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả cho Tập đoàn Viễn thông Quân đội và không nắm quyền kiểm soát tại Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông Công ty mẹ trong năm là 496.015.591.939 VND (năm tài chính 2012: 87.386.154.594 VND) và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 441.710.673 (năm tài chính 2012: 414.220.351), được thực hiện như sau:

	2013	2012
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	522.921.081.746	80.443.306.076
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông Công ty mẹ (VND)	496.015.591.939	87.386.154.594
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	441.710.673	414.220.351
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	1.123	211

32. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Theo Thông báo số 65/TB-VPCP ngày 29 tháng 02 năm 2012 của Văn phòng Chính phủ về việc “Ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng tại cuộc họp về xử lý tài chính sau thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam”, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng có ý kiến kết luận như sau:

- Đồng ý nội dung báo cáo và kiến nghị của Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng về việc xử lý khoản tiền sử dụng đất và tầng 1 các nhà chung cư cao tầng Vinaconex đã xây dựng tại Dự án Khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính.

- Đồng ý với kiến nghị của Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng về việc xử lý khoản lỗ và khoản tiền do các cổ đông chưa nộp khi tăng vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Vinaconex.

- Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội xem xét điều chỉnh lại quy hoạch và tính toán tiền sử dụng đất phải nộp đối với diện tích đất xây dựng các nhà nổi trên đất lưu không tại Khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính.

- Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Thanh tra Chính phủ, Bộ Tài chính xác định lại thời điểm (thời gian) phát sinh việc Vinaconex dùng giá trị lợi thế về quyền sử dụng đất được Nhà nước giao góp vốn vào liên danh thực hiện Dự án Khu đô thị Bắc An Khánh để xử lý theo đúng quy định.

Tiếp theo Thông báo số 65/TB-VPCP ngày 29 tháng 02 năm 2012 về xử lý tài chính sau thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty, Bộ Xây dựng đã phối hợp với Thanh tra Chính phủ, Bộ Tài chính và có Công văn số 1858/BXD-ĐMDN ngày 24 tháng 10 năm 2012 trình lên Thủ tướng Chính phủ về việc xác định lại thời điểm (thời gian) phát sinh việc Tổng Công ty dùng giá trị lợi thế về quyền sử dụng đất được Nhà nước giao góp vốn vào liên danh thực hiện Dự án Khu đô thị Bắc An Khánh. Theo đó, việc ghi nhận thỏa thuận hợp tác kinh doanh giữa Tổng Công ty và Posco E&C phát sinh trong giai đoạn Tổng Công ty đang là doanh nghiệp nhà nước. Tuy nhiên, khoản tiền 192 tỷ VND quyền phát triển dự án Khu đô thị Bắc An Khánh có hiệu lực theo Giấy chứng nhận Đầu tư, do tỉnh Hà Tây cấp cho Công ty liên doanh ngày 08 tháng 12 năm 2006, thì tại thời điểm đó Tổng Công ty đã là Tổng Công ty Cổ phần (từ ngày 01 tháng 12 năm 2006). Công văn 1858/BXD-ĐMDN đang trình Thủ tướng Chính phủ xem xét và quyết định.

Đối với các vấn đề khác, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc, giải trình với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc thực hiện các ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ khoản điều chỉnh nào liên quan đến các vấn đề nêu trên.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 và Thuyết minh số 21, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Các khoản vay	6.489.061.264.029	10.796.638.823.330
Trừ: Tiền và khoản tương đương tiền	1.110.600.948.438	906.609.557.993
Nợ thuần	5.378.460.315.591	9.890.029.265.337
Vốn chủ sở hữu	5.394.266.045.604	4.898.081.597.132
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	1,00	2,02

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.110.600.948.438	906.609.557.993
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.229.505.816.371	4.987.535.054.154
Đầu tư ngắn hạn	41.237.082.370	31.780.605.077
Đầu tư dài hạn	360.457.293.227	386.494.224.850
Tổng cộng	8.741.801.140.406	6.312.419.442.074
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	6.489.061.264.029	10.796.638.823.330
Phải trả người bán và phải trả khác	4.165.416.110.261	4.782.355.695.392
Chi phí phải trả	754.751.036.209	869.132.001.117
Tổng cộng	11.409.228.410.499	16.448.126.519.839

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	669.515.778.841	218.298.381.515	3.012.562.313.056	67.853.802.541
Euro (EUR)	-	1.130.004.332.036	14.466.647	58.460.173
Yên Nhật (JPY)	-	984.988.371.840	19.311.800	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ, Đồng Euro và Đồng Yên Nhật.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ tăng /(giảm) các khoản tương ứng như sau:

	2013	2012
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	234.304.653.422	(15.044.457.897)
Euro (EUR)	1.446.665	(112.994.587.186)
Yên Nhật (JPY)	1.931.180	(98.498.837.184)

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Độ nhạy của lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 sẽ giảm/tăng như sau:

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013		
VND	+200	(129.781.225.281)
VND	-200	129.781.225.281
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012		
VND	+200	(215.932.776.467)
VND	-200	215.932.776.467

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Tổng Công ty đã đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính với số tiền khoảng 46,2 tỷ VND.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty đã thực hiện xem xét đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu và trích lập dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi với số tiền khoảng 312,5 tỷ VND.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.110.600.948.438	-	1.110.600.948.438
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.926.474.306.337	2.303.031.510.034	7.229.505.816.371
Đầu tư ngắn hạn	41.237.082.370	-	41.237.082.370
Đầu tư dài hạn	-	360.457.293.227	360.457.293.227
	6.078.312.337.145	2.663.488.803.261	8.741.801.140.406
Các khoản vay	2.893.616.985.778	3.595.444.278.251	6.489.061.264.029
Phải trả người bán và phải trả khác	4.028.361.395.641	137.054.714.620	4.165.416.110.261
Chi phí phải trả	754.751.036.209	-	754.751.036.209
	7.676.729.417.628	3.732.498.992.871	11.409.228.410.499
Chênh lệch thanh khoản thuần	(1.598.417.080.483)	(1.069.010.189.610)	(2.667.427.270.093)
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	906.609.557.993	-	906.609.557.993
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.578.339.615.138	409.195.439.016	4.987.535.054.154
Đầu tư ngắn hạn	31.780.605.077	-	31.780.605.077
Đầu tư dài hạn	-	386.494.224.850	386.494.224.850
	5.516.729.778.208	795.689.663.866	6.312.419.442.074
Các khoản vay	5.489.655.892.981	5.306.982.930.349	10.796.638.823.330
Phải trả người bán và phải trả khác	4.688.119.818.764	94.235.876.628	4.782.355.695.392
Chi phí phải trả	869.132.001.117	-	869.132.001.117
	11.046.907.712.862	5.401.218.806.977	16.448.126.519.839
Chênh lệch thanh khoản thuần	(5.530.177.934.654)	(4.605.529.143.111)	(10.135.707.077.765)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức kiểm soát được. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty và các Công ty con có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn bằng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty và các khoản hỗ trợ tài chính bằng các khoản vay từ ngân hàng.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của năm báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

	Mã số	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
Phải thu khách hàng	131	4.513.220.763.694	(383.306.653.826)	4.129.914.109.868
Phải thu dài hạn khác	218	25.469.564.839	383.306.653.826	408.776.218.665


 Trần Minh Toàn
 Người lập biểu


 Nguyễn Quốc Hòa
 Kế toán trưởng


 Vũ Quý Hà
 Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2014





Xây những giá trị, dựng những ước mơ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM
VIETNAM CONSTRUCTION AND IMPORT-EXPORT JOINT STOCK CORPORATION

Địa chỉ: Tòa nhà VINACONEX – 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-4) 62849234 Fax: (84-4) 62849208

Email: info@vinaconex.com.vn www.vinaconex.com.vn